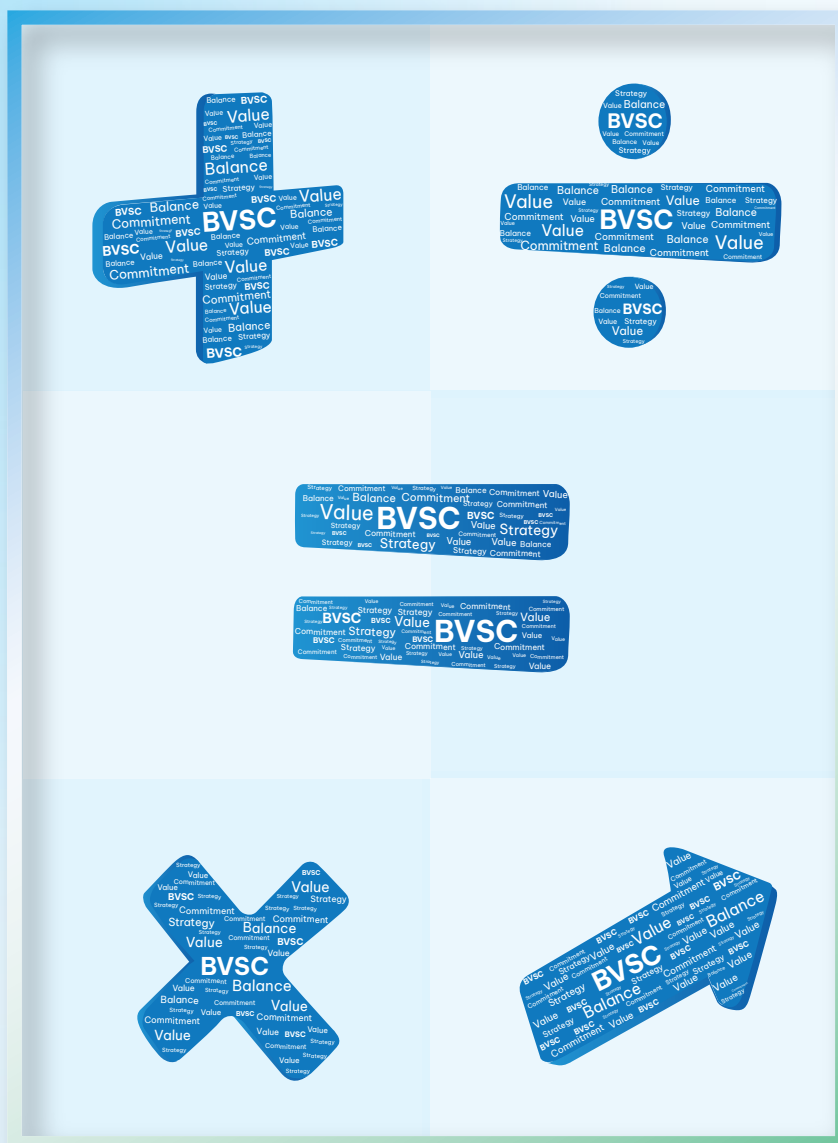




Cộng Giá Trị Nhân Thành Công

2024 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



NỘI DUNG

01

Giới thiệu chung

- 6 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 8 Thông tin chung về Công ty
- 22 Các chỉ số cơ bản KPIs



02

Báo cáo tình hình hoạt động 2024

- 26 Tổng quan nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán 2024
- 32 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 38 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



03

Mục tiêu và cam kết hành động năm 2025

- 72 Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025
- 74 Dự báo nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán năm 2025
- 76 Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2025



04

Quản trị Công ty

- 84 Cơ cấu tổ chức
- 86 Nhân sự chủ chốt: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành
- 90 Thông tin dành cho Cổ đông
- 99 Hội đồng Quản trị
- 108 Ban Kiểm soát
- 114 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban TGĐ
- 118 Kiểm toán nội bộ
- 122 Quản trị rủi ro
- 134 Thực hiện các quy định về Quản trị công ty



05

Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI

- 140 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 142 Gắn kết mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGS) và GRI Standards trong quản trị vấn đề trọng yếu
- 160 Chủ đề Kinh tế
- 164 Chủ đề Môi trường
- 170 Chủ đề Xã hội
- 206 Phụ lục I: Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo CAMEL
- 208 Phụ lục II: Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL
- 210 Báo cáo tài chính
- 284 Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính





Cộng HƯỞNG GIÁ TRỊ KIẾN TẠO NỀN TẢNG

Chương I: GIỚI THIỆU CHUNG

Suốt 25 năm qua, Bảo Việt Securities đã đồng hành cùng khách hàng và đối tác, cộng hưởng giá trị để kiến tạo nền tảng vững chắc. Chúng tôi không ngừng mở rộng hệ sinh thái dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, tạo dựng niềm tin bằng sự tận tâm và tính chuyên nghiệp.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024, BVSC tiếp tục cán đích thành công với tổng doanh thu thực hiện đạt 949,3 tỷ đồng, hoàn thành 114,6% kế hoạch và bằng 109% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 206,4 tỷ đồng, hoàn thành 125,1% kế hoạch, tăng trưởng ấn tượng bằng 129,2% so với năm trước.

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

Năm 2024, Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tròn 25 năm hình thành và phát triển, song hành cùng sự phát triển của TTCK Việt Nam. Do đó, chúng tôi chọn thông điệp “**Cộng Giá Trị, Nhân Thành Công**” là thông điệp chủ đạo của cuốn Báo cáo thường niên năm nay thay cho lời tri ân của BVSC tới các Quý vị lãnh đạo từ các cơ quan quản lý, Quý vị cổ đông, Quý khách hàng đã đồng hành và hỗ trợ BVSC. Thông điệp này cũng là lời tri ân sâu sắc tới các thế hệ nhân sự BVSC đã đồng hành kiến tạo và phát triển Công ty bền vững trong 25 năm qua. Chúng tôi hiểu rằng, sự thành công của BVSC ngày hôm nay là sự cộng hưởng những giá trị đến từ sự tin nhiệm của các cơ quan quản lý, sự tin tưởng từ các Quý vị cổ đông và Quý khách hàng, và sự cống hiến không ngừng nghỉ của đội ngũ nhân sự trong những năm qua.

Năm 2024, TTCK Việt Nam vận hành trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, mặt bằng lãi suất trong nước duy trì ở mức thấp và lợi nhuận doanh nghiệp phục hồi tích cực. Tuy nhiên, thị trường cũng đối mặt với thách thức đáng kể từ áp lực tỷ giá và hoạt động bán ròng mạnh mẽ của khối ngoại. Trước bối cảnh nêu trên, BVSC phát huy thế mạnh vốn có, không ngừng đổi mới nhằm thích ứng nhanh với những biến động từ thị trường, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh với quyết tâm cao hoàn thành nhiệm vụ do ĐHCĐ giao. Năm 2024, BVSC tiếp tục cán đích thành công với tổng doanh thu thực hiện đạt 949,3 tỷ đồng, hoàn thành 114,6% kế hoạch và bằng 109%

so với năm trước; lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 206,4 tỷ đồng, hoàn thành 125,1% kế hoạch, tăng trưởng ấn tượng bằng 129,2% so với năm trước. Song song, BVSC ra mắt nền tảng ứng dụng di động mới “BVSC Invest” với những trải nghiệm vượt trội, đẩy mạnh đầu tư các phần mềm và dịch vụ liên quan đến giám sát, bảo vệ và dự phòng hệ thống nhằm tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống giao dịch, bảo vệ dữ liệu giao dịch về tiền và chứng khoán của Quý khách hàng... là sự khẳng định các cam kết hành động hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Bước sang năm 2025, dự báo môi trường kinh doanh tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều thách thức. Tuy nhiên, BVSC tin tưởng với nền tảng vững chắc được xây dựng trong 25 năm qua, cùng sự đồng hành và tin nhiệm từ Quý vị cổ đông, Quý khách hàng là nguồn động lực to lớn để chúng tôi tiếp tục phát huy những thế mạnh nền tảng vốn có, chủ động bám sát diễn biến thị trường để triển khai đồng bộ giải pháp kinh doanh, chú trọng nâng cao trải nghiệm khách hàng và tăng cường quản trị rủi ro, BVSC sẽ tiếp tục hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh năm 2025 để ra.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới Quý khách hàng, Quý cổ đông và đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty về sự tin tưởng và đồng hành cùng BVSC. Xin chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Nguyễn Hồng Tuấn





THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

SỨ MỆNH – TẦM NHÌN – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”) được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

BVSC là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
Vốn điều lệ:	722.339.370.000 đồng
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024:	2.475.372.532.349 đồng
Địa chỉ:	Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 3.928.8080
Fax:	(84-24) 3.928.9888
Website:	www.bvsc.com.vn
Mã cổ phiếu:	BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”)



SỨ MỆNH

Trao “**Niềm tin vững chắc**” cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng “**Cam kết vững bền**”.



TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số để mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, và sự hài lòng nhất cho cổ đông.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty.

Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên.

Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (Tiếp theo)

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999

- Chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài chính.

2000

- Thành lập Chi nhánh và khai trương Phòng Giao dịch (“PGD”) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2006

- Tăng vốn điều lệ từ 49,45 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.
- Cổ phiếu BVSC (Mã CK: BVS) chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2008

- Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng.
- Khai trương Trụ sở chính và sàn giao dịch mới tại số 8, Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Khai trương Phòng Giao dịch (“PGD”) số 1 tại 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2009

- Tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 722,3 tỷ đồng.
- Khai trương PGD số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

2010

- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.
- Chuyển trụ sở Chi nhánh về địa chỉ 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Thành lập PGD 11 Nguyễn Công Trứ tại số 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2011

- Khai trương PGD Mỹ Đình tại số 8 Nguyễn Cơ Thạch, quận Từ Liêm, Hà Nội.

2015

- Thành lập PGD Láng Hạ tại số 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Thành lập PGD 233 Đồng Khởi tại số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Chuyển PGD Mỹ Đình về địa chỉ số 519 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành PGD Kim Mã.

2016

- Chuyển PGD 146 Nguyễn Văn Cừ về số 90 Cao Thắng và đổi tên thành PGD Cao Thắng trực thuộc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2017

- Chuyển trụ sở chính từ số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm sang tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thành lập PGD số 174 Lê Hồng Phong trực thuộc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2019

- Chuyển PGD Kim Mã về Tòa nhà Văn phòng Hapulico số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội và đổi tên thành PGD Thanh Xuân.

2021

- Chuyển trụ sở chính từ tầng 2 và 3, tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm sang số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2022

- Chuyển PGD Láng Hạ về địa chỉ Tầng 10, tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội và đổi tên thành PGD Thành Công.
- Chuyển PGD Cao Thắng về địa chỉ 81 Cao Thắng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2023

- Chuyển PGD 174 Lê Hồng Phong về địa chỉ Tòa nhà số 24A đường Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành PGD Phan Đăng Lưu.

2024

- Chuyển trụ sở chính Công ty từ tầng 4 và tầng 7 của Đơn nguyên A sang đơn nguyên B Tòa nhà Bảo Việt số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Công ty (26/11/1999 – 26/11/2024).



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (Tiếp theo)

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN



Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 25 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có hơn 87 nghìn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC.



Môi giới khách hàng tổ chức

Trong suốt nhiều năm qua, BVSC đã xây dựng mối quan hệ đáng tin cậy với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp cả trong và ngoài nước. Với sứ mệnh “Đặt khách hàng vào trung tâm”, BVSC không ngừng đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin cùng nguồn nhân lực, tiến hành nghiên cứu và phát triển sản phẩm để nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm với mục tiêu xây dựng một hệ sinh thái sản phẩm hoàn chỉnh trên nền tảng số, nhằm đáp ứng mọi nhu cầu đầu tư của các tổ chức đối tác.

Bên cạnh đó, BVSC chú trọng vào việc hỗ trợ khách hàng tiếp cận tốt hơn với Thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua các buổi thuyết trình và cuộc họp trực tuyến định kỳ để cập nhật thông tin mới nhất và chia sẻ kiến thức chuyên sâu, tổ chức nhiều chuyến tham quan để giúp nhà đầu tư hiểu rõ hơn về thị trường Việt Nam và tìm kiếm nhiều cơ hội đầu tư tiềm năng.



Lưu ký

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho khách hàng bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán, các giao dịch chứng khoán lô lẻ, đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”).



Tự doanh

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.



Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (“M&A”) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp (Tư vấn đại chúng hóa và niêm yết, Tư vấn cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước...)

Hoạt động Ngân hàng Đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm “Chất lượng – Tiến độ – Hiệu quả” và mục tiêu “Tối đa hóa lợi ích của khách hàng”, các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

Tại Diễn đàn M&A Việt Nam 2024, BVSC đã được vinh danh là “Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu năm 2023-2024”.



Phân tích và Tư vấn đầu tư

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích, mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp. Các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

(Tiếp theo)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán. Cụ thể mạng lưới hoạt động BVSC như sau:



HỘI SỞ

Địa chỉ: Đơn nguyên B, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hotline: (84-24) 3.928.8080.

Fax: (84-24) 3.928.9888.



CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

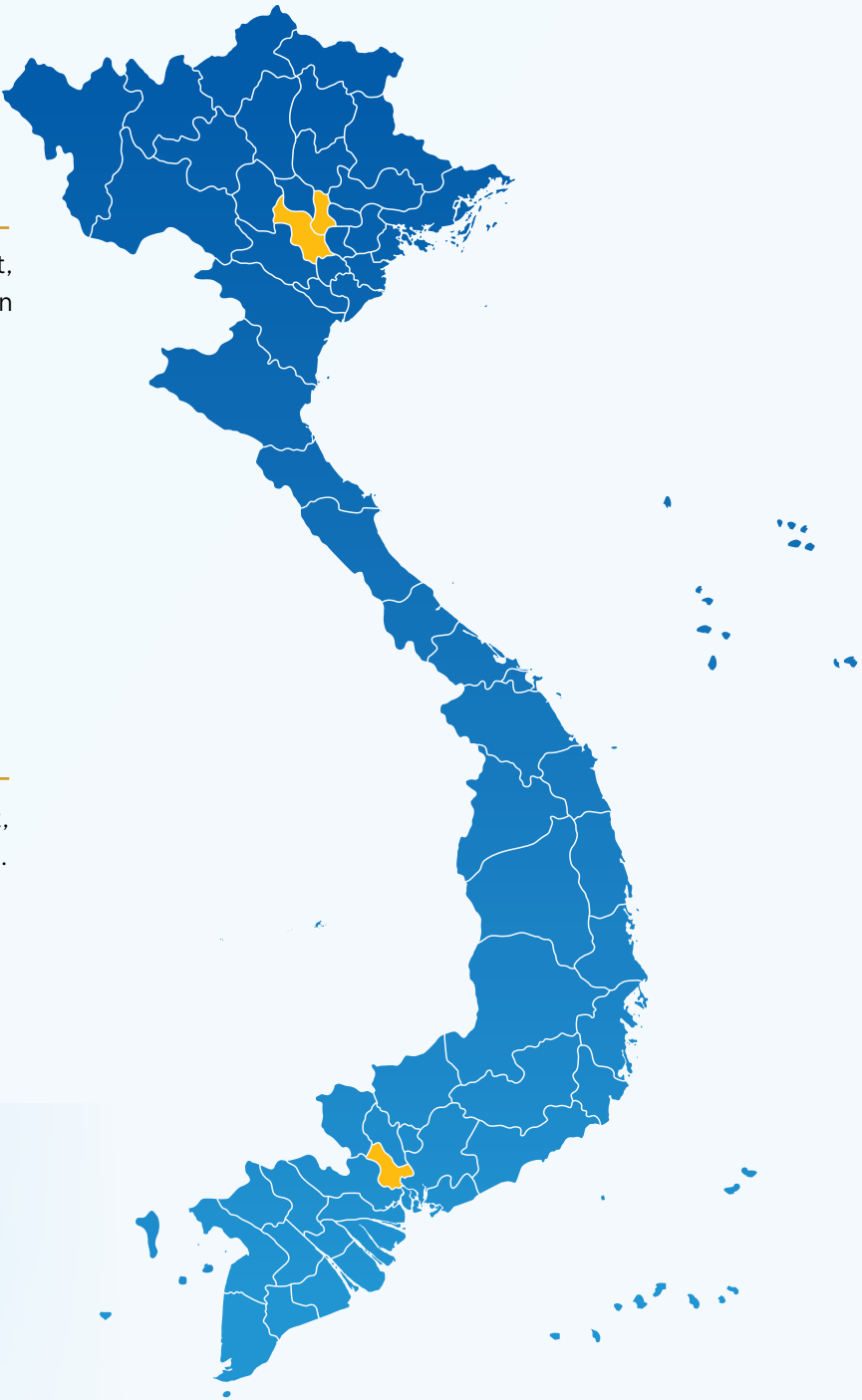
Điện thoại: (84-28) 3.914.6888.

Fax: (84-28) 3.914.999.

Hotline của Công ty: **19001018**

Email: info@bvsc.com.vn

Website: www.bvsc.com.vn



PHÒNG GIAO DỊCH HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH THANH XUÂN

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng (85 Vũ Trọng Phụng), quận Thanh Xuân, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà ROX Tower, số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH 11 NGUYỄN CÔNG TRÚ

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH CAO THẮNG

Địa chỉ: 81 Cao Thắng, Phường 3, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH 233 ĐỒNG KHỞI

Địa chỉ: Lầu G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH PHAN ĐĂNG LƯU

Địa chỉ: Tầng trệt, Tòa nhà số 24A đường Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (Tiếp theo)



GIẢI THƯỞNG

Kể từ khi thành lập (năm 1999) đến nay, BVSC đã liên tục được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong nước và nước ngoài, và của các Cơ quan quản lý trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi xin được tóm lược những thành tích tiêu biểu gần nhất:

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh



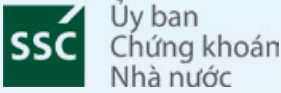
Thủ tướng chính phủ

- Cờ thi đua Chính phủ 2019.



Bộ Tài chính

- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014.
- Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018.
- Cờ thi đua khen thưởng về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Tài chính năm 2017.
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016 – 2017 – 2021 – 2022.



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012.
- Bằng khen về thành tích trong xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung giai đoạn 2018 – 2020.



Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX)

- Top 10 Thành viên giao dịch có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất năm 2022 do VNX bình chọn tại Hội nghị thành viên năm 2023.



Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Thành viên tiêu biểu trong 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 – 2016.
- Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2023 – 2024.



Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015.
- Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2016.
- Công ty Chứng khoán Thành viên Tiêu biểu Giai đoạn 2018 – 2019.



Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

- Top 10 Thành Viên Tiêu Biểu Trong Hoạt Động Thanh Toán Tiền Chứng Khoán Năm 2017.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 3 năm liên tiếp 2018 – 2020.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2024.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (Tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG (Tiếp theo)

Giải thưởng khác



- Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam
- Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam.



- Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam
- Top 200 Sao Vàng Đất Việt 2015.
 - Top 100 Sao Vàng Đất Việt 2018.



- Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu
- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa 05 năm liên tiếp 2017–2021.
 - Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2024 - Nhóm ngành Tài chính.



- Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững
- Top 100 các Doanh nghiệp bền vững 07 năm liên tiếp 2018 – 2024.



- Cuộc Bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI tiến hành
- Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam 05 năm liên tiếp 2018 – 2022.
 - Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021 – 2024.
 - Top 1 Ngành Dịch vụ Tài chính năm 2023.



- Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam
- Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021.



- Giải thưởng Vietnam Profit 500
- Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam - năm 2022 & 2024.



- Diễn đàn cấp cao Cổ vấn tài chính Việt Nam
- Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu.
 - Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu.



- Diễn đàn M&A thường niên
- Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất - hạng mục tư vấn cổ phần hóa/thoái vốn/M&A 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
 - Công ty Chứng khoán Tư vấn M&A tiêu biểu thập kỉ 2009 – 2018.
 - Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2023.
 - Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu năm 2023 – 2024.



- Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD)
- Top 50 Doanh nghiệp tiên phong & cam kết nâng cao quản trị công ty tại Việt Nam.



- Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB)
- Top 7 Doanh nghiệp tiên phong thực hành ESG.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (Tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG (Tiếp theo)

Giải thưởng Quốc tế



Global Banking and Finance Review (Anh Quốc)

- Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 03 năm liên tiếp 2015 – 2017.
- Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017.
- Công ty chứng khoán chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2021.
- Nền tảng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2022.
- Giải thưởng Top 100 doanh nghiệp toàn cầu 2022 & 2023 – Nền tảng giao dịch.
- Nền tảng giao dịch mới sáng tạo nhất Việt Nam 2024.
- 25 năm thành tựu xuất sắc – Ngành chứng khoán Việt Nam 2024.



International Finance Magazine (Anh Quốc)

- Tổ chức Tư vấn Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018 – 2019.
- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018.



International Business Magazine (UAE)

- Tổ chức Môi giới Chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2020.



Global Business Outlook Awards

- Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2021.



World Economic Magazine Award

- Tổ chức môi giới chứng khoán có hoạt động bền vững nhất 2021 & 2023.
- Công ty môi giới chứng khoán tốt nhất năm 2024.



Finance Derivative Magazine

- Công ty tư vấn chứng khoán bền vững nhất Việt Nam năm 2022.



The Global Economics

- Nền tảng giao dịch chứng khoán tiên phong nhất – Bwise năm 2021.
- BVSC Invest – Ứng dụng hỗ trợ giao dịch chứng khoán tốt nhất năm 2024.





CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPIs)

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2020	2021	2022	2023	2024
I - CHỈ TIÊU CƠ BẢN					
Tổng Doanh thu	594,15	1.147,11	921,54	935,48	992,77
Lãi từ đầu tư các tài sản tài chính	212,91	255,98	163,21	219,83	247,49
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (gồm lãi cho margin & ứng trước)	174,09	361,77	325,81	330,27	410,73
Doanh thu hoạt động môi giới CK	151,39	467,67	320,15	307,77	318,59
Doanh thu Tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đầu giá	21,47	41,02	32,45	2,21	3,47
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5,68	9,23	9,50	7,20	6,86
Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác	28,61	11,44	70,41	68,22	5,62
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	154,37	351,59	179,25	238,08	241,04
Lợi nhuận khác	(0,04)	(0,56)	1,75	(0,19)	(0,12)
Lợi nhuận trước thuế	154,33	351,03	181,00	237,90	240,93
Lợi nhuận sau thuế	132,38	282,94	146,89	197,86	199,95
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	105,03	232,20	213,69	159,78	206,42
Tổng tài sản	3.412,99	5.719,30	3.857,65	6.016,42	5.628,66
Vốn chủ sở hữu	1.874,74	2.144,45	2.180,94	2.316,92	2.475,37
II - CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ					
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	518%	489%	654%	445%	678%
Hệ số thanh toán tổng quát: Tổng tài sản/Tổng nợ	2,22	1,60	2,30	1,63	1,79
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,15	1,60	2,20	1,55	1,63
Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn	2,13	1,54	2,11	1,53	1,94
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.389	3.042	2.782	2.080	2.688





Phát HUY NỘI LỰC CHINH PHỤC MỤC TIÊU

Chương II: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2024

Năm 2024 đánh dấu 25 năm hình thành và phát triển của Bảo Việt Securities. Với nền tảng vững chắc, khả năng thích ứng linh hoạt trước những thay đổi từ môi trường kinh doanh đã giúp Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Chúng tôi đã chinh phục các mục tiêu kinh doanh trọng yếu, khẳng định vị thế trên thị trường tài chính và tiếp tục tạo ra giá trị lâu bền cho cổ đông và khách hàng.



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ



CƠ HỘI



Xuất khẩu hồi phục mạnh mẽ. Trong năm 2024, tăng trưởng xuất khẩu ở mức xấp xỉ 13%, mức tăng ấn tượng sau khi đã sụt giảm 4,8% trong năm 2023. Sự hồi phục của sản xuất và xuất khẩu là động lực quan trọng giúp cho tăng trưởng GDP đạt 7,09%.



Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) diễn ra tích cực. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 38,27 tỷ USD, tăng tới 4,42% so với cùng kỳ, trong đó vốn FDI thực hiện tăng 9,35% lên 25,35 tỷ USD. Việc Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao, mở rộng thêm quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 3 quốc gia là Úc, Pháp, Malaysia, đồng thời duy trì các hiệp định thương mại tự do với nhiều quốc gia và khu vực khác được xem là động lực tích cực đối với việc thu hút FDI trong năm 2024 cũng như trong dài hạn.



Lạm phát được giữ ở mức thấp. Năm 2024, mặc dù áp lực lạm phát tăng cao hơn trong giai đoạn quý 2 và đầu quý 3, nhưng chỉ số CPI cả năm tăng 3,63% YoY, thấp hơn so với mục tiêu 4-4,5% đề ra từ đầu năm. Lạm phát được kiểm soát tạo tiền đề để NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và mặt bằng lãi suất thấp trong năm 2024.



Lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm. Trong năm 2024, mặt bằng lãi suất huy động đã có lúc giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 10 năm trở lại đây 4,56% (kỳ hạn 12 tháng, mẫu theo dõi hơn 30 NHTM) trước khi tăng nhẹ trở lại. Kết thúc năm 2024, lãi suất huy động đạt 5,24%, giảm 0,02 điểm phần trăm so với cuối năm 2023. Lãi suất huy động thấp đã tạo môi trường giúp lãi suất cho vay giảm tích cực trong năm nay, qua đó giúp doanh nghiệp và người dân tiếp cận dòng vốn dễ dàng hơn, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng cả năm 2024 đạt 15,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2017 cho tới nay.



THÁCH THỨC



Đồng VND giảm giá 5,01% tới cuối năm 2024. Áp lực tỷ giá lớn xuất hiện ngay từ đầu năm 2024 đã khiến cho NHNN phải bán ngoại tệ và sử dụng linh hoạt các công cụ để giữ ổn định các cân đối vĩ mô, về lạm phát, tỷ giá. Áp lực giảm bớt dần trong nửa sau của năm khi kế hoạch hạ lãi suất của Fed rõ ràng hơn, tuy nhiên lại tăng trở lại sau khi ông Donald Trump đắc cử Tổng thống Mỹ, khiến bức tranh kinh tế thế giới, thương mại và biến động các đồng tiền trở nên khó đoán hơn.



Bão Yagi xảy ra vào tháng 9, đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Việt Nam – ước tính khoảng 40 nghìn tỷ đồng (1,63 tỷ USD), ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng, nhà máy và sản xuất nông nghiệp của các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc.



Tăng trưởng tiêu dùng vẫn ở mức thấp. Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chỉ tăng 8,6%, thấp hơn so với mục tiêu tăng trưởng 9% mà Chính phủ đặt ra từ đầu năm. Mức tăng trưởng này vẫn đang thấp hơn khá nhiều so với mức tăng trưởng trung bình giai đoạn trước dịch (11-12%). Tiêu dùng tăng trưởng thấp một mặt cho thấy nhu cầu tiêu dùng kém, đồng thời cũng phản ánh những khó khăn của khu vực kinh tế trong nước.

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024 (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



Môi trường chính trị, xã hội ổn định, nhiều Luật, Pháp lệnh được thông qua như Luật Đất đai; Luật Tổ chức tín dụng sửa đổi, Luật Đầu tư,... tạo hành lang pháp lý toàn diện.



Mặt bằng lãi suất trong nước tiếp tục được duy trì ở mức thấp đã giúp dòng tiền trong nước duy trì sự ổn định và trở thành động lực chính cho thị trường. Từ đầu năm đến nay, dù gặp nhiều thách thức từ bên ngoài nhưng mặt bằng lãi suất trong nước vẫn được duy trì ở mức thấp, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường chứng khoán tăng trưởng cả về mặt điểm số và thanh khoản.



Nỗ lực thúc đẩy nâng hạng thị trường. Quốc hội đã thông qua Luật Chứng khoán sửa đổi, hướng tới minh bạch hóa thông tin, nâng cao chất lượng thị trường, bảo vệ nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã chính thức thông qua Thông tư 68/2024/TT-BTC, loại bỏ yêu cầu ký quỹ trước đối với NĐT quốc tế. Điều này sẽ giúp Việt Nam có thể đáp ứng đủ các tiêu chí nâng hạng của các tổ chức xếp hạng FTSE, mở ra cơ hội được nâng hạng thị trường trong tương lai gần.



KQKD của các doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng tích cực trong năm 2024. Tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp năm 2024 hồi phục mạnh mẽ từ nền thấp của năm 2023.



Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) duy trì mặt bằng lãi suất ở mức cao lâu hơn dự kiến khi phải tới tháng 9/2024 Fed mới có lần điều chỉnh lãi suất đầu tiên sau 3 năm. *Hệ quả là chỉ số đo lường sức mạnh đồng đô la (DXY) tiếp tục neo ở mức cao trong nửa đầu năm, qua đó tạo áp lực giảm giá lên nhiều đồng tiền trên thế giới, trong đó có Việt Nam.* Áp lực tỷ giá gia tăng không những tạo thách thức cho việc điều hành chính sách tiền tệ trong nước mà còn tác động không tích cực đến diễn biến TTCK trong năm 2024.



Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh. Tính đến hết năm 2024, khối ngoại đã bán ròng 90 nghìn tỷ đồng trên HOSE. Trong đó, dòng vốn ngoại bị rút ra thông qua các quỹ ETF lên đến 22 nghìn tỷ đồng.



Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn lớn khiến rủi ro mất khả năng thanh toán vẫn hiện hữu ở nhiều doanh nghiệp, ảnh hưởng đến nợ xấu ngân hàng.



Dòng tiền chuyển hướng sang các kênh đầu tư khác như vàng, bất động sản...



Năm 2024 là năm mà số doanh nghiệp lên sàn thấp kỷ lục khi toàn thị trường chỉ có 10 doanh nghiệp niêm yết mới với 2 doanh nghiệp chuyển cổ phiếu từ sàn UPCoM sang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán HNX, 8 doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán HOSE. Con số này đặt trong bối cảnh VN có trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp đưa cổ phiếu lên sàn niêm yết thấp, đây là yếu tố kém thuận lợi đối với mảng tư vấn của các công ty chứng khoán.



Các cuộc tấn công mạng vào hệ thống công nghệ thông tin tại một số doanh nghiệp trong năm 2024 đã làm dấy lên lo ngại về an ninh mạng trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Các cuộc tấn công nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường bảo mật hệ thống an toàn thông tin trong bối cảnh các hoạt động, dịch vụ đã được số hóa mức độ cao.



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024 (Tiếp theo)

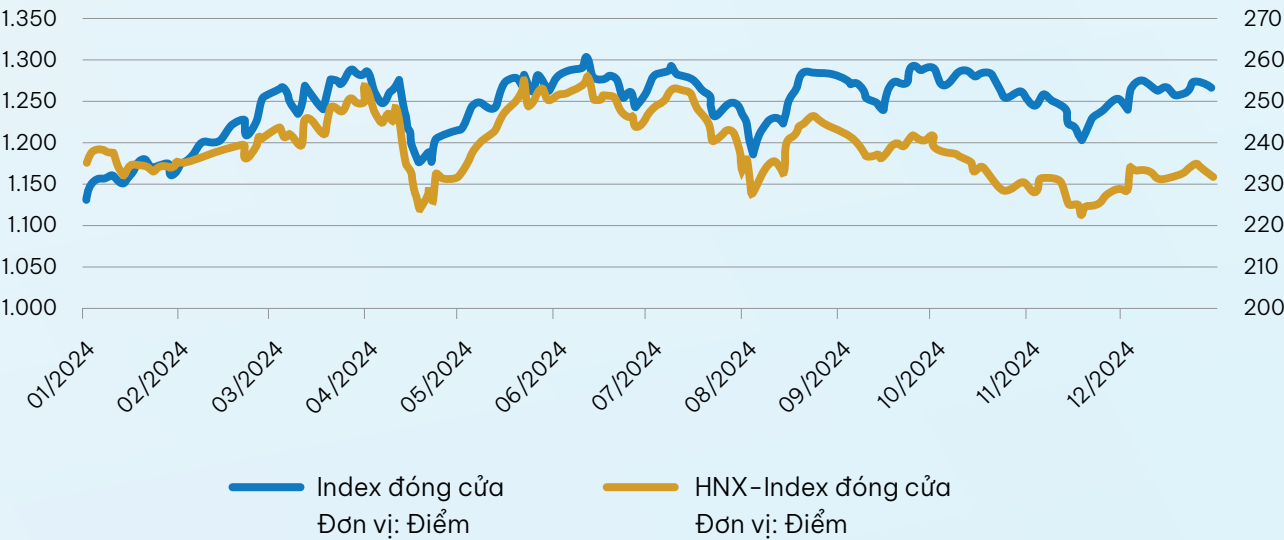
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (Tiếp theo)

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

Trong năm 2024, xu hướng chủ đạo của thị trường chứng khoán Việt Nam là đi ngang với các nhịp sóng ngắn tăng giảm đan xen. Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024 có thể khái quát thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: thị trường tăng mạnh trong 3 tháng đầu năm. Giai đoạn 2: từ tháng 4 cho tới cuối năm, thị trường chuyển sang dao động trong kênh giá đi ngang trong vùng từ 1.188-1.325 điểm.

Về chỉ số: Vn-Index tăng mạnh trong 3 tháng đầu năm vượt lên trên mức 1.300 điểm, mức tăng hơn 150 điểm so với mức đóng cửa năm 2023. Tuy nhiên từ tháng 4 tới cuối năm, thị trường chuyển sang dao động trong kênh giá đi ngang trong vùng từ 1.188-1.325 điểm. Vn-Index đóng cửa tại 31/12/2024 ở mức 1266,78 điểm, tăng 136,85 điểm (tương đương 12%) so với năm 2023. HNX-Index đóng cửa tại 227,43 điểm tại 31/12/2024, giảm 3,61 điểm (tương đương 1,56%) so với năm 2023.

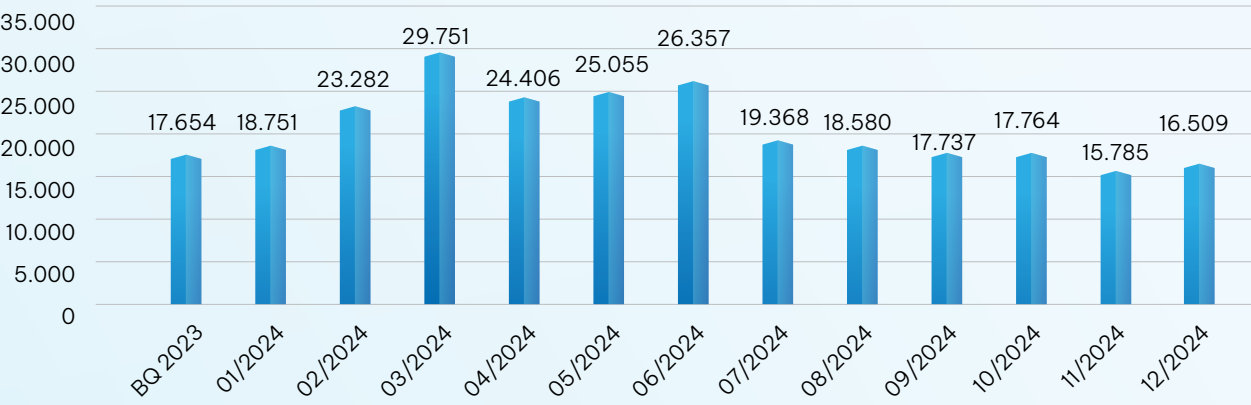
Chỉ số VN-Index và HNX-Index năm 2024



Về thanh khoản: Giá trị giao dịch bình quân trên cả 3 sàn có sự khác biệt lớn trong nửa đầu năm và nửa cuối năm. Thanh khoản 6 tháng đầu năm được duy trì ở mức cao, trung bình gần 24,6 nghìn tỷ đồng mỗi phiên. Tuy nhiên, bắt đầu từ tháng 7, thanh khoản trên 3 sàn đã có sự sụt giảm đáng kể, chỉ ở quanh mức 17 nghìn -19 nghìn tỷ/phiên. Giá trị giao dịch trung bình phiên cả năm 2024 trên cả 3 sàn đạt 21.018 tỷ đồng/phiên, tăng 19% so với bình quân năm 2023.



Biểu đồ giá trị giao dịch bình quân (ĐVT: Tỷ đồng)



Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh trong năm 2024. Tổng giá trị mua vào là 454.179 tỷ đồng và tổng giá trị bán ra là 545.531 tỷ đồng trên 2 sàn HSX và HNX, chênh lệch bán ròng 91.352 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2024

Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024

HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc và Công ty hoàn thành xuất sắc triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2024.



Triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Để triển khai kế hoạch kinh doanh 2024 do ĐHĐCĐ giao, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm dịch vụ, quản trị rủi ro, tăng cường đảm bảo an toàn thông tin và đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số toàn diện trên toàn Công ty với quyết tâm cao hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2024, BVSC đã hoàn thành vượt KH kinh doanh đề ra, cụ thể:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt **993,41 tỷ đồng** hoàn thành 113,2% KH (877 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu thực hiện là **949,29 tỷ đồng** hoàn thành 114,65% KH (828 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế đạt **199,95 tỷ đồng** hoàn thành 110,47% KH (181 tỷ đồng) Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm đạt **206,42 tỷ đồng** hoàn thành 125,11% KH (165 tỷ đồng).

Với kết quả kinh doanh như trên, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc và Công ty hoàn thành xuất sắc triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2024.



Triển khai nhiệm vụ khác

- Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, HĐQT phối hợp BKS, Ban Tổng Giám đốc triển khai các nhiệm vụ: Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm thanh toán cổ tức bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 08% trên mệnh giá cổ phần, trích lập các quỹ dự phòng, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban quản trị.
- Hoàn thành việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 & 2026 tổng giá trị hợp đồng là: 1.070.850.000 VNĐ.
- Thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025, kết quả cho thấy đến thời điểm hiện nay Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu Chiến lược đề ra. Nội dung chi tiết được trình bày tại Chương III. Mục 1 – Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025.



Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó ưu tiên

1

Tập trung đầu tư vào chất lượng dịch vụ gia tăng trải nghiệm khách hàng và tăng cường công tác chăm sóc như: ra mắt nền tảng ứng dụng di động mới “BVSC Invest” với nhiều cải tiến về tiện ích và độ bảo mật cao; triển khai dịch vụ giao dịch không ký quỹ tiền (Prefunding) cho Khách hàng là nhà đầu tư tổ chức nước ngoài từ tháng 11/2024; liên tục cải tiến sản phẩm & thiết kế các chương trình khuyến mại kèm theo về ưu đãi phí, lãi suất margin hấp dẫn nhân dịp 25 năm thành lập Công ty và các chương trình thúc đẩy bán hàng hợp lực chung giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt chào mừng 60 năm Bảo Việt.

2

Đảm bảo sử dụng linh hoạt nguồn vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả mang lại cho Công ty, tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn hạn cũng như chủ động tìm kiếm các kênh huy động vốn đáp ứng nhu cầu khách hàng.

3

Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số toàn diện bám sát định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 như: ra mắt ứng dụng ibroker hỗ trợ cán bộ môi giới trong việc quản lý chăm sóc khách hàng; đầu tư các phần mềm và dịch vụ liên quan đến giám sát, bảo vệ và dự phòng hệ thống nhằm tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống giao dịch, giao dịch về tiền và chứng khoán của khách hàng...



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua cơ chế báo cáo định kỳ, Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT, & vai trò của các ủy ban trực thuộc HĐQT và cơ quan Kiểm toán nội bộ & qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024: (i) đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường nhằm để ra giải pháp linh hoạt, đồng bộ về sản phẩm dịch vụ, nguồn vốn, con người, công nghệ và quản trị rủi ro để Công ty thực hiện hoàn thành KHKD năm 2024; (ii) Công ty phát triển được những sản phẩm, dịch vụ mới & các hoạt động chuyển đổi



số toàn diện bám sát định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025; (iii) Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao luôn cẩn trọng, trung thực, hiệu quả và công khai các lợi ích liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Hoạt động an sinh xã hội với tổng ngân sách hơn

1.000.000.000

VNĐ



Ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Bắc để khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi)

400.000.000

VNĐ

Song hành với những mục tiêu về kinh tế, HĐQT nhận thức mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng, xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của BVSC. Năm 2024, HĐQT chỉ đạo Công ty tiếp tục triển khai đầy mạnh hoạt động an sinh xã hội với tổng ngân sách thực hiện hơn 1.000.000.000 VNĐ, điển hình như các hoạt động:



Phát động kêu gọi cán bộ, nhân viên nhiệt tình tham gia ủng hộ, đồng thời trích kinh phí từ nguồn Quỹ phúc lợi của Công ty với số tiền hơn 400.000.000 VNĐ để ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Bắc để khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra.



Nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam và 35 năm ngày hội quốc phòng toàn dân; đồng thời với tinh thần “Tuyển sau hướng về tuyển trước” cùng chung tay xây dựng biên giới vững mạnh toàn diện, BVSC phối hợp với Đồn biên phòng Trà Lĩnh triển khai Chương trình mang hơi ấm tới vùng cao 2024 tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng với các hoạt động: trao tặng kinh phí xây dựng sân khấu và thiết bị trường học tại trường mầm non xã Xuân Nội; trao tặng kinh phí triển khai xây dựng cột điện năng lượng mặt trời trong chương trình “Thắp sáng vùng biên”; hỗ trợ kinh phí xây nhà tình nghĩa cho 2 hộ nghèo đặc biệt khó khăn thực hiện theo chủ trương của Chính phủ về chương trình “Xóa nhà tạm, nhà dột nát”; thăm và động viên chiến sĩ, trao tặng công trình nhà thể thao tại Đồn biên phòng Trà Lĩnh với tổng kinh phí triển khai là 300.000.000 VNĐ.



Bên cạnh đó, Công ty cũng ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh để giảm thiểu các tác động đến môi trường, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng, ưu tiên mua sắm các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. BVSC phát động phong trào “Văn hóa 5S” được triển khai sâu rộng tới các cán bộ nhằm mục tiêu tạo môi trường làm việc ngăn nắp, sạch sẽ, thông thoáng, đồng thời giảm thiểu các lãng phí thời gian tìm kiếm hồ sơ, tài liệu, lãng phí vật tư, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo sự thoải mái trong quá trình làm việc qua đó tăng năng suất lao động.



Báo cáo phát triển bền vững năm 2024 đã được HĐQT xem xét và phê duyệt theo nội dung chi tiết tại *Chương V Phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI*.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025



Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2025 (vui lòng tham khảo tại Chương III, Mục 2 – Dự báo nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2025), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty hoàn thành KHKD năm 2025 với các chỉ tiêu sau			
	Tổng doanh thu và thu nhập khác		trong đó Doanh thu thực hiện đạt
1.068 Tỷ đồng		1.025 Tỷ đồng	
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận sau thuế)		trong đó Lợi nhuận sau thuế thực hiện
195 Tỷ đồng		180 Tỷ đồng	

Định hướng kinh doanh trong năm 2025, BVSC tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh; tăng cường quản trị rủi ro; đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ.

(KHKD năm 2025 gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế vĩ mô và diễn biến TTCK như được trình bày tại Chương III. Mục 2 của Báo cáo này; và có thể được điều chỉnh để sát với tình hình thực tế tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2025)

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty



- 1

HĐQT bám sát diễn biến thị trường để có các định hướng & chỉ đạo Công ty tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy Hoạt động môi giới, Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành, Hoạt động tự doanh; liên tục cải tiến sản phẩm & thiết kế các chương trình khuyến mại kèm theo về ưu đãi phí, lãi suất margin hấp dẫn; nâng cấp hệ thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ & gia tăng trải nghiệm cho khách hàng. Bên cạnh đó, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Công ty sử dụng linh hoạt nguồn vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả mang lại cho Công ty; tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại gia tăng các khoản vay ngắn & dài hạn tiến tới cân bằng và ổn định hơn nữa cơ cấu về nguồn vốn; đồng thời triển khai phương án phát hành trái phiếu, cũng như chủ động tìm kiếm các kênh huy động vốn đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- 2

HĐQT chỉ đạo Công ty tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng AI trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, cũng như chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng; đồng thời chú trọng đầu tư hệ thống CNTT đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống giao dịch và các giao dịch về tiền, chứng khoán của khách hàng.
- 3

HĐQT chỉ đạo Công ty triển khai rà soát đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025; và nghiên cứu xây dựng Chiến lược giai đoạn 2026-2030 để trình ĐHCĐ thường niên 2026 thông qua.
- 4

HĐQT chỉ đạo Công ty tiếp tục đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác an sinh xã hội, các hoạt động vì cộng đồng gắn với phát triển bền vững, hỗ trợ quảng bá thương hiệu Công ty.
- 5

Nhằm phát huy lợi thế trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt, và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI BVSC

Cùng với cơ hội và thách thức đến từ bối cảnh kinh tế vĩ mô và TTCK đã phân tích tại Phần I của Chương này, đối với BVSC khó khăn lớn nhất trong năm 2024 cũng như nhiều năm trở lại đây là nguồn vốn kinh doanh. Phương án tăng vốn điều lệ chưa được thực hiện theo lộ trình nên Công ty chưa đáp ứng điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, đồng thời khả năng cung cấp dịch vụ cho vay margin, ứng trước cũng bị hạn chế vì những quy định của pháp luật hiện hành đều áp dụng những giới hạn liên quan đến vốn chủ sở hữu và/hoặc vốn điều lệ. Tuy nhiên, với lợi thế là một công ty chứng khoán uy tín và có bề dày kinh nghiệm lâu bền trên thị trường, nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao, am hiểu thị trường cùng với nỗ lực đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và vận hành đi kèm tăng cường công tác quản trị rủi ro, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh đề ra năm 2024.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BVSC NĂM 2024

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2023	TH 2024	KH 2024	TH 2024 so với KH 2024	TH 2024 so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	935,48	992,77	877	113,20%	106,12%
Trong đó: Doanh thu đã thực hiện	869,90	949,29	828	114,65%	109,13%
Tổng chi phí	(697,40)	(751,72)	(650,75)	115,52%	107,79%
Trong đó: Chi phí đã thực hiện	(674,95)	(701,86)	(621,75)	112,88%	103,99%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	238,08	241,04	226,25	106,54%	101,24%
Lợi nhuận khác	(0,19)	(0,12)	-		62,09%
Lợi nhuận trước thuế	237,90	240,93	226,25	106,49%	101,27%
Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện	194,95	247,43	206,25	119,97%	126,92%
Lợi nhuận sau thuế	197,86	199,95	181	110,47%	101,06%
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	159,78	206,42	165	125,11%	129,20%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024



Tổng doanh thu 2024

992,77 Tỷ đồng



Doanh thu thực hiện

949,29 Tỷ đồng



Lợi nhuận trước thuế

240,93 Tỷ đồng



Lợi nhuận trước thuế thực hiện

247,43 Tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế

199,95 Tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế thực hiện

206,42 Tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty đạt 992,77 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện là 949,29 tỷ đồng bằng 114,65% so với kế hoạch và bằng 109,13% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty là 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản tài chính chiếm tới 98,39% cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.

Lợi nhuận trước thuế cả năm là 240,93 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 247,43 tỷ đồng, bằng 119,97% so với kế hoạch và bằng 126,92% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 199,95 tỷ đồng trong đó, lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 206,42 tỷ đồng, bằng 125,11% kế hoạch và bằng 129,20% so với cùng kỳ năm trước.



Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty là 3 mảng hoạt động chính là:

- môi giới
- thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán
- doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KẾ

Đơn vị: tỷ đồng					
CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2024 so với KH 2024	Tỷ lệ TH 2024 so với TH kỳ trước
I. Tổng Doanh thu, trong đó:	935,48	992,77	877,00	113,20%	106,12%
1. Doanh thu hoạt động	870,49	990,56	866,00	114,38%	113,79%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	307,77	318,59	323,00	98,64%	103,52%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	330,27	410,73	328,30	125,11%	124,36%
➤ Lãi cho vay margin	264,40	344,38	254,80	135,16%	130,25%
➤ Lãi cho vay ứng trước	65,87	66,35	73,50	90,27%	100,73%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính (hoạt động đầu tư)	219,83	247,49	195,20	126,79%	112,58%
➤ Hoạt động đầu tư tự doanh:	153,65	202,33	153,50	131,81%	131,68%
➤ Doanh thu thực hiện	87,64	158,21	104,50	151,40%	180,52%
➤ Doanh thu chưa thực hiện	66,00	44,11	49,00	90,03%	66,84%
➤ Hoạt động đầu tư tiền gửi:	66,18	45,17	41,70	108,31%	68,25%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ Tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2,21	3,47	11,00	31,58%	157,53%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	7,20	6,86	5,50	124,67%	95,29%
1.6. Doanh thu hoạt động khác	3,23	3,41	3,00	113,62%	105,41%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	64,99	2,21	11,00	20,11%	3,40%
II. Tổng chi phí	(697,40)	(751,72)	(650,75)	115,52%	107,79%
1. Chi phí hoạt động	(429,90)	(477,85)	(360,44)	132,57%	111,15%

Đơn vị: tỷ đồng					
CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2024 so với KH 2024	Tỷ lệ TH 2024 so với TH kỳ trước
Trong đó: Chi phí thực hiện	(406,84)	(427,23)	(331,44)	128,90%	105,01%
Chi phí chưa thực hiện	(23,06)	(50,62)	(29,00)	174,54%	219,55%
2. Chi phí hoạt động tài chính	(123,35)	(134,93)	(138,25)	97,60%	109,38%
3. Chi phí quản lý	(144,15)	(138,94)	(152,06)	91,38%	96,39%
III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	238,08	241,04	226,25	106,54%	101,24%
IV. Lợi nhuận/Lỗ khác	(0,19)	(0,12)	-	-	62,09%
Trong đó: Thu nhập khác	0,42	0,64	-	-	151,71%
Chi phí khác	(0,61)	(0,75)	-	-	124,33%
V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	237,90	240,93	226,25	106,49%	101,27%
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện trước thuế	194,95	247,43	206,25	119,97%	126,92%
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	(40,04)	(40,98)	(45,25)	90,55%	102,35%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(35,17)	(41,01)	(41,25)	99,41%	116,59%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4,86)	0,03	(4,00)	0,82%	0,68%
IX. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	197,86	199,95	181,00	110,47%	101,06%
Trong đó: Lợi nhuận kế toán thực hiện sau thuế	159,78	206,42	165,00	125,11%	129,20%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	2.080	2.688	-	-	129,23%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KẾ (Tiếp theo)

Về doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới	Năm 2024 thị trường chứng khoán dù chịu ảnh hưởng từ các biến động kinh tế trong nước và quốc tế, áp lực lạm phát và sự rút lui tạm thời của dòng vốn ngoại song TTCK Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ. Giá trị giao dịch trung bình phiên cả năm 2024 trên cả 3 sàn đạt 21.018 tỷ đồng/phiên, theo đó, doanh thu môi giới của Công ty đạt 318,59 tỷ đồng, bằng 98,64% so với kế hoạch, bằng 103,52% so với cùng kỳ năm trước.
Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu	Doanh thu hoạt động cho vay (gồm cho vay margin & ứng trước) của năm 2024 đạt 410,73 tỷ đồng, hoàn thành 125,11% so với kế hoạch và bằng 124,36% so với cùng kỳ năm trước. Thanh khoản thị trường tăng, nhu cầu vay margin, ứng trước của nhà đầu tư cũng tăng trong năm 2024, dư nợ margin cuối kỳ đạt 3.503,74 tỷ đồng tăng 9,18% so với cùng kỳ năm trước và dư nợ margin bình quân cả năm 2024 đạt 3.056 tỷ đồng tăng 36,34% so với năm trước. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và duy trì mức dư nợ cho vay margin và ứng trước ở mức khá cao, trong khi quy mô vốn của Công ty ở mức vừa phải, chưa được tăng vốn điều lệ và chưa thuận lợi để triển khai phát hành trái phiếu, Công ty đã tích cực làm việc với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn và dài hạn với lãi suất đầu vào tốt nhất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường công tác quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, kiểm soát và ngăn ngừa tránh để xảy ra thiệt hại đối với các khoản cho vay.
Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính	Đạt 247,49 tỷ đồng bằng 126,79% kế hoạch và bằng 112,58% so với cùng kỳ năm trước bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tiền gửi. Trong đó: Doanh thu đầu tư chứng khoán đạt 202,33 tỷ đồng bằng 131,81% kế hoạch và bằng 131,68% so với cùng kỳ năm trước. Công ty duy trì quy mô đầu tư vào cổ phiếu và chứng chỉ quỹ ổn định với tỷ trọng quanh 10% Vốn chủ sở hữu. Trong năm, Công ty đã cơ cấu lại danh mục tự doanh, giải ngân khá thận trọng trên cơ sở đánh giá thực tế diễn biến thị trường và đầu tư vào những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt đồng thời đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ giao dịch với các quỹ đầu tư và kết hợp với chiến lược đầu tư hướng cổ tức. Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu: trong năm 2024 BVSC mua mới 350 tỷ đồng vào trái phiếu ngân hàng để đầu tư và đáp ứng linh hoạt nhu cầu vốn của Công ty. Chính sách đầu tư linh hoạt và hiệu quả đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Công ty.



Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi, Công ty dự đoán lãi suất huy động tiền gửi của các Ngân hàng thương mại ở mức thấp và đi ngang trong cả năm 2024 nên đã chủ động giảm tỷ trọng đầu tư vào tiền gửi (số dư đầu tư tiền gửi cuối năm 2023 là 1.587,80 tỷ đồng giảm xuống còn 850,50 tỷ đồng vào cuối năm 2024) và dịch chuyển nguồn vốn phục vụ cho hoạt động cho vay margin và ứng trước. Chính vì vậy, trong năm 2024, doanh thu từ đầu tư tiền gửi chỉ đạt 45,17 tỷ đồng, bằng 68,25% so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn hoàn thành 108,31% so với kế hoạch đề ra.

Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán	Đạt 3,47 tỷ đồng, mặc dù tỷ lệ hoàn thành kế hoạch còn khá khiêm tốn đạt 31,58%, tuy nhiên hoạt động tư vấn đã có chuyển biến tích cực so với 2023, đạt 157,53% so với cùng kỳ năm trước. Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động tư vấn IB như tư vấn thu xếp vốn cho Doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn truyền thống như tư vấn phát hành và niêm yết cổ phiếu, đại chúng hóa... Một số hợp đồng tư vấn đang triển khai thực hiện trong năm 2024 và sẽ được hoàn tất, ghi nhận trong năm 2025.
Doanh thu hoạt động lưu ký	Đạt 6,86 tỷ đồng, bằng 124,67% so với kế hoạch và bằng 95,29% so với cùng kỳ năm trước. Công ty thực hiện lưu ký chứng khoán cho các công ty chưa niêm yết và đã niêm yết trên HSX, HNX và UPCOM để hưởng phí theo quy định.
Doanh thu khác	Đạt 3,41 tỷ đồng, đạt 113,62% so với kế hoạch và bằng 105,41% so với cùng kỳ năm trước.
Doanh thu từ hoạt động tài chính	Đạt 2,21 tỷ đồng, bằng 20,11% so với kế hoạch và bằng 3,40% so với cùng kỳ năm trước.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KẾ (Tiếp theo)

Về Chi phí Tổng chi phí năm 2024 là 751,72 tỷ đồng bằng 115,52% so với kế hoạch và bằng 107,79% so với năm trước, cụ thể:

Chi phí hoạt động kinh doanh Là 477,85 tỷ đồng bằng 132,57% so với kế hoạch và bằng 111,15% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí kinh doanh tăng chủ yếu từ hoạt động đầu tư tự doanh, trong đó chi phí thực hiện từ đầu tư tự doanh tăng 53,54 tỷ đồng do Công ty thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư, bán và ghi nhận lỗ đối với một số cổ phiếu không hiệu quả và cũng trong năm 2024, với chủ trương đẩy mạnh phòng ngừa rủi ro đầu tư, Công ty đã đánh giá lại một số khoản đầu tư tự doanh theo nguyên tắc thận trọng tối đa, dẫn đến chi phí trích lập dự phòng tăng cao đáng kể so với năm trước.

Ngoài ra, chi phí đầu tư tài sản tài chính chưa thực hiện tăng lên 27,56 tỷ đồng do đánh giá lại chứng khoán niêm yết tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với giá vốn đầu tư. Các khoản chênh lệch này chưa được hiện thực hóa và sẽ biến động theo giá đóng cửa của thị trường tại thời điểm đánh giá.

Chi phí hoạt động tài chính (chủ yếu là chi phí lãi vay) trong kỳ đạt 134,93 tỷ đồng bằng 97,60% kế hoạch và bằng 109,38% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tăng so với kỳ trước nhưng vẫn thấp hơn so với mức tăng doanh thu tiền lãi từ các khoản cho vay. Chi phí tài chính đã được kiểm soát một cách hiệu quả do Công ty tận dụng tối đa nguồn vốn nhân rồi, sử dụng khoản trái phiếu nắm giữ để làm công cụ thấu chi tại ngân hàng với lãi suất thấp và tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn hạn với mức lãi suất tốt trên thị trường. Các biện pháp linh hoạt này làm cho chi phí lãi vay phát sinh ở mức thấp hơn so với dự kiến và đem lại hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty.

Năm 2024, không phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái nên không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi phí quản lý Phát sinh trong năm 2024 đạt 138,94 tỷ đồng, bằng 91,38% so với số kế hoạch và bằng 96,39% với cùng kỳ năm trước. Khoản chi phí này chủ yếu do đầu tư vào cơ sở vật chất, các khoản chi cho người lao động, ổn định nhân sự... để hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh. Trong năm 2024, Công ty ghi nhận tăng khoản chi phí khấu hao tài sản, phân bổ cải tạo sửa chữa tòa nhà văn phòng đi thuê tại trụ sở chính và Chi nhánh HCM và giảm chi phí tiền lương.



Lợi nhuận Năm 2024 lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 199,95 tỷ đồng bằng 110,47% so với số kế hoạch và bằng 101,06% với cùng kỳ năm trước, trong đó lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 206,42 tỷ đồng bằng 125,11% so với kế hoạch và tăng 47 tỷ đồng, bằng 129,20% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm, Công ty đã chủ động lường trước các khó khăn và thuận lợi đến từ thị trường tài chính trong nước và quốc tế, tận dụng tốt cơ hội, tập trung vào các hoạt động mũi nhọn như môi giới, đầu tư tài chính, cho vay margin - ứng trước,... thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ để tăng trưởng doanh thu, kèm theo đó là giảm chi phí dự phòng nhờ kiểm soát tốt chi phí kinh doanh, chi phí quản lý, hạn chế rủi ro để đem lại hiệu quả kinh doanh tăng trưởng so với năm trước và vượt mức kế hoạch đề ra.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu

Đơn vị: tỷ đồng					
Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2023	Tỷ trọng	Thực hiện 2024	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	870,49	93,05%	990,56	99,78%	13,79%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	307,77	32,90%	318,59	32,09%	3,52%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (bao gồm lãi cho vay margin & ứng trước)	330,27	35,30%	410,73	41,37%	24,36%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	219,83	23,50%	247,49	24,93%	12,58%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ Tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2,21	0,24%	3,47	0,35%	57,53%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	7,20	0,77%	6,86	0,69%	(4,71)%
1.6. Doanh thu hoạt động khác	3,23	0,35%	3,41	0,34%	5,41%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	64,99	6,95%	2,21	0,22%	(96,60)%
Tổng Doanh thu (1) + (2)	935,48	100%	992,77	100%	6,12%



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KẾ (Tiếp theo)



Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động kinh doanh chính như: môi giới chứng khoán, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, đầu tư tài sản tài chính, lưu ký, tư vấn và doanh thu khác. Trong đó doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lãi các khoản cho vay và phải thu, lãi từ đầu tư tài sản tài chính là ba mảng nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, đem lại 98,39% tổng số doanh thu của Công ty.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí

Đơn vị: tỷ đồng					
Chỉ tiêu chi phí	Thực hiện 2023	Tỷ trọng	Thực hiện 2024	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(429,90)	61,64%	(477,85)	63,57%	11,15%
2. Chi phí tài chính	(123,35)	17,69%	(134,93)	17,95%	9,38%
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(144,15)	20,67%	(138,94)	18,48%	(3,61)%
Tổng chi phí	(697,40)	100%	(751,72)	100%	7,79%

Nguồn: BTC kiểm toán 2024

Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó: chi phí cho hoạt động kinh doanh và chi phí tài chính năm 2024 chiếm 81,52%; chi phí quản lý bằng 18,48%. Cơ cấu chi phí được phân bổ hợp lý, chủ yếu tập trung cho các mảng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty như môi giới, hoạt động cho vay, đầu tư tự doanh. Việc phân bổ, kiểm soát chi phí hợp lý đã góp phần vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2024

MÔI GIỚI & DỊCH VỤ TÀI CHÍNH KÈM THEO

Kết quả hoạt động Môi giới & dịch vụ tài chính kèm theo năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng				
Chỉ tiêu	Năm 2024	KH năm 2024	% TH so với KH	% TH so với cùng kỳ
Thị phần Môi giới CP&CCQ	2,18%	2,63%	82,5%	88,6%
Doanh thu Môi giới	319	323	98,6%	103,5%
Doanh thu dịch vụ tài chính. Trong đó:	458	381	120,2%	99,3%
Cho vay margin & ứng trước	411	328	125,1%	124,4%

Ghi chú: Thị phần Môi giới CP & CCQ tính chung trên cả 3 sàn. Trong đó, xếp hạng thứ 8 thị phần giao dịch tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng điểm số Vn-Index khoảng 12% so với cuối năm 2023, đồng thời thanh khoản bình quân cũng cải thiện so với năm 2023. Tuy nhiên đà tăng diễn ra chủ yếu vào đầu năm, còn lại nửa cuối năm thị trường duy trì trạng thái đi ngang với thanh khoản thị trường giảm khoảng 28% so với nửa đầu năm, cũng như chịu áp lực rút ròng mạnh mẽ từ khối ngoại. Bên cạnh đó, xu thế cạnh tranh trên TTCK ngày càng gia tăng, nhiều CTCK đã tung ra các chương trình “zero-fee” hoặc giảm phí ở mức cao cho khách hàng, liên tục hạ lãi margin & ứng trước, hoặc miễn lãi margin cho khách, đưa ra chính sách thưởng hấp dẫn cho môi giới với tỷ lệ lên tới 80% doanh thu là những thách thức lớn đối với mảng môi giới. Trong bối cảnh đó, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp để duy trì thị phần, cụ thể như sau:

Phát triển khách hàng

Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn, tăng cường các hoạt động gặp gỡ và trao đổi với khách hàng mới tại các thị trường Thái, Singapore, Hong Kong... giúp tăng cơ hội hợp tác đầu tư. Bên cạnh đó, phát triển và chăm sóc nhóm khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt thông qua các chương trình phối hợp với Tập đoàn Bảo Việt & Đơn vị thành viên hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập Bảo Việt.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2024 (Tiếp theo)

Sản phẩm, dịch vụ	- Triển khai sản phẩm mới “Margin T+” 5 ngày miễn lãi là sản phẩm cho vay ký quỹ vượt trội. - Liên tục đẩy mạnh các chương trình khuyến mại xuyên suốt cả năm như “Margin ưu đãi – Mức “lãi” liền tay”; “Tài khoản năm Rộng – Trăm đồng tiền lộc”; “Chào mùa hạ tới, ưu đãi phơi phơi”. Các chương trình Hướng đến kỷ niệm 25 năm BVSC và 60 năm thành lập Bảo Việt: Giữ trọn Niềm tin – Người Bảo Việt ưu tiên dùng hàng Bảo Việt; “Mừng sinh nhật vàng – Hàng ngàn quà tặng”... - Triển khai dịch vụ giao dịch không ký quỹ tiền (non-prefunding) cho Khách hàng là nhà đầu tư tổ chức nước ngoài.
Công nghệ thông tin	Xây dựng và đưa vào vận hành App BVSC Invest từ 01/08/2024 thay thế App BVSC Mobile cũ với nhiều tính năng mới nhằm nâng cao trải nghiệm cho khách hàng trong quá trình sử dụng; mở rộng mạng lưới Thu-chi hộ điện tử Fmoney với Baovietbank, BIDV; xây dựng và đưa vào vận hành ứng dụng ibroker hỗ trợ môi giới chăm sóc khách hàng. Đồng thời, đẩy mạnh đầu tư các phần mềm và dịch vụ liên quan đến giám sát, bảo vệ và dự phòng hệ thống nhằm tăng cường an toàn bảo mật thông tin, giao dịch về tiền và chứng khoán cho khách hàng.
Giải pháp về nguồn nhân lực	Tăng cường tuyển dụng nhân viên môi giới có kinh nghiệm trên thị trường song song với việc tuyển dụng và đào tạo toàn diện thông qua chương trình Next Gen 2024 tại Hà Nội và TP. HCM. Bên cạnh đó BVSC tiếp tục đổi mới các chương trình thi đua nội bộ với nhiều phần thưởng hấp dẫn nhằm khuyến khích, tạo động lực cho CBNV như: “Chương trình Thi đua môi giới”; “Chương trình dự đoán chỉ số VN Index”.
Nguồn vốn	Tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn và dài hạn cho Công ty nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu vay margin và ứng trước của khách hàng.



TỰ DOANH

Tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu và chứng chỉ quỹ trên Danh mục Tự doanh của BVSC tiếp tục được duy trì quanh mức 10% vốn CSH. Hoạt động giải ngân được thực hiện khá thận trọng trên cơ sở đánh giá thực tế diễn biến thị trường, đảm bảo hiệu quả đầu tư đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của công ty cũng như hạn chế được những ảnh hưởng khi thị trường diễn biến bất lợi.

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán, đảm bảo sự chuẩn mực, cẩn trọng trong quá trình triển khai nghiệp vụ. Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 6,9 tỷ đồng, hoàn thành 124,7% so với kế hoạch.

Doanh thu hoạt động lưu ký đạt

6,9 Tỷ đồng

hoàn thành **124,7%** so với kế hoạch

TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Hoạt động tư vấn trong năm 2024 tuy còn đối diện nhiều khó khăn, thách thức nhưng cũng đã có một số tín hiệu khởi sắc so với năm 2023. Doanh thu tư vấn đạt 3,5 tỷ đồng, hoàn thành 31,6% kế hoạch, bằng 157% so với cùng kỳ.

Đối với hoạt động tư vấn truyền thống như cổ phần hóa DNNN hoặc thoái vốn, năm 2024 chưa được triển khai mạnh do những vướng mắc trong khâu định giá. Ngoài ra, các quy định về phát hành chứng khoán, đăng ký đại chúng, niêm yết được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số luật được Quốc hội thông qua vào tháng 11/2024 ảnh hưởng nhiều đến hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của các CTCK.

Trong năm 2024, Công ty triển khai các hợp đồng tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF) như: Tư vấn phát hành cổ phiếu cho CTCP Vận tải Dầu khí Đồng Dương, Hanhud, Tư vấn thành công 2 thương vụ hợp nhất của Than Đèo Nai – Than Cọc Sáu, Vận tải Đường sắt HN – Vận tải Đường sắt SG, Tư vấn đại chúng hóa, niêm yết cho Socola Marou, Livespo... Song song tiếp tục đẩy mạnh mảng thu xếp vốn cho doanh nghiệp như triển khai tư vấn thu xếp huy động vốn vay cho một số doanh nghiệp từ các bank nước ngoài là đối tác của BVSC.

Với những nỗ lực trong hoạt động tư vấn, thu xếp vốn và tư vấn M&A trong thời gian vừa qua, tại “Diễn đàn M&A Việt Nam năm 2024” lần thứ 16, BVSC tiếp tục được vinh danh là “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2023-2024”.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Năm 2024 sản phẩm BVSC Invest được bình chọn là “Ứng dụng hỗ trợ giao dịch chứng khoán tốt nhất năm 2024 – BVSC Invest” do The Global Economics Award công bố và là “Nền tảng giao dịch mới sáng tạo nhất Việt Nam 2024” do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.

Song song với việc vận hành đảm bảo an toàn hệ thống giao dịch và chuẩn bị sẵn sàng cơ sở hạ tầng cho việc kết nối với phần mềm KRX theo kế hoạch của sở và VSD, trong năm 2024, Công ty chú trọng triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin: Đẩy mạnh đầu tư các phần mềm và dịch vụ liên quan đến giám sát, nhận dạng, bảo vệ và dự phòng hệ thống để đảm bảo hệ thống CNTT của Công ty đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của hệ thống thông tin cấp độ 3. Tổng ngân sách đầu tư cho công nghệ thông tin tăng gấp 200% so với năm 2023.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm, ứng dụng hỗ trợ hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng cũng như công tác quản lý vận hành bám sát chiến lược chuyển đổi số trong giai đoạn 2021-2025.

Năm 2024 sản phẩm BVSC Invest được bình chọn là “Ứng dụng hỗ trợ giao dịch chứng khoán tốt nhất năm 2024 – BVSC Invest” do The Global Economics Award công bố và là “Nền tảng giao dịch mới sáng tạo nhất Việt Nam 2024” do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.



NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH

Chất lượng tư vấn đầu tư tiếp tục được nâng cao và bám sát nhu cầu của nhà đầu tư với các dòng sản phẩm khác nhau bao gồm báo cáo ngành và công ty, báo cáo vĩ mô và thị trường, báo cáo định kỳ hàng ngày, tháng, quý. Tổng số báo cáo được thực hiện trong năm là 961 báo cáo với mức độ bao phủ của các báo cáo phân tích trên 2 sàn HSX và HNX là 85% và 46% trên vốn hóa thị trường. Chuỗi Webinar “Thứ 4 pit-stop” tiếp tục được triển khai gồm nhiều chủ đề về thị trường, ngành nhằm giới thiệu các cơ hội đầu tư trực tuyến đến nhà đầu tư.

PHÁP CHẾ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Với những thay đổi liên tục từ thị trường, công tác pháp chế và Kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro được chú trọng đặc biệt. Trong năm công ty đã ban hành Quy chế tài chính, các quy định về Giao dịch không ký quỹ tiền dành cho KHTC nước ngoài, tiến hành các đợt tra soát nội bộ định kỳ trong đó chú trọng tới việc triển khai sản phẩm dịch vụ mới, hoạt động công nghệ thông tin cũng như hệ thống quản lý giao dịch. Điển hình là Kiểm soát tuân thủ quy trình giao dịch trái phiếu riêng lẻ, Kiểm soát tuân thủ đối với hoạt động CNTT, Kiểm soát tác nghiệp của Phòng QLGD trong quản lý rủi ro chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ trên phần mềm nghiệp vụ...

Với việc gia tăng triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới cho khách hàng trên nền tảng trực tuyến, Công ty tăng cường công tác kiểm soát hồ sơ giao dịch của khách hàng, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và an toàn trong mọi giao dịch. Song song Công ty đặc biệt chú trọng công tác an ninh bảo mật đối với hệ thống công nghệ thông tin của Công ty và giao dịch của khách hàng. Trong năm 2024, Công ty không phát sinh các sự kiện rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả hoạt động của Công ty.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ (Tiếp theo)

TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU



BVSC đẩy mạnh truyền thông ra công chúng & triển khai nhiều hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu, thực hiện các chuỗi workshop thúc đẩy kinh doanh như hợp tác với các quỹ đầu tư, hội thảo online cho khách hàng tiềm năng...



Thông qua các hoạt động hợp tác với các tổ chức giáo dục như Viện Kế toán Quản trị Hoa Kỳ (IMA), SAPP Academy, Đại học Tôn Đức Thắng, Học viện Ngân hàng, Đại học Văn Lang – TP.HCM, Đại Học Thái Bình Dương – Nha Trang... góp phần thúc đẩy nhận diện thương hiệu BVSC trên phương diện nhà tuyển dụng hấp dẫn.



Các chiến dịch Digital Marketing đẩy mạnh quảng bá sản phẩm dịch vụ qua đó giúp tăng trưởng về doanh thu & tăng độ nhận diện với các khách hàng và nhà đầu tư mới.



Trong năm qua, Công ty tiếp tục củng cố vị thế của thương hiệu BVSC thông qua các chương trình bình chọn uy tín từ cơ quan quản lý và giới chuyên môn. Tiêu biểu là các giải thưởng: Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2023-2024; Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị Công ty Việt Nam - VNCG50; Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất - nhóm Tài chính, Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững tại Việt Nam năm thứ 7 liên tiếp, Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, khối doanh nghiệp vừa, Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2024; Tổ chức tư vấn tiêu biểu năm 2023-2024...

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Cơ cấu nhân sự: Tổng số nhân sự: 719 người. Trong đó, Trụ sở chính: 453 người, Chi nhánh tại TP. HCM: 266 người.



- 0,4% Ban Điều hành
- 81,6% Khối Môi giới và DVKH
- 3,2% Khối Tư vấn TCDN
- 0,6% Khối đầu tư
- 3,1% Khối Phân tích & TVĐT
- 11,1% Khối Hỗ trợ & Quản lý



Tổng số nhân sự

719 người



Trụ sở chính

453 người



Chi nhánh tại TP. HCM

266 người

Tuyển dụng

Trong năm 2024 vừa qua, công tác tuyển dụng luôn bám sát với nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Với định hướng đẩy mạnh hoạt động môi giới, Công ty tiếp tục tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ nhân viên tư vấn đầu tư tại khối môi giới, các vị trí khác thuộc khối quản lý và hỗ trợ được tuyển dụng để bù đắp nhân sự nghỉ việc và/hoặc thay thế nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc. Tỷ lệ tuyển dụng mới năm 2024 là 13,89%, trong đó, tuyển dụng mới đội ngũ nhân viên tại khối môi giới chiếm tỷ trọng 89%.

Năm 2024 BVSC tiếp tục tham gia chương trình khảo sát “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” do Anphabe tổ chức, và đây là năm thứ 4 liên tiếp BVSC được vinh danh “TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – khối doanh nghiệp vừa”.

Đào tạo

Năm 2024, BVSC tiếp tục triển khai chương trình tuyển dụng & đào tạo Next Gen BVSC – mùa thứ 5 để tìm kiếm và đào tạo xây dựng đội ngũ nhân sự trẻ kế cận cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên cử các cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ phù hợp với từng vị trí công việc cụ thể. Trong năm vừa qua, Công ty đã triển khai các khóa học về kỹ năng mang tính ứng dụng cao cũng như thay đổi tư duy trong cách thức làm việc giúp nâng cao hiệu quả công việc như Ứng dụng AI – Nâng cao hiệu suất làm việc của tổ chức, Trí tuệ cảm xúc, Nghệ thuật truyền lửa bằng âm thanh, 4 bước chuyển hóa kế hoạch thành hành động,... Ngoài ra, BVSC khuyến khích cán bộ tích cực chủ động tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực chuyên môn như CFA, CMT, FRM, CIA... thông qua việc hỗ trợ các chi phí phát sinh có liên quan.

Trong năm, BVSC đã cử 77 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chứng khoán do UBCKNN tổ chức, và cử 22 cán bộ tham gia thi cấp chứng chỉ hành nghề để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật. Số cán bộ có CCHN tính đến ngày 31/12/2024 tại BVSC là 168 người, tăng 14% so với thời điểm cuối năm 2023.

Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo: 261 lượt.

Tổng số giờ đào tạo: 14.688 giờ đào tạo.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ (Tiếp theo)

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ dành cho người lao động của Công ty luôn hướng tới mục đích thúc đẩy nâng cao hiệu quả làm việc, xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, tạo sự gắn kết lâu dài giữa người lao động với Công ty. Các chính sách lương thưởng được xây dựng theo phương pháp 3P (Position – Vị trí; Person – Con người; Performance – Hiệu quả làm việc), luôn đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường và đồng thời gắn liền với hiệu quả làm việc của từng phòng ban, từng cá nhân. Việc áp dụng các bộ chỉ tiêu KPIs là thước đo đánh giá hiệu quả trong từng mảng hoạt động giúp cho công tác đánh giá được khách quan, công bằng, qua đó các khoản chi thưởng dựa trên hiệu quả làm việc đi đúng hướng, đảm bảo sự công bằng, minh bạch, từ đó góp phần thúc đẩy động lực cho cán bộ nhân viên.

TIỀN LƯƠNG

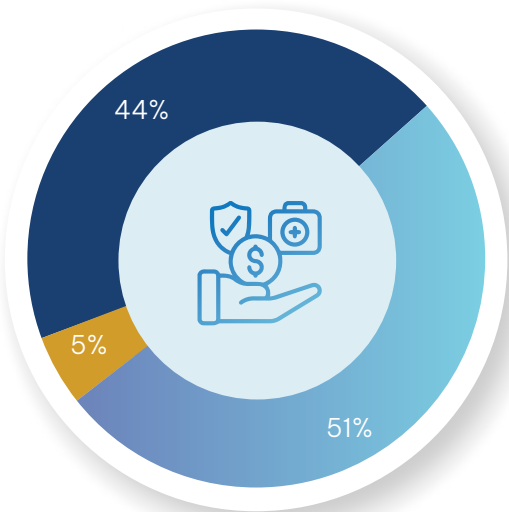
Lương theo công việc
Lương tháng thứ 13
Lương làm thêm giờ lên đến 350%
Lương cho những ngày chưa nghỉ phép hàng năm

PHÚC LỢI VÀ PHỤ CẤP

Phúc lợi bằng tiền
Ăn trưa
Viễn thông
Đi lại
Công việc đặc thù

TIỀN THƯỞNG

Thưởng HQLV
Thưởng kinh doanh (áp dụng đối với khối kinh doanh)
Thưởng theo các chương trình thi đua tháng, quý, năm



Bên cạnh những chính sách đãi ngộ về tài chính tốt, BVSC tiếp tục triển khai các chương trình phúc lợi toàn diện hướng tới mục tiêu bảo vệ & chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động.

Danh mục chính sách phúc lợi của Công ty dành cho người lao động trong năm 2024

 Các gói phúc lợi có tính chất bảo vệ và chăm sóc sức khỏe	 Phúc lợi bằng tiền	 Phúc lợi khác
BHXH, BHYT, BHTN	Phúc lợi cho NLĐ dựa trên thâm niên công tác theo Chương trình Loyalty Reward hàng năm của Công ty	Chế độ nghỉ phép từ 12 – 16 ngày
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện	Phúc lợi bằng tiền nhân dịp sinh nhật, ngày 8/3 và 20/10, ngày 30/4 và Ngày Quốc khánh, các dịp Tết, các sự kiện đặc biệt của Công ty...	Chế độ nghỉ ngày sinh nhật được hưởng nguyên lương – My Birthday My Choice
Bảo hiểm các bệnh ung thư K – Care		Chế độ công tác phí, phương tiện di chuyển đi công tác, điện thoại
Bảo hiểm Nhân thọ		Chương trình Happy Friday hàng tháng
Bảo hiểm hưu trí tự nguyện		Tổ chức hoạt động cho NLĐ thông qua các CLB bao gồm: CLB Bóng đá, CLB Yoga, CLB Chạy bộ, CLB Âm nhạc, CLB Pickleball
Chính sách ưu đãi phí mua bảo hiểm sức khỏe dành cho người nhà		
Khám sức khỏe định kỳ		

Những thay đổi về quy định, chính sách liên quan đến nhân sự

- Hoàn tất xây dựng và đưa vào áp dụng thử nghiệm bộ chỉ tiêu đánh giá KPIs đối với chuyên viên Bộ phận Kiểm soát nội bộ & Quản trị rủi ro.
- Ban hành Dải lương thỏa thuận mới, đồng thời thực hiện rà soát điều chỉnh lương cho người lao động theo Dải lương mới; qua đó đảm bảo mức lương của người lao động có mặt bằng cạnh tranh so với thị trường.

(Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương V- Phát triển bền vững – Chủ đề xã hội).



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ (Tiếp theo)

ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trong năm, Công ty đã hoàn thành các dự án cải tạo văn phòng bao gồm Văn phòng Trụ sở Công ty tại Đơn Nguyên B Tòa nhà số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng của Phòng Giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ và đồng thời triển khai mua sắm mới tài sản cố định, công cụ dụng cụ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng. Qua đó nhằm nâng cao chất lượng môi trường làm việc và năng suất lao động của cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khái quát tình hình tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/Giảm	% tăng giảm
Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:				
Tổng giá trị tài sản	6.016,42	5.628,66	(387,76)	(6,45)%
Doanh thu thuần	935,48	992,77	57,28	6,12%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	238,08	241,04	2,96	1,24%
Lợi nhuận khác	(0,19)	(0,12)	0,07	(37,91)%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	237,90	240,93	3,03	1,27%
Trong đó: Lợi nhuận trước thuế thực hiện	194,95	247,43	52,48	26,92%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	197,86	199,95	2,09	1,06%
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế thực hiện	159,78	206,42	46,65	29,20%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – EPS (VNĐ)	2.080	2.688	608	29,23%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (Cổ tức/Thu nhập ròng)	36,15%	27,98% (*)	(8,17)%	(22,6)%

(*) Tính theo mức chi trả dự kiến 08%/mệnh giá cổ phần

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024

Tổng tài sản năm 2024 đạt 5.628,66 tỷ đồng, giảm 387,76 tỷ đồng, tương đương mức giảm 6,45% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu đạt 992,77 tỷ đồng và Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty năm 2024 đạt 199,95 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu này đã được phân tích cụ thể trong Mục 1.2 nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS): Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 206,42 tỷ đồng, hoàn thành 125,11% kế hoạch, với kết quả tăng trưởng khả quan này, chỉ tiêu EPS cũng tăng trưởng tương ứng lên mức 2.688 đồng/cổ phiếu, tăng 608 đồng/cổ phiếu tương ứng mức tăng 29,23% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Theo Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 của ĐHĐCĐ thường niên 2025, dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền là 08%/mệnh giá cổ phần cho cổ đông. Nếu tính theo mức kế hoạch này, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2024 là 27,98%. Mức chi trả cổ tức 2024 cụ thể sẽ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 quyết định. Với quy mô vốn của Công ty còn hạn chế như hiện nay, việc duy trì chính sách chi trả cổ tức bằng tiền ổn định là sự nỗ lực của Công ty đối với cam kết đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Khả năng thanh toán chung (tổng quát)	lần	1,63	1,79	9,76%
(Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả)				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,55	1,63	5,07%
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,53	1,94	26,68%
(Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về vốn				
2.1. Quy mô vốn				
+ Vốn điều lệ	tỷ đồng	722,34	722,34	0,00%
+ Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	2.316,92	2.475,37	6,84%
+ Tổng tài sản có	tỷ đồng	6.016,42	5.628,66	(6,45)%
+ Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	%	445%	678%	52,35%
2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,59	1,27	(20,22)%
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	61,49%	56,02%	(8,89)%
+ Vốn chủ/Tổng Nguồn vốn	%	38,51%	43,98%	14,20%

Đơn vị: tỷ đồng				
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay các khoản phải thu	lần	8,66	28,09	224,49%
(Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)				
+ Vòng quay Vốn lưu động	lần	0,47	0,50	6,97%
(Doanh thu thuần/Vốn Lưu động bình quân)				
+ Vòng quay tổng tài sản	lần	0,19	0,17	(10,02)%
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)				
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	21,15%	20,14%	(4,77)%
Trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế/ Doanh thu thuần		17,08%	20,79%	21,74%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	8,80%	8,34%	(5,15)%
Trong đó hệ số Lợi nhuận thực hiện sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)		7,10%	8,61%	21,26%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	4,01%	3,43%	(14,31)%
Trong đó hệ số Lợi nhuận thực hiện sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)		3,24%	3,55%	9,55%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	25,45%	24,28%	(4,60)%

 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Về khả năng thanh toán



Năm 2024, dư nợ vay ngắn hạn giảm 449,71 tỷ đồng tương ứng mức giảm 13,39% so với cùng kỳ năm trước nên các chỉ tiêu thanh toán của BVSC năm 2024 đều cao hơn so với hệ số thanh toán an toàn là 1 lần và tăng hơn so với năm 2023. Cụ thể: hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 1,79 lần tăng 0,16 lần tương đương mức tăng 9,76% so với cùng kỳ năm trước; hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,63 lần tăng 0,08 lần tương đương mức tăng 5,07% so với cùng kỳ năm trước; hệ số thanh toán nhanh là 1,94 lần tăng 0,41 lần tương đương mức tăng 26,68%. Trong năm không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Các nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và đối tác/khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như quy định cũng như cam kết giữa các bên.

Các chỉ tiêu về quy mô và cơ cấu vốn



Năm 2024 Vốn điều lệ của Công ty không đổi ở mức 722,34 tỷ đồng do các yếu tố khách quan và chủ quan mà Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ; nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 2.475,37 tỷ đồng tăng 158,46 tỷ đồng tăng 6,84% so với cùng kỳ năm trước do tăng từ lợi nhuận của năm 2024 và chưa thực hiện phân phối.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN. Năm 2024, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 678% bằng 3,77 lần so với mức tỷ lệ an toàn cho phép (180%) và ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện nguồn vốn của Công ty được vận hành an toàn, lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.

Về cơ cấu vốn: Công ty giảm các khoản Nợ phải trả cuối kỳ (nợ vay ngắn hạn) để phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn dẫn đến các Hệ số nợ đều giảm so với kỳ trước dẫn đến các chỉ tiêu về cơ cấu vốn thay đổi, cụ thể: Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 1,27 lần, giảm 20,22% so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn rất nhiều lần mức quy định cho phép về tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (không vượt quá 5 lần). Hệ số Nợ/Tổng Tài sản đạt 56,02% giảm 8,89% so với cùng kỳ năm trước. Hệ số Vốn chủ/Tổng Nguồn vốn tăng lên 43,98% tương ứng mức tăng 14,20%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết khả năng “vận động” và hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2024, cụ thể:

1

Hệ số vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2024 đạt 28,09 lần, tăng 19,43 lần tương đương 224,49% so với cùng kỳ năm trước, thể hiện việc theo dõi và thu hồi công nợ phát sinh trong năm được kiểm soát tốt, các khoản nợ được thu hồi đúng hạn và hạn chế được các rủi ro.

2

Vòng quay vốn lưu động đạt 0,50 lần, tăng 0,03 lần tương ứng mức tăng 6,97% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này được tính dựa trên doanh thu thuần trên vốn lưu động bình quân. Trong năm 2024, doanh thu tăng trong khi tài sản lưu động của Công ty giảm so cùng kỳ năm trước làm cho vòng quay vốn lưu động tăng nhẹ, thể hiện Công ty đang sử dụng vốn lưu động hiệu quả, kiểm soát được các khoản công nợ, kiểm soát tốt chi phí và tăng trưởng doanh thu trong khi lượng vốn lưu động còn hạn chế.

3

Vòng quay Tổng tài sản của Công ty đạt 0,17 lần, giảm 0,02 lần tương ứng mức giảm 10,02% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty. Năm 2024, mặc dù doanh thu tăng trưởng nhưng do tổng tài sản bình quân của Công ty cao hơn so với kỳ trước làm cho hệ số giảm. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang quản lý tài sản hiệu quả, hoạt động kinh doanh ổn định, duy trì được thị phần, doanh số qua các năm.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)



Chỉ tiêu khả năng sinh lời

- Năm 2024, tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN tăng 1,06% so với cùng kỳ năm trước trong đó lợi nhuận thực hiện sau thuế tăng 29,20% so với năm 2023. Việc tăng trưởng lợi nhuận thực hiện dẫn đến các chỉ số ROE và ROA đều tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:
- Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Doanh thu thuần của Công ty đạt 20,79% tăng 21,74% so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện ròng trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 8,61% tăng 21,26% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất lợi nhuận thực hiện ròng sau thuế trên Tổng tài sản ROA đạt 3,55% tăng 9,55% so với cùng kỳ năm trước.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Số tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Tài sản ngắn hạn	5.691,05	94,59%	5.080,99	90,27%	(610,06)	(10,72)%
I. Tài sản tài chính	5.685,00	94,49%	5.074,65	90,16%	(610,35)	(10,74)%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2,05	0,03%	167,85	2,98%	165,80	8.077,28%
2. Đầu tư tài sản tài chính	2.409,21	40,04%	1.332,38	23,67%	(1.076,83)	(44,70)%
3. Các khoản cho vay	3.209,23	53,34%	3.503,74	62,25%	294,51	9,18%
4. Các khoản phải thu ngắn hạn	64,51	1,07%	70,69	1,26%	6,17	9,57%
II. Tài sản ngắn hạn khác	6,05	0,10%	6,34	0,11%	0,29	4,85%
B. Tài sản dài hạn	325,37	5,41%	547,67	9,73%	222,30	68,32%
I. Tài sản tài chính dài hạn	275,47	4,58%	471,21	8,37%	195,75	71,06%
II. Tài sản cố định	18,83	0,31%	19,66	0,35%	0,83	4,40%
III. Tài sản dài hạn khác	31,06	0,52%	56,79	1,01%	25,72	82,81%
Tổng cộng tài sản:	6.016,42	100%	5.628,66	100%	(387,76)	(6,45)%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI SẢN (Tiếp theo)



Cơ cấu tài sản

- Tài sản năm 2024 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 90,27% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 9,73% tổng tài sản.
 - Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản cho vay ngắn hạn chiếm 62,25% và đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn chiếm 23,67% trong tổng tài sản.
 - Các khoản còn lại bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền chiếm 2,98% trong tổng tài sản, các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 1,37% trong tổng tài sản.
- Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 8,37% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 1,36% trong tổng tài sản.



Biến động của tài sản

- Tổng tài sản năm 2024 của Công ty đạt 5.628,66 tỷ đồng, giảm 387,76 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 6,45% chủ yếu giảm từ tài sản ngắn hạn 610,06 tỷ đồng trong khi tài sản dài hạn tăng 222,30 tỷ đồng, cụ thể:
- Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu từ các khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn, cụ thể là một số khoản tiền gửi và trái phiếu đáo hạn, làm số dư cuối kỳ giảm 1.076,83 tỷ đồng tương ứng mức giảm 44,70% so với cùng kỳ năm trước. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này được chuyển dịch một phần sang hoạt động cho vay nên dư nợ margin và ứng trước cuối kỳ tăng lên 3.503,74 tỷ đồng tương ứng mức tăng 294,51 tỷ đồng, tăng 9,18% so với cùng kỳ năm trước; một phần làm tăng khoản Tiền và tương đương tiền lên 167,85 tỷ đồng tương ứng mức tăng 165,80 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
 - Tài sản dài hạn tăng 222,30 tỷ đồng tương ứng mức tăng 68,32% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn khoảng 195,75 tỷ đồng; ngoài ra, năm 2024 Công ty ghi nhận khoản tăng chi phí sửa chữa, cải tạo, mua sắm tài sản, công cụ đồ dùng cho tòa nhà đi thuê là 26,55 tỷ đồng làm cho tài sản dài hạn tăng lên tương ứng.
 - Phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.



TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN, NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Số tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Nợ phải trả	3.699,50	61,49%	3.153,29	56,02%	(546,22)	(14,76)%
I. Nợ ngắn hạn	3.670,43	61,01%	3.118,98	55,41%	(551,44)	(15,02)%
II. Nợ dài hạn	29,08	0,48%	34,31	0,61%	5,23	17,98%
B. Vốn chủ sở hữu	2.316,92	38,51%	2.475,37	43,98%	158,46	6,84%
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332,10	22,14%	1.332,10	23,67%	-	0,00%
II. Các quỹ và LN chưa phân phối	984,82	16,37%	1.143,28	20,31%	158,46	16,09%
Tổng cộng nguồn vốn	6.016,42	100%	5.628,66	100%	(387,76)	(6,45)%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024

Cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nợ phải trả chiếm 56,02% Tổng nguồn vốn trong đó chủ yếu là các khoản Nợ ngắn hạn phải trả chiếm đến 55,41% tổng nguồn vốn; phần còn lại là Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 43,98% gồm vốn góp của Chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN, NỢ PHẢI TRẢ (Tiếp theo)

Biến động Nguồn vốn

- **Nợ phải trả:** năm 2024 nợ phải trả của Công ty là 3.153,29 tỷ đồng giảm 546,22 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức giảm 14,76%, cụ thể:
 - Nợ ngắn hạn giảm 551,44 tỷ đồng tương ứng mức giảm 15,02% chủ yếu giảm từ các khoản vay ngắn hạn 449,71 tỷ đồng, các khoản phải trả còn lại giảm 101,73 tỷ chủ yếu là giảm khoản dự phòng quỹ lương và khoản phải trả khác.
 - Nợ dài hạn tăng 5,23 tỷ đồng tương ứng mức tăng 17,98% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu tăng từ khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả cuối kỳ.
 - Năm 2024, việc phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn dài hạn chưa thuận lợi nên Công ty tập trung khai thác các khoản vay

ngắn hạn với lãi suất hợp lý nhằm ổn định và duy trì tối đa nguồn vốn phục vụ cho hoạt động cho vay margin, ứng trước để đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng; đồng thời cũng duy trì nguồn vốn để Công ty đầu tư tài sản tài chính và các hoạt động kinh doanh khác trong từng giai đoạn vận động của thị trường một cách linh hoạt, qua đó mang lại hiệu quả cao trong việc sử dụng vốn của Công ty. Nguồn vốn luôn được tăng cường kiểm soát, đảm bảo khả năng thanh khoản trong mọi trường hợp.

- **Vốn chủ sở hữu:** năm 2024 đạt 2.475,37 tỷ đồng tăng 158,46 tỷ đồng tương ứng mức tăng 6,87% so với cùng kỳ năm trước. Vốn chủ sở hữu tăng do được bổ sung chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024, sau khi trừ các khoản phân phối lợi nhuận của năm trước như chi trả cổ tức cho cổ đông và trích lập các quỹ theo quy định.

Qua phân tích tình hình tài chính năm 2024 cho thấy Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra. Trong bối cảnh thị trường tài chính trong nước và quốc tế có nhiều biến động, Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các CTCK cùng ngành, thêm vào đó, việc chưa thực hiện được kế hoạch tăng vốn và khả năng tiếp cận vốn vay của BVSC cũng không thuận lợi như các CTCK thuộc khối các Ngân hàng TMCP, Công ty đã định hướng đúng, xây dựng kế hoạch kinh doanh và có nhiều giải pháp phù hợp, linh hoạt, nắm bắt và tận dụng cơ hội trong từng giai đoạn để từng bước hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đặt ra. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của Công ty luôn thể hiện tính minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quan quản lý và các đối tượng liên quan.

Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp theo Quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố: Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán). Năm 2024, nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt **83/100 điểm**, qua đó cho thấy năng lực tài chính ổn định, vững vàng của BVSC trong bối cảnh thị trường tài chính trải qua không ít biến động. Tình hình tài chính ổn định, vững mạnh là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán của Ủy ban chứng khoán.

(Tham khảo Phụ lục II Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL)





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM



Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong doanh nghiệp từ nâng cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng đến các giải pháp hỗ trợ nghiệp vụ kinh doanh và hỗ trợ công tác quản lý. Nổi bật là việc xây dựng và đưa vào vận hành ứng dụng di động mới “BVSC Invest”, thay thế ứng dụng “BVSC Mobile” với giao diện trực quan hiện đại, dễ dàng thao tác, hệ thống bảo mật đa tầng và nhiều tính năng được nâng cấp... giúp nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ trực tuyến của công ty. Ngoài ra, Công ty đã triển khai cổng kết nối hỗ trợ đặt lệnh cho khách hàng quốc tế; xây dựng ứng dụng ibroker hỗ trợ môi giới chăm sóc khách hàng, cùng nhiều hệ thống quản lý văn phòng khác cũng được số hóa như hệ thống quản lý đặt phòng họp online... Công ty cũng đang thực hiện các bước tiếp cận chiến lược áp dụng AI trong văn hóa và hoạt động của doanh nghiệp nhằm nâng cao hàm lượng AI trong các dịch vụ sản phẩm cung cấp cho nội bộ và khách hàng.

Trong năm 2024, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao bảo mật an toàn thông tin. Nổi bật là việc triển khai các lớp tường lửa chuyên dụng bảo vệ các tầng Cơ sở dữ liệu, máy chủ, truy cập web của khách hàng. Công ty đã triển khai giải pháp phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DDOS) cho toàn bộ dịch vụ trực tuyến. Đặc biệt, công ty đã hoàn tất triển khai trung tâm giám sát điều hành về an ninh mạng 24/7 để phản ứng tức thời trước các sự kiện về an toàn bảo mật trong hệ thống và lựa chọn Tập đoàn Viettel là đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), hỗ trợ xử lý sự cố về an toàn thông tin. Do đó, hệ thống CNTT luôn được vận hành thông suốt, không có sự cố về an ninh bảo mật hay sự cố gây gián đoạn hệ thống kéo dài. An ninh, an toàn của hệ thống được nâng cấp, giúp việc ngăn chặn các cuộc tấn công mạng, bảo vệ dữ liệu khách hàng và thông tin nội bộ được thực hiện hiệu quả hơn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM

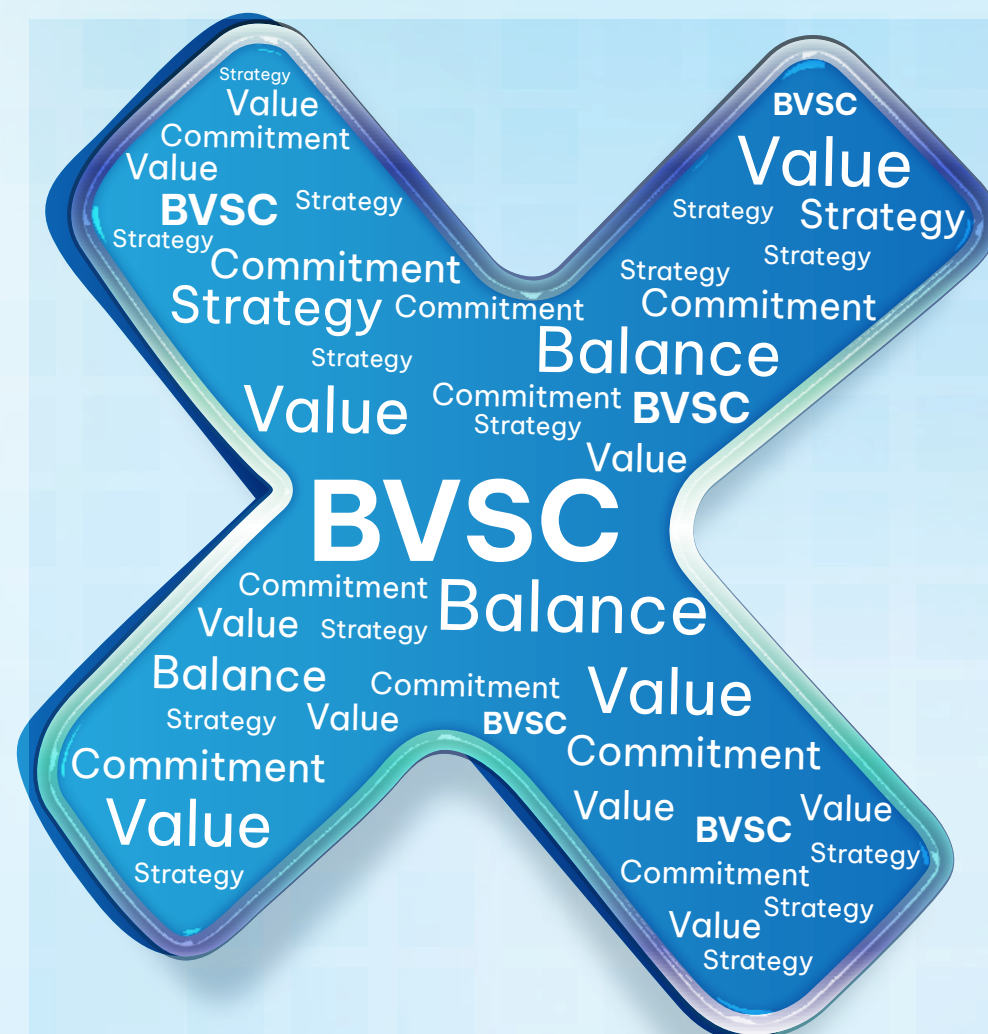
Công ty đã thực hiện sửa đổi và ban hành một số chính sách quan trọng trong công tác quản lý, điển hình như Quy chế quản lý tài chính của Công ty, Quy trình giao dịch công cụ nợ, Giao dịch không ký quỹ tiền dành cho KHTC nước ngoài... Tiếp tục bổ sung phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc theo KPIs đối với lao động tại bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó, không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.





Nhân ĐÔI CƠ HỘI VỮNG BƯỚC VƯƠN XA

Chương III: MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT HÀNH ĐỘNG NĂM 2025

Với tầm nhìn chiến lược và sự nhạy bén trong nắm bắt xu hướng thị trường, Bảo Việt Securities tự tin nắm bắt cơ hội phát triển trong năm 2025. Chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm, tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh chuyển đổi số để bứt phá hơn nữa, khẳng định vị thế hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

X

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Chiến lược phát triển giai đoạn 2021- 2025 của BVSC được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua ngày 21/04/2022, cụ thể như sau:

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC



MỤC TIÊU TỔNG THỂ

BVSC giữ vững vị thế công ty chứng khoán (“CTCK”) hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số.

Mục tiêu cụ thể

- 

Top 10 CTCK thị phần giao dịch cổ phiếu & chứng chỉ quỹ.
- 

Top 05 CTCK có thị phần giao dịch trái phiếu Chính phủ.
- 

Nhà tư vấn tiêu biểu trên thị trường chứng khoán (“TTCK”) Việt Nam trong lĩnh vực cổ phần hóa, M&A, thoái vốn.
- 

Đến năm 2025, phấn đấu đủ năng lực cung cấp 100% giao dịch online cho khách hàng, và cung cấp được dịch vụ tài chính tích hợp đa dạng trên nền tảng số cho hệ sinh thái Bảo Việt.

Mục tiêu tài chính

Doanh thu thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 10%-15%/năm.

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 7%-8,5%/năm.

Lợi nhuận sau thuế thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 6,5%/năm.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 6,4%/năm.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 18%/năm (trên quy mô vốn điều lệ 722 tỷ đồng).

ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021-2025 hướng tới mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

- Định hướng sản phẩm:** Tập trung phát triển sản phẩm tài chính trên nền tảng công nghệ. Phát triển các sản phẩm tài chính tích hợp dựa trên lợi thế về hệ sinh thái sản phẩm (bảo hiểm – ngân hàng – tài chính) trong Tập đoàn Bảo Việt.

- Định hướng khách hàng:** Hướng tới khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái toàn Tập đoàn Bảo Việt, cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho tầng lớp trung lưu.
- Định hướng về công nghệ thông tin:** Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để có APP giao dịch thân thiện, nhiều tiện ích. Xây dựng sản phẩm tài chính trên nền công nghệ, áp dụng công nghệ e-KYC để mở được tài khoản online, tăng cường quản trị rủi ro khi hệ thống kết nối với các nhà cung cấp nền tảng số liệu, đặt lệnh độc lập (OPEN APIs); kết nối với các kênh thanh toán trực tuyến.
- Định hướng về phát triển nguồn nhân lực:** Hình thành & phát triển nhóm dự án với đội ngũ có kiến thức, kinh nghiệm về quản lý danh mục, quản lý tài sản cá nhân. Tuyển dụng, xây dựng đội ngũ thiết kế sản phẩm giao dịch theo Robot, thuật toán. Xây dựng đội ngũ SALE, PR chuyên tiếp cận và mở rộng tệp khách hàng trẻ, thế hệ GEN Y & Z. Đầu tư mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo và huấn luyện phát triển con người ở cấp độ quản lý lãnh đạo và nhân viên.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Năm 2024, Công ty đã thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025 dựa trên kết quả hoạt động của các năm 2021-2024, kết quả cho thấy đến thời điểm hiện tại Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu chiến lược đề ra. Cụ thể:

Đối với các mục tiêu về tài chính:	Tăng trưởng doanh thu thực hiện: bình quân (“BQ”) giai đoạn 2021-2024 đạt 16%.	Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (“LNST”): BQ giai đoạn 2021-2024 đã đạt 11%.
Tăng trưởng LNST thực hiện: BQ giai đoạn 2021-2024 đã đạt 18%.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): BQ giai đoạn 2021-2024 đã đạt 9,5%.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (ROCC) bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 28%/năm.

Đối với các mục tiêu phi tài chính: Thị phần môi giới CP&CCQ của Công ty luôn duy trì ở mức 2-3%. BVSC nằm trong Top 10 thành viên giao dịch có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất năm 2022 do VNX bình chọn và nằm trong Top 10 thị phần giao dịch chứng khoán trên sàn HNX các năm 2023, 2024. Bên cạnh đó, Công ty nhiều năm liền nằm trong Top 10 Công ty có thị phần giao dịch Trái phiếu Chính phủ lớn nhất.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động bám sát Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện đánh giá Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và nghiên cứu xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 để trình ĐHĐCĐ thông qua.

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025

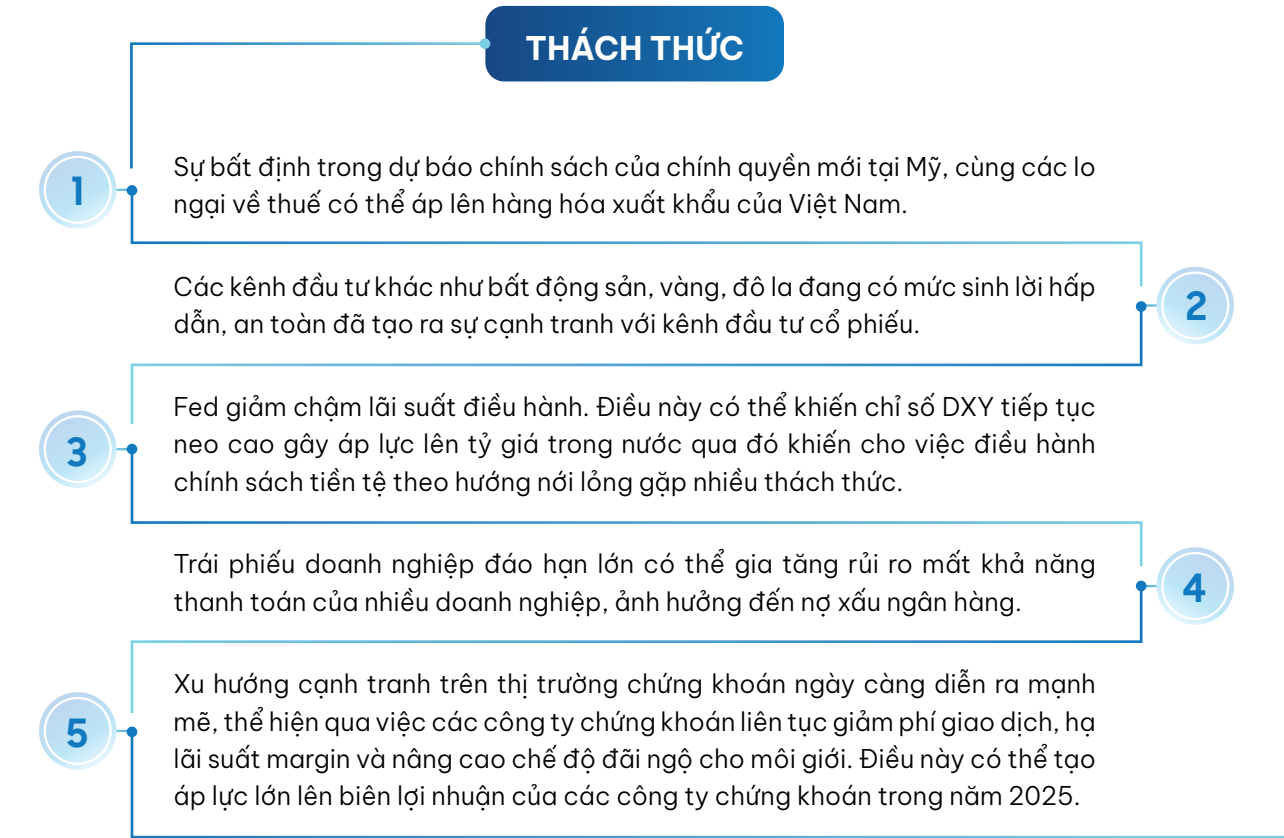
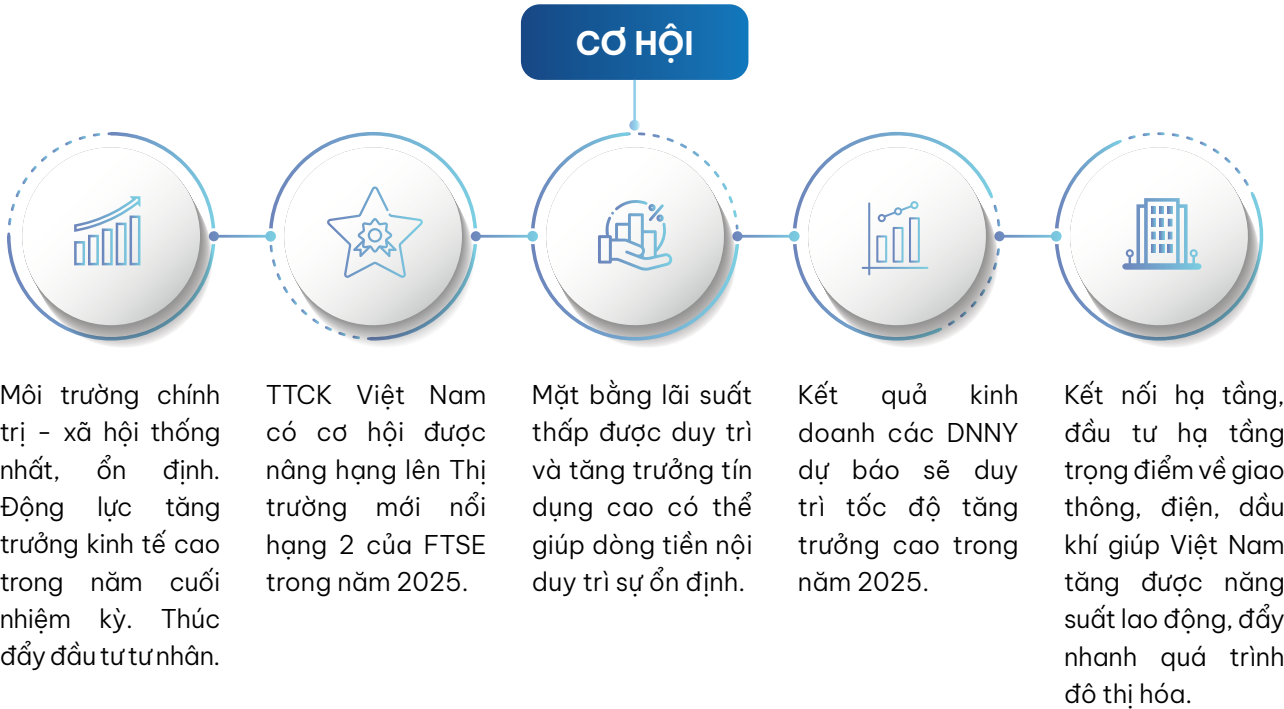
DỰ BÁO NỀN KINH TẾ

- Tăng trưởng GDP 2025: Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 8%. Các yếu tố tích cực đến từ Kế hoạch Đầu tư công được đẩy mạnh và là động lực tăng trưởng quan trọng. Kế hoạch giải ngân đầu tư công đạt mục tiêu 878 nghìn tỷ, cao nhất từ trước tới nay. (2) Việc xuất khẩu có thể được hưởng lợi từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc, EU-Trung Quốc; (3) Việc thu hút dòng vốn FDI kỳ vọng tiếp tục diễn ra tích cực khi Việt Nam vẫn đang mở rộng quan hệ ngoại giao với đa dạng các quốc gia và khu vực trên thế giới; (4) Nhiều luật sửa đổi được thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ đầu năm 2025. Khung khổ pháp lý hoàn thiện tạo ra môi trường lành mạnh để thúc đẩy phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực bất động sản, đầu tư tư nhân; (5) Chính phủ đã kéo dài thời gian giảm 2% thuế VAT đến tháng 6/2025 sẽ là động lực kích cầu tiêu dùng trong năm 2025.
- Lạm phát trong tầm kiểm soát. Áp lực chủ yếu đến từ giá điện (tăng từ tháng 10/2024 và có thể sẽ tăng thêm trong năm 2025). Tuy nhiên với một số mặt hàng có nền so sánh cao như xăng dầu, gạo và nền so sánh cao của giá lợn hơi trong nửa sau năm 2024, hỗ trợ giảm áp lực lên chỉ số CPI, lạm phát được dự báo vẫn sẽ nằm trong tầm kiểm soát trong năm 2025, dự báo trong ngưỡng 4-4,5%, thấp hơn mục tiêu 4,5-5% Quốc hội đặt ra.
- Áp lực tỷ giá vẫn còn trong năm 2025. Áp lực từ đồng USD vẫn còn hiện hữu trong bối cảnh Tổng thống Mỹ Donald Trump liên tục có những thay đổi về thuế quan kể từ khi nhậm chức, làm tăng lo ngại lạm phát của Mỹ khó hạ nhiệt, qua đó có thể gián đoạn quá trình hạ lãi suất của Cục dự trữ liên bang Mỹ Fed. Trong khi đó, một số NHTW lớn khác như BoE, ECB đã thực hiện việc hạ lãi suất ngay trong kỳ họp đầu tiên của năm mới. Những yếu tố này khiến cho chỉ số DXY khó có thể giảm sâu trong năm 2025, qua đó tạo áp lực lên các đồng tiền khác, bao gồm VND.
- Chính sách tiền tệ duy trì nới lỏng và mặt bằng lãi suất tiếp tục ở mức thấp để hỗ trợ cho tăng trưởng. NHNN đang đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức 16% - cao nhất kể từ năm 2017 cho tới nay. Do đó, chính sách tiền tệ trong năm 2025 khả năng tiếp tục phải duy trì ở trạng thái nới lỏng, với mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ cho tăng trưởng. Với một bên áp lực tỷ giá vẫn còn hiện hữu và một bên là nỗ lực duy trì lãi suất thấp để hỗ trợ cho tăng trưởng, NHNN sẽ tiếp tục linh hoạt sử dụng các công cụ bơm hút trên hoạt động thị trường mở để điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2025, qua đó giữ chênh lệch dương giữa lãi suất VND và lãi suất đồng USD.

BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2025

Các chỉ tiêu chính	2024	2025	
		Mục tiêu của Chính phủ	BVSC dự báo
Tăng trưởng GDP (%)	7,09	8	7,5-8
Lạm phát bình quân (%)	3,63	4,5-5	4-4,5
Tăng trưởng tín dụng (%)	15,08	16	15-16
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	5,01	N/A	±5

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2025



KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2025

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN VỚI BVSC TRONG NĂM 2025



Thuận lợi: Là công ty chứng khoán uy tín, hoạt động ổn định và bền vững trên thị trường chứng khoán. BVSC có nguồn nhân lực lâu năm, giàu kinh nghiệm & am hiểu thị trường là những yếu tố thuận lợi.



Khó khăn: Theo thống kê mới nhất, quy mô vốn điều lệ của BVSC đang xếp thứ 50 và đứng thứ 27 về vốn chủ sở hữu trong số trên 80 CTCK đang hoạt động trên thị trường. Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình thấp trong khi phương án tăng vốn vẫn chưa được thực hiện cùng với khả năng tiếp cận nguồn vốn vay bị hạn chế, khiến cho việc đáp ứng nhu cầu dịch vụ khách hàng, cụ thể là hoạt động cho vay margin và ứng trước của công ty gặp nhiều khó khăn làm giảm lợi thế cạnh tranh của Công ty là những thách thức trong mục tiêu duy trì thị phần & mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh trong năm 2025.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH DỰ KIẾN 2025

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam trong năm 2025, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của BVSC, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kinh doanh trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua như sau:

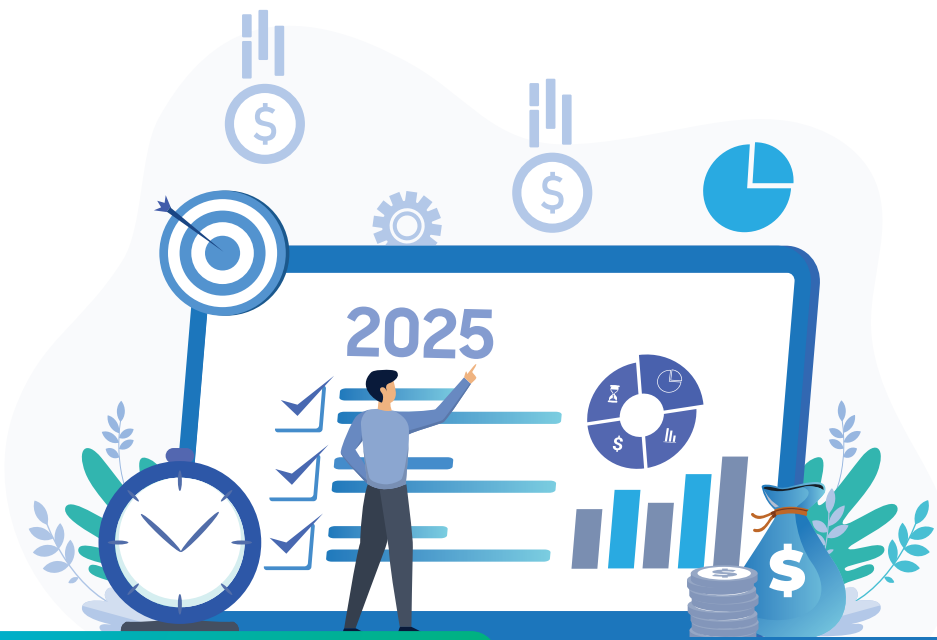
Kế hoạch kinh doanh dự kiến 2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	% KH 2025 so với TH 2024
A	TỔNG DOANH THU	993,4	1.068	108%
I	Doanh thu thực hiện	949,3	1.025	108%
1	Tự doanh	158,2	180	114%
2	Lãi từ các khoản cho vay và lãi tiền gửi	458,1	508	111%
3	Môi giới	318,6	323	101%
4	Tư vấn, BLPH	3,5	8	230%
5	Lưu ký chứng khoán	6,9	6	80%
6	Doanh thu khác	4,1	1	32%
II	Doanh thu chưa thực hiện	44,1	44	99%
B	TỔNG CHI PHÍ	752,5	825	110%
I	Chi phí thực hiện	701,9	800	114%
II	Chi phí chưa thực hiện	50,6	25	49%
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	240,9	244	101%
	Trong đó: LN trước thuế thực hiện	247,4	225	91%
D	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	200,0	195	97%
	Trong đó: LN sau thuế thực hiện	206,4	180	87%

Phân tích các biến động chính trong kế hoạch doanh thu và kế hoạch chi phí

- Về doanh thu thực hiện năm 2025 đặt mục tiêu đạt 1.025 tỷ đồng, tăng trưởng 8% so với năm 2024, trong đó tập trung phát triển vào các hoạt động cốt lõi của công ty bao gồm hoạt động môi giới (dự kiến tăng 1,3% so với cùng kỳ); hoạt động cho vay margin và lãi tiền gửi (dự kiến tăng 11% so với cùng kỳ); hoạt động tự doanh (dự kiến tăng 14% so với cùng kỳ).



Doanh thu thực hiện năm 2025 đặt mục tiêu tăng trưởng 8% so với năm 2024.

- Về chi phí thực hiện năm 2025 dự kiến là 800 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2024 tăng cao hơn so với kế hoạch doanh thu. Tuy nhiên đây đều là những khoản đầu tư dài hạn về công nghệ, sản phẩm, mở rộng tệp khách hàng sẽ là những việc tốn nguồn lực, và kết quả có thể chỉ đến sau 3-5 năm. Một số mảng chi phí tăng lên bao gồm: Khoản chi phí lãi vay tăng do trong điều kiện hạn chế về nguồn vốn chủ sở hữu, để phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty như đáp ứng nhu cầu vay margin, ứng trước của khách hàng, nguồn vốn tài trợ hoạt động tự doanh Công ty sẽ phải gia tăng các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại và/hoặc phát hành trái phiếu huy động vốn; Khoản chi phí đầu tư cho Công nghệ thông tin ước tính tăng 220% so với năm 2024 do Công ty đẩy mạnh nâng cấp hệ thống CNTT đạt tiêu chuẩn Hệ thống thông tin cấp độ 3, qua đó đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt & ổn định, an toàn giao dịch về tiền và chứng khoán cho khách hàng; Chi phí khấu hao và chi phí cải tạo, sửa chữa tăng do thực hiện khấu hao và phân bổ chi phí cải tạo, sửa chữa các Phòng Giao dịch trong năm 2025.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2025

(Tiếp theo)

CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

Để triển khai kế hoạch năm 2025, Công ty sẽ bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ & linh hoạt các giải pháp, cụ thể:

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI – DỊCH VỤ TÀI CHÍNH



Phát triển khách hàng: Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn, tăng cường các hoạt động trao đổi và phát triển khách hàng mới tại các thị trường Thái, Singapore, Hong Kong... cũng như thông qua IB: Bofa, Instinet, UBS... Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tư vấn đầu tư và CSKH trực tiếp đối với nhóm khách hàng nội bộ trong hệ thống Bảo Việt.



Về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng: Đẩy mạnh công nghệ chuyển đổi số trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng. Liên tục cải tiến sản phẩm và thiết kế các chương trình chính sách phí, lãi suất margin hấp dẫn và linh hoạt bám sát thị trường đảm bảo tính cạnh tranh cao dành cho khách hàng.



Nguồn nhân lực: Tăng cường tuyển dụng và đào tạo nhân sự, triển khai chương trình Next Gen 2025 tại cả Hà Nội và TP. HCM.



Nguồn vốn: Tăng cường đàm phán với các NHTM để gia tăng các khoản vay ngắn và dài hạn tiến tới cân bằng và ổn định hơn nữa cơ cấu về nguồn vốn; qua đó gia tăng năng lực tài chính đáp ứng nhu cầu vay margin và ứng trước của khách hàng trên cơ sở quản lý rủi ro chặt chẽ.



HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Trong năm 2025, Công ty định hướng tập trung vào các hoạt động mang lại giá trị cao như tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp, tư vấn sáp nhập doanh nghiệp... đồng thời đẩy mạnh mảng hoạt động tư vấn đăng ký Công ty đại chúng, tư vấn IPO và niêm yết cho các Tập đoàn, Doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn và niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; Tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoạt động tư vấn.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Công ty tiếp tục sử dụng chiến lược đầu tư linh hoạt, tập trung đánh giá, tìm kiếm các cơ hội đầu tư dựa trên KQKD của các doanh nghiệp sau khi cập nhật KQKD năm 2024, đồng thời bám sát diễn biến của thị trường và biến động của các khoản đầu tư để có các quyết định điều chỉnh phù hợp. Hoạt động trading dự kiến sẽ được chú trọng và đẩy mạnh hơn trong năm 2025. Bên cạnh đó Công ty sẽ chú trọng hơn vào việc triển khai các dịch vụ hỗ trợ các Công ty quản lý quỹ trong hoạt động Rebalancing quỹ ETF, đặc biệt là hoạt động giao dịch redemption/creation ETF và các giao dịch khác.

HOẠT ĐỘNG LƯU KÝ

Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp, đảm bảo thanh toán của nhà đầu tư luôn kịp thời.

NGUỒN VỐN

Với quy mô nguồn vốn chủ sở hữu vẫn ở mức trung bình thấp trong ngành, để đáp ứng nhu cầu về vốn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh như cho vay margin, ứng trước, non-prefunding, tự doanh,... Công ty chủ động tìm kiếm gia tăng các nguồn vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng thương mại; đồng thời triển khai phương án phát hành trái phiếu nhằm gia tăng nguồn vốn dài hạn cho Công ty.

KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2025

(Tiếp theo)

CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI (Tiếp theo)

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (“CNTT”) & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Năm 2025, Công ty tiếp tục chú trọng đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp, áp dụng công nghệ AI trong nhiều lĩnh vực như dịch vụ khách hàng, quản lý quan hệ khách hàng, quản trị vận hành... nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa quy trình quản lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh cách mạng 4.0, chuyển đổi số, an toàn thông tin và bảo mật tiếp tục được BVSC xác định là vấn đề trọng yếu. Bên cạnh việc nâng cấp hệ thống để đáp ứng với sự phát triển của thị trường và khách hàng, chuẩn bị cho kết nối hệ thống KRX; trong năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp sâu hơn nữa về an toàn thông tin hướng đến đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực này. Đồng thời, công ty còn dự kiến thực hiện nâng cấp thay thế cụm máy chủ cơ sở dữ liệu, máy chủ phụ trợ; nâng cấp bổ sung phần mềm cơ sở dữ liệu cốt lõi đã hết niên hạn sử dụng để duy trì tính ổn định và an toàn hệ thống giao dịch... Tổng ngân sách để đầu tư cho công nghệ thông tin dự kiến tăng 250% so với năm 2024.

NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH

Trong năm 2024, tiếp tục nâng cao chất lượng các báo cáo và tăng cường tiếp xúc, thuyết trình cho các quỹ, khách hàng tổ chức nước ngoài tại Hong Kong, Singapore,... đồng thời tăng cường tương tác với khách hàng và nhà đầu tư cá nhân thông qua các chuỗi Webinar trực tuyến.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

Triển khai chương trình Next Gen 2025 tại cả 2 miền nhằm xây dựng nguồn lực trung và dài hạn tại tất cả các vị trí trong Công ty. Đồng thời, tăng cường các chương trình đào tạo về AI nhằm thay đổi tư duy quản trị và nâng cao nhận thức kỹ năng cho người lao động, các chương trình về an toàn bảo mật thông tin cho người dùng...

Tiếp tục nghiên cứu thiết kế Phương pháp đánh giá HQLV theo JD công việc cụ thể cho các vị trí tại các phòng ban thuộc khối quản lý và hỗ trợ.

Đẩy mạnh công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển nhân sự quản lý, nâng cao kỹ năng lãnh đạo và năng lực quản lý của đội ngũ Trưởng nhóm và quản lý cấp trung hiện tại.

Nghiên cứu xây dựng các gói chính sách đãi ngộ với từng cấp nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo sự cạnh tranh để giữ chân nhân sự giỏi, nghiên cứu xây dựng đa dạng chính sách phúc lợi phù hợp với nhu cầu thực tế của từng đối tượng nhân viên.

TRUYỀN THÔNG & PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU & QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Đẩy mạnh Digital Marketing nhận diện thương hiệu và quảng bá sản phẩm mới tới khách hàng, nhà đầu tư, tương tác đa kênh nhằm lắng nghe và hoàn thiện hệ sinh thái chăm sóc khách hàng. Thiết kế kênh bán hàng mới theo hình thức Partnership.

Đẩy mạnh các hoạt động thi đua, truyền thông nội bộ và bên ngoài hướng tới kỷ niệm 26 năm thành lập Công ty và 60 năm thành lập Tập đoàn.

Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025 & triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội.

Công bố thông tin đầy đủ song ngữ cả Tiếng Việt và Tiếng Anh và phát hành Bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng quý bằng tiếng việt và tiếng anh nhằm cung cấp thông tin toàn diện và cập nhật tới nhà đầu tư về tình hình hoạt động của Công ty, giúp tăng cường hơn nữa sự minh bạch thông tin và tính chủ động trong hoạt động quan hệ cổ đông.

PHÁP CHẾ & KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ và công tác quản trị rủi ro đối với các mảng hoạt động của Công ty, mở rộng phạm vi các đợt tra soát đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Cập nhật và nghiên cứu các văn bản quy định mới của pháp luật đảm bảo thích ứng kịp thời với các thay đổi của các quy định pháp luật & nhu cầu quản trị của công ty.



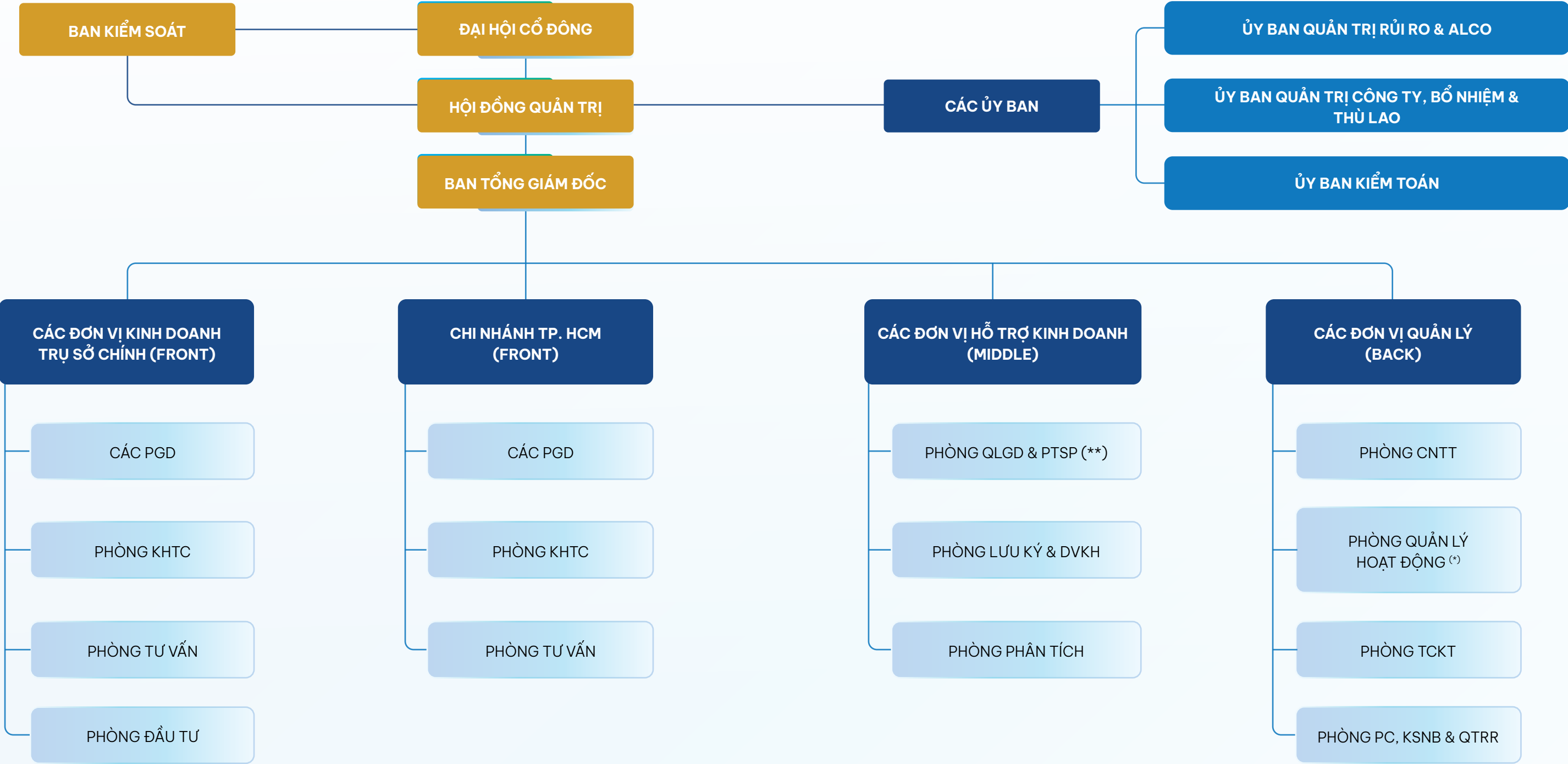
CÂN *Bằng* LỢI ÍCH

GẮN KẾT NIỀM TIN

Chương IV: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Bảo Việt Securities duy trì sự minh bạch trong quản trị Công ty, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng. Chúng tôi tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý, đồng thời áp dụng thông lệ quản trị tốt nhất nhằm củng cố niềm tin và gắn kết bền vững với các bên liên quan.

CƠ CẤU TỔ CHỨC



(*) Phòng Quản lý Hoạt động thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), Kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.

(**) Trung tâm chăm sóc và phát triển khách hàng số (TT CSKH) thuộc Phòng Quản lý Giao dịch & Phát triển sản phẩm.

*** Các công ty con, công ty liên kết: không có



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN
Chủ tịch HĐQT
(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.

Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Tuổi: 56

Học vấn: Cử nhân chuyên ngành Tín dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2024 - nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

11/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT BVSC.

03/2022 - 06/2024: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

06/2017 - 11/2018: Thành viên HĐQT BVSC.

05/2014 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2011 - 9/2017: Quyền TGD, TGD Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2009 - 12/2011: Phó TGD kiêm GD Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2006 - 12/2008: Trưởng ban Dự án Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Thành viên Ban trụ bị thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2006 - 11/2006: Phó trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

04/1998 - 11/2005: Phó trưởng phòng Phòng Đầu tư vốn, Phó GD Trung tâm Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

12/1994 - 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG
Thành viên HĐQT
(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.

Ngày tái bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Tuổi: 51

Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2017 - nay: Thành viên HĐQT BVSC.

04/2025 - nay: Phó TGD Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.

01/2015 - 04/2025: Phó TGD Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2014 - 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2009 - 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

04/2004 - 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

09/2001 - 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới Tái Bảo hiểm Aon Re Singapore.

08/1995 - 09/2001: Chuyên viên Phòng Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó TGD Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.



ÔNG LẠI VĂN HẢI
Thành viên HĐQT
(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 23/04/2024.

Tuổi: 46

Học vấn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2024 - nay: Thành viên HĐQT BVSC

09/2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bảo Việt

12/2019: Quyền Giám đốc Khối Hoạt động kiêm Phó GD Khối Quản lý Tài chính - Ngân hàng TMCP Bảo Việt

03/2019: Phó GD Khối Quản lý Tài chính - Ngân hàng TMCP Bảo Việt

2016 - 2018: Phó, Trưởng phòng Phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Bảo Việt

2013: Quản lý Ban TCKT - Ngân hàng TMCP Bảo Việt

2008 - 2012: Cán bộ Ban TCKT - Ngân hàng TMCP Bảo Việt

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bảo Việt.



ÔNG BÙI QUANG VŨ
Thành viên HĐQT
(TV độc lập HĐQT)

Ngày bổ nhiệm TV. HĐQT BVSC lần đầu: 23/04/2024.

Tuổi: 43

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2024 - nay: Thành viên độc lập HĐQT BVSC

06/2020 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt

04/2016-06/2020: Trưởng VP đại diện tại TP. Hồ Chí Minh, Phó Giám đốc Khối VP và quản trị hoạt động, Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Phó phòng Giám sát tín dụng (Khối QLRR) -Ngân hàng TMCP Bảo Việt

2011-3/2016: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Hội Tụ Việt

2008-2010: Học Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh -Đại học RMIT

2006-2008: Chuyên viên phân tích hệ thống - Ngân hàng TMCP Á Châu

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

*** Những thay đổi của HĐQT trong năm: Ngày 17/04/2024, Thành viên HĐQT - ông Nguyễn Anh Tuấn và ông Lê Xuân Nam gửi đơn từ nhiệm thành viên HĐQT. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, Đại hội thông qua đơn từ nhiệm 02 thành viên này và tiến hành bầu bổ sung ông Lại Văn Hải là thành viên HĐQT không điều hành và Ông Bùi Quang Vũ là thành viên độc lập HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 24/03/2025.

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 15,11% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 15% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,11%).
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Lại Văn Hải: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Bùi Quang Vũ: Thành viên độc lập HĐQT, sở hữu 0% cổ phần.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (Tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.

Tuổi: 48

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh thương mại.

Kinh nghiệm làm việc:

05/2025 - nay: Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt

04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.

01/2008 - nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban - Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế Toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Tập đoàn Bảo Việt.

11/2001 - 01/2008: Kế toán viên, Phó Trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

08/1999 - 10/2001: Phụ trách Kế toán - Công ty Tin học Duy Hùng.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn Bảo Việt.

Chủ tịch HĐQT - Công ty Bảo Việt Âu Lạc.

Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt .



ÔNG HOÀNG GIANG BÌNH
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.

Tuổi: 39

Học vấn: Thạc sĩ Kế toán - Tài chính.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

09/2015 - nay: Chuyên viên Ban Đầu tư - Tập đoàn Bảo Việt.

08/2012 - 09/2015: Chuyên viên Ban Đầu tư Dự án - Tập đoàn Bảo Việt.

12/2011 - 05/2012: Chuyên viên Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội.

03/2009 - 09/2009: Chuyên viên Phòng Kế toán - Đài TH Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Chuyên viên - Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.



BÀ NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC : 22/06/2020.

Tuổi: 43

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

01/2005 - nay: Kế toán viên, Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm lần đầu: 02/2010.

Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 15 năm.

Học vấn: Thạc sĩ Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

05/2024 - nay: Thành viên HĐQT độc lập Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (TEDI)

02/2010 - nay: Tổng Giám đốc BVSC.

2005 - 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

2000 - 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.

1995 - 1999: Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Thành viên HĐQT độc lập Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP (TEDI)



BÀ NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.

Tuổi: 49

Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc: 14 năm 09 tháng.

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.

09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.

10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

không có.



BÀ NGUYỄN HỒNG THỦY
Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 26/04/2022.

Tuổi: 53

Thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng: 3 năm.

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

04/2022 - nay: Kế toán trưởng

01/2012 - 04/2022: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

12/2009 - 01/2012: Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán

05/2009 - 11/2009: Phó Trưởng Phòng Pháp chế, Kiểm soát nội bộ & quản trị rủi ro

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

không có.

*** Những thay đổi trong Ban Điều hành: năm 2024 Ban Điều hành không phát sinh thay đổi.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 24/03/2025

- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty - đại diện quản lý và nắm giữ 15,11% Vốn Điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 15% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,11% Vốn Điều lệ).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% Vốn Điều lệ.

Thành phần BKS và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 24/03/2025

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 9,92% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Hoàng Giang Bình: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU BVS TẠI NGÀY 31/12/2024

Tên cổ phiếu:
BVS
là một trong cổ phiếu trong rổ chỉ số HNX 30

Sàn niêm yết
HNX

Thay đổi vốn điều lệ trong năm
KHÔNG

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS 2024)
2.688 đồng

Số lượng cổ phiếu niêm yết
72.233.937 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
72.200.145 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ
33.792 cổ phiếu

Giá trị vốn hóa thị trường
2.671 tỷ đồng

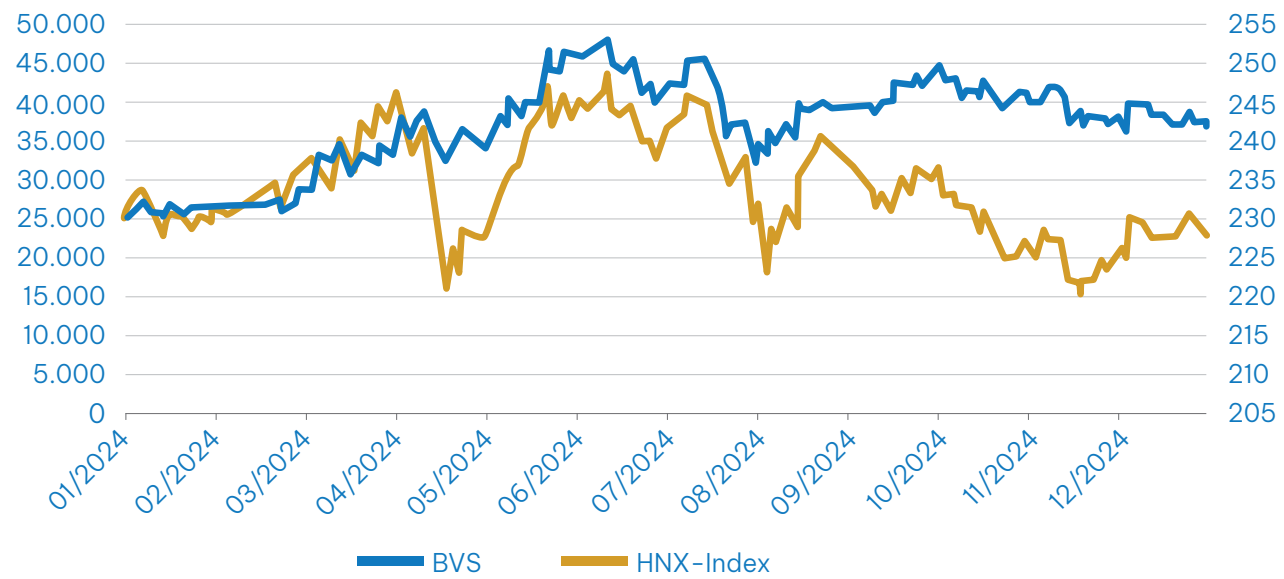
Cổ tức 2024	Thanh toán cổ tức 8% trên mệnh giá cổ phần từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2023 vào ngày 09/10/2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)	34.272 đồng
Giá thị trường tại ngày 31/12/2024	37.000 đồng/cổ phiếu
Giá cao nhất năm 2024	47.900 đồng/cổ phiếu
Giá thấp nhất năm 2024	25.000 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng giao dịch năm 2024	182.225.929 cổ phiếu
Tổng giá trị giao dịch năm 2024	6.986.617.255.000 đồng
Khối lượng giao dịch bình quân năm 2024	728.904 cổ phiếu/ngày
P/B	1,08 lần
P/E	14,04 lần

Nguồn: Fiinpro – Dữ liệu giao dịch doanh nghiệp

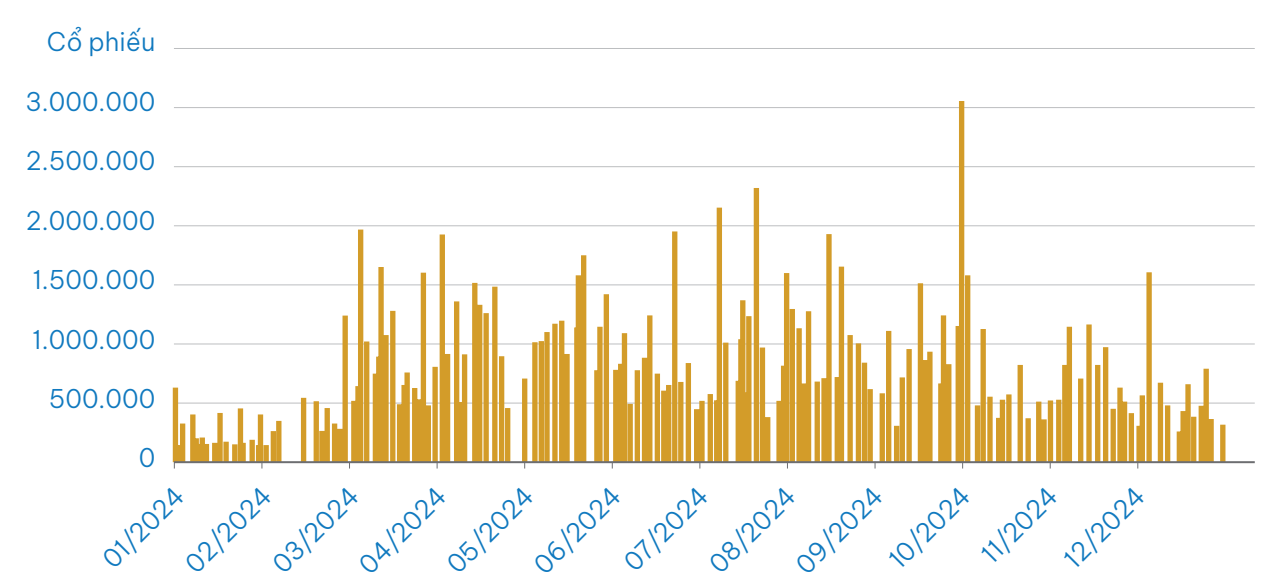
Trong năm 2024, Giá cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán BVS) có mức tăng trưởng tích cực, đóng cửa tại ngày 31/12/2024 là 37.000 đồng, tăng 46% so với thời điểm đóng cửa phiên ngày 29/12/2023. Bên cạnh đó, thanh khoản cũng có mức tăng trưởng tích cực, khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2024 đạt lần lượt 728.904 cổ phiếu và 27,9 tỷ đồng, tăng 110% và 225% so với mức bình quân của năm 2023.

Diễn biến giao dịch cổ phiếu BVS trên Thị trường chứng khoán (“TTCK”) trong năm 2024 thể hiện qua các biểu đồ như sau:

Biểu đồ 01: Giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với HNX-Index từ ngày 01/01/2024 - 31/12/2024

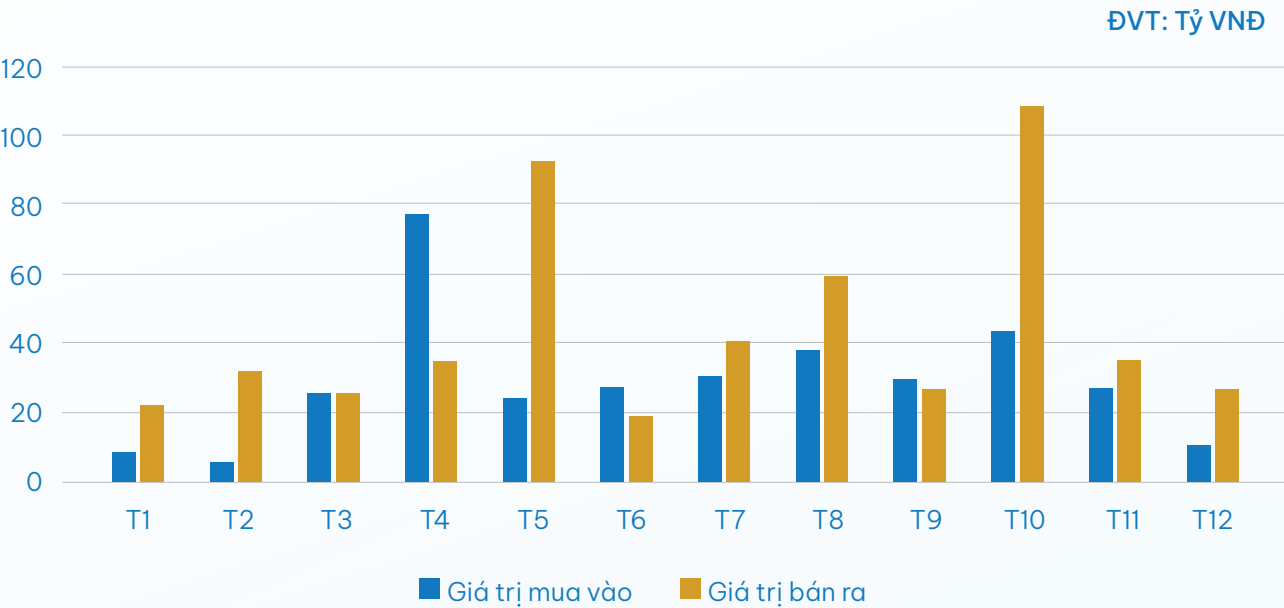


Biểu đồ 02: Khối lượng giao dịch của cổ phiếu BVS từ ngày 01/01/2024 - 31/12/2024

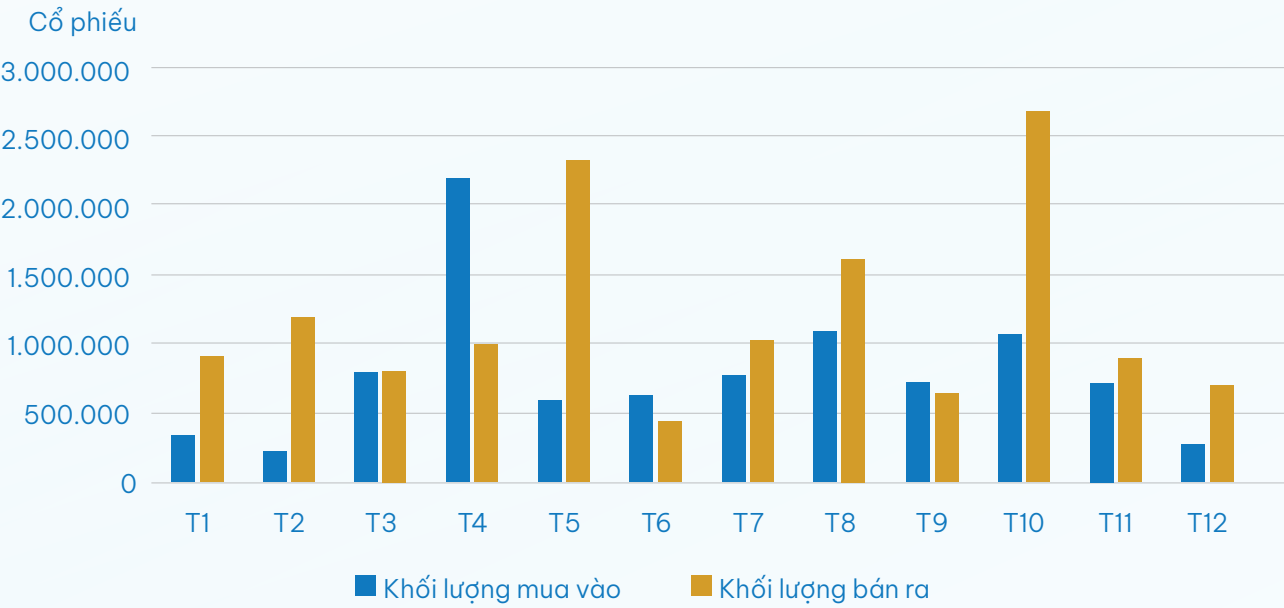


THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

Biểu đồ 03: Giá trị giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài

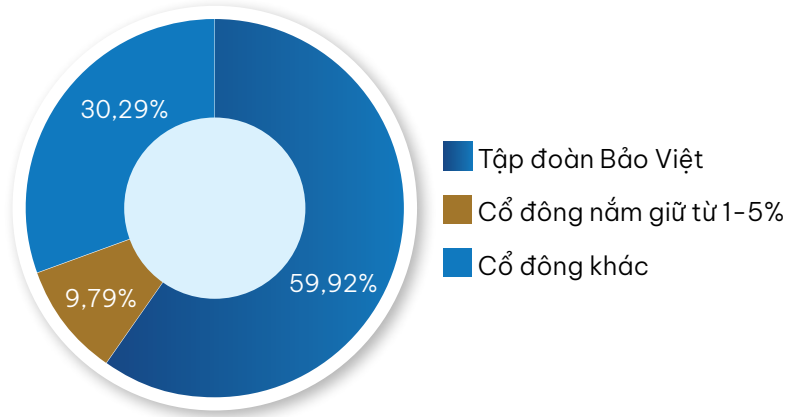


Biểu đồ 04: Khối lượng giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài



Danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2025

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ



Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2024: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2024: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ
Trong nước				93,86%
Cá nhân	5.132	27.385.407	273.854.070.000	37,91%
Tổ chức	26	43.691.464	436.914.640.000	60,49%
Nước ngoài				6,14%
Cá nhân	131	738.866	7.388.660.000	1,02%
Tổ chức	16	418.200	4.182.000.000	0,58%
Tổng cộng	5.305	72.233.937	722.339.370.000	100%

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	5.300	21.882.144	30,29%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5%	4	7.070.600	9,79%
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	43.281.193	59,92%
Tổng cộng	5.305	72.233.937	100%

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR) NĂM 2024

ĐẢM BẢO QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CỔ ĐÔNG, ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG

BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng, công bằng và minh bạch.

Là Công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt BVSC cũng là nhà tư vấn hàng đầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp, do đó BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông của Công ty. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng, công bằng và minh bạch.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 19 của Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 14.

Trong đó quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2024 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc đại hội và được công bố thông tin trên website Công ty.

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2024

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 23/04/2024, BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông thông qua các phương thức: gửi thư có bảo đảm, qua email và tin nhắn SMS và công bố trên website Công ty 21 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2024, Công ty

Thành phần tham gia Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 có sự tham dự của: các cổ đông sở hữu 43.664.163 cổ phần chiếm 60,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc tham dự đầy đủ. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự Đại hội để trả lời các chất vấn của cổ đông (nếu có).

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Trong thư mời tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông được hướng dẫn để đóng góp ý kiến trước ngày tham dự đại hội về các vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự. Cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng liên quan đến kế hoạch kinh doanh năm 2024; Tình hình hoạt động kinh doanh trong quý I.2024; Các giải pháp phòng ngừa sự cố bị tấn công hệ thống công nghệ thông tin, Công tác quản trị rủi ro của Công ty trong hoạt động cho vay margin; Việc cung cấp dịch vụ pre-funding cho nhà đầu tư nước ngoài... Các ý kiến đóng góp và nội dung chất vấn đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Biểu quyết tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Nội dung	ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã biểu quyết thông qua
Hoạt động kinh doanh	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.
Các báo cáo	- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của HĐQT. - Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty	- Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2023, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2024. - Thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2023 và kế hoạch trả thù lao năm 2024.
Các nội dung khác	- Thông qua Miễn nhiệm và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025. - Thông qua Kết quả bầu bổ sung, thay thế Thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2024 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội; cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

(Tiếp theo)

BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR)

Hoạt động Quan hệ cổ đông của BVSC luôn hướng tới việc bảo vệ và thực thi tối đa các quyền của cổ đông. Trong đó, BVSC nhận diện tầm quan trọng của việc chủ động công khai, minh bạch trong thông tin và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trở thành chìa khóa để doanh nghiệp tạo dựng niềm tin đối với cổ đông và nhà đầu tư. Do đó, trong những năm trở lại đây Công ty ngày một hoàn thiện và chú trọng nâng cao các hoạt động quan hệ cổ đông, cụ thể như sau:

Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các quy định về CBTT theo quy định pháp luật

Công ty đã xây dựng quy chế công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết và Quy chế công bố thông tin của các Sở giao dịch. Chuyên mục “Công bố thông tin” được cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo để cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ... đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ trước mỗi kỳ họp đảm bảo theo đúng thời hạn quy định pháp luật về công bố thông tin họp ĐHĐCĐ của công ty niêm yết.

Năm 2024, Công ty tiếp tục được vinh danh là doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR AWARD 2024 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức.

Đa dạng các kênh thông tin kết nối đến cổ đông và nhà đầu tư

Ngoài việc thiết lập hotline và hòm thư điện tử riêng để trả lời tất cả các thắc mắc từ cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm, năm 2024, Bộ phận IR đẩy mạnh thực hiện trao đổi thông tin qua fanpage, zalo Công ty. Mọi thắc mắc, yêu cầu thông tin về tình hình kinh doanh của công ty gửi về đều được bộ phận IR cập nhật ngay lập tức và phối hợp với các Bộ phận liên quan xử lý và phản hồi sau muộn nhất là 48h.

Chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán

Nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

Phát hành đều đặn Bản tin Quan hệ nhà đầu tư định kỳ hàng quý

Bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh nhằm giúp cổ đông cập nhật thông tin toàn diện về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như diễn biến giao dịch của cổ phiếu BVS, và những hoạt động nổi bật khác của Công ty.

Lập báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên

Tại cả phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài.

LỊCH CÔNG BỐ THÔNG TIN (“CBTT”) ĐỊNH KỲ TRONG NĂM 2024

Ngày	Nội dung
19/01/2024	Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2023
19/01/2024	Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 31.12.2023
30/01/2024	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2023
29/03/2024	Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2023
17/04/2024	Báo cáo thường niên năm 2023
17/04/2024	Báo cáo Tài chính quý 1 năm 2024
19/07/2024	Báo cáo Tài chính quý 2 năm 2024
29/07/2024	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết 06 tháng đầu năm 2024
14/08/2024	Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2024 (đã soát xét)
18/10/2024	Báo cáo Tài chính quý 3 năm 2024

LỊCH CBTT KHÁC TRONG NĂM 2024

Ngày	Nội dung
19/01/2024	CBTT Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 14
19/01/2024	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua các nội dung liên quan đến việc chuyển địa điểm TSC
23/02/2024	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
01/03/2024	CBTT v/v sửa đổi điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động (Số 09)
25/03/2024	CBTT Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (lần thứ 12)
01/04/2024	CBTT Nghị quyết của HĐQT về thời gian, địa điểm, chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
01/04/2024	CBTT thông báo mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
12/04/2024	CBTT Kế hoạch kinh doanh năm 2024
19/04/2024	CBTT về việc nhận được đơn từ nhiệm của thành viên HĐQT công ty
19/04/2024	CBTT bổ sung chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024
24/04/2024	CBTT Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024
23/07/2024	CBTT về việc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC năm 2024-2025-2026
27/09/2024	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2023

***Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư trên website của Công ty; và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

X

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

Một số định hướng đối với hoạt động IR năm 2025

Trong năm 2025 BVSC đẩy mạnh hơn nữa tính chuyên nghiệp trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư với một số hoạt động chính cụ thể như sau:

- 1

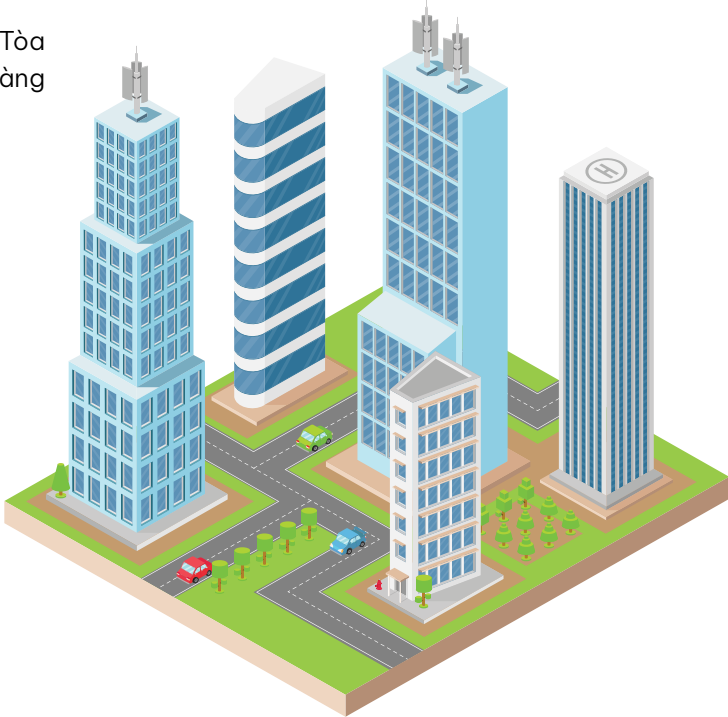
Tuân thủ việc công bố thông tin đầy đủ song ngữ cả Tiếng Việt và Tiếng Anh nhằm tăng cường tính minh bạch và giúp nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thông tin tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty một cách dễ dàng hơn.
- 2

Chủ động đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông & nhà đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư: thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHĐCĐ thường niên, toàn văn tài liệu ĐHĐCĐ thường niên công bố song ngữ Anh - Việt; và thông qua đa dạng các kênh thông tin kết nối như qua hotline, hòm thư điện tử, fanpage, zalo Công ty; qua đó nâng cao hơn nữa các hoạt động truyền tải, trao đổi thông tin với các cổ đông nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích cho các cổ đông và các bên liên quan.
- 3

Phát hành bản tin IR đều đặn hàng quý (được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh); và duy trì các hoạt động truyền thông ra công chúng một cách chủ động để tăng tính minh bạch thông tin tới công chúng...

Để biết thêm thông tin, Quý cổ đông/Nhà đầu tư vui lòng liên hệ

- Địa chỉ: Trụ sở chính Công ty Đơn nguyên B Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Hotline: (84-24)3.928 8080 (máy lẻ: 604)
- Email: Info@bvsc.com.vn
- Website: www.bvsc.com.vn



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của BVSC bao gồm 05 thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	Kể từ ngày 27/06/2017 là thành viên HĐQT Kể từ ngày 29/11/2018 - ngày 22/06/2020 là Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kỳ 2015-2020 Kể từ ngày 22/06/2020 đến nay tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kì 2021-2025	
2	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên HĐQT điều hành	Kể từ ngày 03/04/2010	
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 12/05/2016 đến ngày 23/04/2024	Xin từ nhiệm Thành viên HĐQT và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua
4	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 27/6/2017	
5	Ông Lê Xuân Nam	Thành viên độc lập HĐQT	Kể từ ngày 22/06/2020 đến ngày 23/04/2024	Xin từ nhiệm Thành viên HĐQT và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua
6	Ông Lại Văn Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 23/04/2024	ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty bầu bổ sung làm Thành viên HĐQT
7	Ông Bùi Quang Vũ	Thành viên độc lập HĐQT	Kể từ ngày 23/04/2024	ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty bầu bổ sung làm Thành viên độc lập HĐQT

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại Chương IV. Mục 2 - Nhân sự chủ chốt - Hội đồng Quản trị.

X

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ(Tiếp theo)

HĐQT đã ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

ÔNG NGUYỄN HỒNG TUẤN – Chủ tịch HĐQT

Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị công ty, thù lao & bổ nhiệm; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT chuyên trách theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của BVSC.

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA – TV. HĐQT – Tổng Giám đốc

Trực tiếp và là người đứng đầu điều hành các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG NGUYỄN QUANG HƯNG – TV. HĐQT

Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ – có của Công ty; quản lý rủi ro; pháp chế; là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG LẠI VĂN HẢI – TV. HĐQT

Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; là Thành viên Ủy ban Quản trị công ty, thù lao & bổ nhiệm; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

ÔNG BÙI QUANG VŨ – TV độc lập HĐQT

Phụ trách hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 có 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT; đồng thời thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động đối với mỗi thành viên, đã giúp các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của cổ đông; và sự phát triển bền vững của Công ty.

THƯ KÝ CÔNG TY

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban thư ký Công ty bao gồm các nhân sự sau:

Họ và tên	Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề	Kinh nghiệm tại BVSC	Ngày được bổ nhiệm
BÀ BÙI THỊ MAI HIỀN	- Cử nhân Luật. - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.	20 năm làm việc tại BVSC	26/09/2013
	- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp. - Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 05/09/2013.		
ÔNG VŨ DUY VƯƠNG	- Cử nhân Luật kinh doanh. - Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013. - Chứng chỉ quản trị Công ty số 40/QTCT 159/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 03/06/2022.	14 năm làm việc tại BVSC	10/09/2018

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Để hỗ trợ công tác quản trị công ty, HĐQT bổ nhiệm ông Vũ Duy Vương Thư ký công ty, đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Để hỗ trợ HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích; vận dụng thông lệ tốt và các chuẩn mực tiên tiến về quản trị công ty như Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD mới nhất và Thẻ điểm Quản trị Công ty của ASEAN, HĐQT BVSC đã thành lập 03 Ủy ban trực thuộc, cụ thể:

Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm & thù lao (“QTCT,BN&TL”)

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT về tính hiệu quả của khung quản trị và chính sách về quản trị công ty cũng như giám sát các vấn đề quản trị công ty tại BVSC; hỗ trợ cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao, mô hình tổ chức bộ máy đáp ứng chuẩn mực về Quản trị Công ty cũng như bắt kịp những thông lệ tốt trên thị trường.

Thành phần của Ủy ban gồm: 04 Thành viên

- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên
- Ông **Lại Văn Hải** TV.HĐQT không điều hành – Thành viên
- Bà **Bùi Thị Mai Hiền** Giám đốc Quản lý Hoạt động – Thành viên

Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco (“QTRR&ALCO”)

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, chính sách và hạn mức rủi ro, thực hiện đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro cũng như kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc và giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính, quản lý và phát triển vốn và tài sản của Công ty.

Thành phần của Ủy ban gồm: 05 Thành viên

- Ông **Nguyễn Quang Hưng** TV.HĐQT không điều hành – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Thành viên
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
- Ông **Lê Thịnh Vượng** Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Là ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT khi thực hiện đánh giá về tính tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, chính sách và quy định nội bộ của Công ty; Ủy ban có chức năng giám sát tính trung thực trong báo cáo tài chính & công bố chính thức liên quan đến tình hình tài chính của Công ty cũng như quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Thành phần của Ủy ban: gồm 05 Thành viên

- Ông **Bùi Quang Vũ** Thành viên độc lập HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban
- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Thành viên
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên
- Ông **Lê Thịnh Vượng** Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên
- Bà **Nguyễn Thị Hằng** Chuyên viên Kiểm toán nội bộ – Thành viên

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty đã hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty cổ phần đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và đã được cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa học.

Ngoài ra, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký và Người phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác thường xuyên cập nhật nghiên cứu quy định mới của pháp luật về quản trị công ty; đồng thời cũng tích cực tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo liên quan đến quản trị công ty, điển hình như: Hội thảo thực hành quản trị công ty tốt vượt trên tuân thủ và Hội thảo chuyên đề: “VNCG50 – Doanh nghiệp cần tập trung gì trong năm 2025” do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức...

Danh sách thành viên có Chứng chỉ quản trị công ty:

- Anh **Nguyễn Hồng Tuấn** – Chủ tịch HĐQT:
Chứng chỉ quản trị công ty số 11QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Anh **Nguyễn Quang Hưng** – Thành viên HĐQT:
Chứng chỉ quản trị công ty số 21QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Anh **Nguyễn Xuân Hòa** – Trưởng Ban Kiểm soát:
Chứng chỉ quản trị công ty số 13QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Chị **Nguyễn Thị Thanh Vân** – Kiểm soát viên:
Chứng chỉ quản trị công ty số 24QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Anh **Hoàng Giang Bình** – Kiểm soát viên:
Chứng chỉ quản trị công ty số 25QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:
Chứng chỉ quản trị công ty số: 10/QĐ193-TTNC do UBCKNN ngày 31/07/2013.
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** – Phó Tổng Giám đốc:
Chứng chỉ quản trị công ty số: 35 QTCT 216/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 26/10/2015.
- Bà **Bùi Thị Mai Hiền** – Thư ký công ty:
Chứng chỉ quản trị công ty số: 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.
- Ông **Vũ Duy Vương** – Thư ký công ty kiêm Người quản trị Công ty:
Chứng chỉ quản trị công ty số: 40/QTCT 159/QĐ-TTNC cấp ngày 03/06/2022.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Thực hiện những nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, cũng như được ĐHĐCĐ giao, HĐQT đã triển khai các hoạt động trong năm như sau:

Tổ chức họp ĐHĐCĐ

HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 23/04/2024 với những nội dung quan trọng được các cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết thống nhất rất cao: có 07 nội dung có tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt tỷ lệ 100% và 03 nội dung tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt tỷ lệ 99,98% (Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại Mục 3.2 Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông (IR) năm 2024 – ĐHĐCĐ thường niên năm 2024).

Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền: HĐQT thông qua các chính sách và các vấn đề

Tổ chức các cuộc họp của HĐQT để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT: năm 2024, HĐQT đã tổ chức (04) cuộc họp định kỳ mỗi quý 01 cuộc họp. Tất cả các cuộc họp này đều mời các Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 ngày 26/03/2024	- Kết quả kinh doanh năm 2023 sau kiểm toán. - Kế hoạch kinh doanh năm 2024 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua. - Ước kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 và Kế hoạch Quý 2 năm 2024. - Kế hoạch đầu tư năm 2024. - Kế hoạch tiền lương năm 2024. - Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024. - Công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng trụ sở chính của Công ty. - Xây dựng lại dải lương của Công ty. - Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 & các Nghị quyết của HĐQT Quý I/2023.	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 2 ngày 19/06/2024	- Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm Quý 3 năm 2024. - Triển khai thực hiện giám sát an ninh bảo mật cho Hệ thống giao dịch của Công ty. - Công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng trụ sở chính của Công ty. - Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 & các Nghị quyết của HĐQT 06 tháng đầu năm 2024.	05/05	100%

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 3 ngày 27/09/2024	- Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm & Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2024. - Kế hoạch thanh toán cổ tức năm tài chính 2023. - Đầu tư nâng cấp Hệ thống lưu trữ & Thiết bị tường lửa cho Hệ thống công nghệ thông tin. - Công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng trụ sở chính của Công ty. - Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 & các Nghị quyết của HĐQT 09 tháng đầu năm 2024.	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 4 ngày 19/12/2024	- Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2024. - Xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2025. - Tình hình kết quả kiểm toán nhà nước tại BVSC. - Công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng trụ sở chính của Công ty. - Tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 & các Nghị quyết của năm 2024. - Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc năm 2024.	05/05	100%

Năm 2024, HĐQT tiến hành 33 lần lấy ý kiến bằng văn bản & ban hành 36 Nghị quyết quan trọng liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Kế hoạch tiền lương, kế hoạch tự doanh và kế hoạch mua sắm tài sản năm 2024; Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023; Bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh; Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính các năm 2024, 2025, 2026... & các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

Ngoài thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo phân công thông qua các kỳ họp HĐQT, cho ý kiến trả lời đối với các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, các thành viên HĐQT còn là thành viên các ủy ban trực thuộc HĐQT, đồng thời tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản lý rủi ro; cuộc họp liên quan bổ nhiệm các lãnh đạo cấp trung của Công ty. Ngoài ra, các thành viên HĐQT còn trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường, cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.

X

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ(Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Năm 2024, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã triển khai các hoạt động sau đây để hỗ trợ và tham mưu cho HĐQT quản lý Công ty một cách hiệu quả:

Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm & thù lao	Hoạt động trong năm 2024: Ủy ban QTCT, BN&TL đã triển khai các công việc tham mưu, hỗ trợ và báo cáo trình HĐQT các ý kiến tham mưu, thẩm định về các nội dung liên quan đến: xây dựng giải lương thỏa thuận mới đảm bảo mức lương của người lao động có mặt bằng cạnh tranh so với thị trường; kế hoạch tiền lương và quyết toán quỹ lương năm 2024; về công tác bổ nhiệm các nhân sự cao cấp và lãnh đạo cấp trung của Công ty; đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty. Định hướng hoạt động năm 2025: Ủy ban QTCT, BN&TL tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Tham mưu cho HĐQT về công tác nhân sự bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030; (ii) Triển khai các thủ tục và tham mưu cho HĐQT công tác bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo cấp trung của Công ty; (iii) Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; (iv) tham mưu, tư vấn cho HĐQT những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị công ty, hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty; (v) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của công ty và (vi) thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.
Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco	Hoạt động trong năm 2024: Ủy ban QTRR&ALCO đã Thẩm định Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2024 báo cáo HĐQT phê chuẩn, tham dự và cho ý kiến tại 04 cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro của Công ty; kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc. Định hướng hoạt động năm 2025: Ủy ban QTRR&ALCO tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2025 trình HĐQT phê duyệt; (ii) Xem xét, đánh giá các hoạt động của Công ty về việc tuân thủ Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2025; (iii) Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên bảng cân đối kế toán đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty; (iv) thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán	Hoạt động trong năm 2024: Ủy ban Kiểm toán đã Thẩm định Báo cáo Kiểm toán năm 2024 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2025 do Bộ phận KTNB trình để báo cáo HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Bộ phận KTNB và thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của HĐQT liên quan đến việc đánh giá về các hoạt động của Công ty đối với việc tuân thủ các chính sách và quy định nội bộ của Công ty. Định hướng hoạt động năm 2025: Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động: (i) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Bộ phận KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2025 đã được HĐQT phê duyệt; (ii) Giám sát tính trung thực lập báo cáo tài chính của Công ty; (iii) Tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2025 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Ủy ban kiểm toán trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2025 của Công ty.
---	---

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Kết thúc năm 2024, Thành viên độc lập HĐQT gửi Báo cáo đánh giá về HĐQT với nội dung như sau: • Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Với cơ cấu 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngoài việc, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT; HĐQT đã thành lập 03 ủy ban UBQTCT, BN&TL; UBKT; UBQTRR&ALCO nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, minh bạch, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông. • HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, các phiên họp đều có sự tham gia của BKS, Ban Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết của HĐQT được đưa ra trên cơ sở tỷ lệ đồng thuận cao nhất với tỷ lệ 100% các Thành viên HĐQT thông qua. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. • Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng giữa Công ty với Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của Công ty; giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của họ đều được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; đồng thời đảm bảo theo đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật. • Các thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành như không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2020–2025 với các thành viên như sau:

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	Kể từ ngày 15/04/2015	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	
3	Ông Hoàng Giang Bình	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	

Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 vui lòng xem tại Chương IV. Mục 2 – Nhân sự chủ chốt.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2024, Ban Kiểm soát tổ chức (04) cuộc họp. Trong các cuộc họp, các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và cẩn trọng. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên BKS tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 năm 2024 ngày 25/03/2024	- Ghi nhận Kết quả kinh doanh năm 2023 sau kiểm toán và ước thực hiện kết quả kinh doanh Quý I/2024 của BVSC. - Thông qua nội dung thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2023 của BVSC để báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2024. - Thông qua nội dung Báo cáo hoạt động của BKS để báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2024. - Thảo luận Kế hoạch công tác Quý II năm 2024 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 2 năm 2024 ngày 18/06/2024	- Ghi nhận Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2024. - Thảo luận Kế hoạch công tác Quý III năm 2024 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 3 năm 2024 ngày 26/09/2027	- Ghi nhận Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm. - Thảo luận Kế hoạch công tác Quý IV năm 2023 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 4 năm 2027 ngày 18/12/2024	- Ghi nhận Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty. - Thảo luận Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS.	02/03	66,7%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2024, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và triển khai kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024, kết quả giám sát như sau:

Giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Xu hướng chính của Thị trường chứng khoán (“TTCK”) năm 2024 là trạng thái đi ngang, chịu áp lực rút ròng mạnh mẽ từ khối ngoại. Tuy nhiên, thị trường vẫn ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 12% so với đầu năm, đồng thời thanh khoản bình quân cũng cải thiện so với năm 2023. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán (“CTCK”) trên thị trường, đặc biệt cạnh tranh về phí môi giới & lãi suất đối với dịch vụ margin & ứng trước, trong khi đó BVSC với những điểm hạn chế về quy mô vốn và thiếu các sản phẩm phái sinh dẫn đến năng lực cạnh tranh so với các CTCK trên thị trường suy giảm. BKS đánh giá cao về việc Công ty luôn chủ động linh hoạt bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm dịch vụ, quản trị rủi ro và tăng cường đảm bảo an toàn thông tin hệ thống với quyết tâm cao hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2024.

Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

- Các BCTC quý, bán niên và cả năm 2024 đã được Công ty trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC bán niên, cả năm 2024 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (“**E&Y Việt Nam**”) và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán độc lập.
- BKS thống nhất ý kiến với đơn vị kiểm toán độc lập là các BCTC năm 2024 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Giám sát công tác quản trị của HĐQT

- Trong năm, để triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, HĐQT đã luôn chủ động bám sát diễn biến TTCK và thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết, quyết sách mang tính chiến lược, định hướng cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ giao.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, ra quyết sách chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty bám sát với diễn biến của thị trường chứng khoán, thực tiễn kinh doanh phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của Công ty.



BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

Giám sát công tác quản trị của HĐQT (tiếp theo)

- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, với phương châm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty nhằm đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời phục vụ hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.
- Các Nghị quyết và các quyết sách của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; quy định của Pháp luật có liên quan.

Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật; HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý Công ty. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong hoạt động quản trị, quản lý của HĐQT nói chung và các thành viên HĐQT nói riêng.



Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Các Thành viên Ban Tổng Giám đốc đều là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, là những người tâm huyết và luôn nỗ lực tối đa với quyết tâm cao nhất trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT; đồng thời luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty và văn bản nội bộ trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty.
- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng, hàng quý Ban Tổng Giám đốc đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng, trong quý và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng, của quý tiếp theo báo cáo HĐQT và BKS;
- Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện cung cấp kịp thời, đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy: căn cứ vào diễn biến của TTCK và thực tiễn hoạt động của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm, định hướng khách hàng, quản trị rủi ro với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh 2024; đồng thời duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và bền vững. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong quá trình điều hành Công ty của Ban Tổng Giám đốc.

Giám sát Quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

Qua giám sát, BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 và thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của BVSC.

Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua giám sát, BKS nhận thấy trong năm 2024, hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, cụ thể: Triển khai hoạt động kinh doanh hoàn thành Kế hoạch kinh doanh 2024; Hoàn thành việc phân phối lợi nhuận năm 2024 và thanh toán cổ tức bằng tiền với 08% mệnh giá cổ phần; Hoàn thành việc chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2024.



BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

Hoạt động khác của BKS	Trong năm, ngoài việc triển khai các hoạt động nêu trên, BKS phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các công việc: Tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; Hoàn thành việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026...
Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông	Trong quá trình thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình, BKS luôn phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông với mục tiêu vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Cụ thể công tác phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc đạt được như sau: HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc hoạt động độc lập, song luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động, đảm bảo thực thi quyền và nghĩa vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, minh cán, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, cũng như tuân thủ các quy định tại Điều lệ, các văn bản nội bộ khác của Công ty đã ban hành và các quy định của Pháp luật. Trong quá trình thực thi các quyền hạn của mình, BKS đảm bảo không cản trở các hoạt động quản trị của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty. Đối với cổ đông: Năm 2024, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.
Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên	Đánh giá kết quả Hoạt động của BKS Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ của BVSC và Quy chế hoạt động của BKS, BKS tự đánh giá như sau: - BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đối với công tác quản trị, điều hành Công ty. - BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để tăng cường công tác quản trị, hệ thống hóa quy trình, quy chế, kiểm soát nội bộ với mục tiêu giảm thiểu rủi ro kinh doanh của Công ty. - BKS đã giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua. - BKS đã hoạt động đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các văn bản của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

- Các Kiểm soát viên đã tham gia đầy đủ các phiên họp BKS, các phiên họp HĐQT, đã hoạt động tích cực trong công tác giám sát hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề: Kế hoạch hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2024-2025; Giám sát quá trình kiểm toán các BCTC năm 2024 của BVSC; Quá trình xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Công ty; Quá trình triển khai lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026. Đồng thời, các Kiểm soát viên phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chức năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Kiểm soát viên luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát giữa Hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025-2026

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2025 – 2026 như sau:

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy định liên quan đến hoạt động của BKS.
- Giám sát tình hình tài chính của công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác.
- Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập và kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; việc thực hiện kiến nghị tại Thư quản lý năm 2024 đối với Công ty của đơn vị Kiểm toán độc lập (nếu có).
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.
- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, và các phiên họp khác do Công ty tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát công tác quản trị và điều hành Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các cơ chế chính sách mới ban hành; giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp tại Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của Pháp luật.

X

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO

Đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

- Chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số: 02/2019/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Việc chi trả thù lao, các chi phí hoạt động và chế độ thưởng đối với các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua vào ngày 23/04/2024; Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty và Quy chế chi tiêu của Công ty.

Đối với Ban Tổng Giám đốc:

Việc chi trả lương thưởng được thực hiện theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty và dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

MỨC LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024

Đối với HĐQT và BKS

- Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS: Thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ, mức chi cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	10.000.000đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	8.000.000đ/người/tháng
3	Trưởng Ban Kiểm soát	8.000.000đ/người/tháng
4	Thành viên Ban Kiểm soát	6.000.000đ/người/tháng

- Trong thời gian từ ngày 01/01/2024 – ngày 31/05/2024, Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách nên hưởng lương, thưởng từ Quỹ tiền lương theo phê duyệt tại Nghị quyết số: 02/2019/NQ – HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019. Từ ngày 01/06/2024, Chủ tịch HĐQT đã chuyển sang làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Theo đó, Chủ tịch HĐQT hưởng thù lao theo phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ kể từ tháng 06/2024.
- Tổng lương và thù lao của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát là 1.339.262.502 đồng.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

- Tổng lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024: 1.999.940.511 đồng.

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Chế độ bảo hiểm và khám sức khỏe định kỳ

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc được hưởng các chế độ bảo hiểm theo khoản 2 & 3 Điều 10 Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty. Cụ thể như sau:

Danh mục	Chế độ bảo hiểm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty.
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (HealthCare)	Áp dụng theo chương trình Platinum là chương trình cao nhất của gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện dành cho người lao động tại BVSC có mức bồi thường tối đa là 5,25 tỷ đồng/người, được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu.
Bảo hiểm Nhân thọ	Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An hưởng điển viên với mức phí 48 triệu đồng/người/năm.
Bảo hiểm các bệnh ung thư (K – care)	Áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1,17 tỷ đồng/người.
Khám sức khỏe định kỳ hàng năm	Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được chi trả theo phát sinh thực tế tại bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam. Thành viên Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm dành cho người lao động của Công ty.

Hiện nay, các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên đều là lãnh đạo, chuyên viên làm việc chuyên trách tại các doanh nghiệp khác nên một số hạng mục bảo hiểm và khám sức khỏe định kỳ hàng năm đã thực hiện theo chế độ tại các doanh nghiệp này thì không thực hiện tại BVSC.

Chế độ đối với phương tiện đi lại

- Đối với chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty: Công ty áp dụng chế độ khoán phụ cấp phương tiện đi lại thay thế chế độ xe đưa đón riêng theo mức từ 10.000.000 đồng/người/tháng đến 15.000.000 đồng/người/tháng.
- Trong trường hợp đi công tác ngoại tỉnh, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được bố trí xe ô tô theo kế hoạch công tác hoặc sử dụng thẻ taxi và/hoặc taxi công nghệ.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS (Tiếp theo)

Chế độ sử dụng điện thoại

- Trang bị máy điện thoại: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trang bị điện thoại di động theo mức từ 15.000.000 đồng/người đến 30.000.000 đồng/người trong khoảng thời gian 2 năm/lần.
- Thanh toán cước phí viễn thông: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty được áp dụng chế độ khoán phụ cấp cước viễn thông theo mức từ 4.000.000 đồng/người đến 5.000.000 đồng/người. Đối với các chức danh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chi phí cước viễn thông được thanh toán thực tế theo hóa đơn nhưng không vượt quá hạn mức quy định của Công ty.

Chế độ công tác phí

- Công tác phí trong nước: Áp dụng theo định mức quy định tại Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty; điều kiện và định mức áp dụng khác biệt giữa các cấp bậc, bao gồm chi phí vé máy bay, khách sạn, phụ cấp lưu trú và thanh toán dựa trên hóa đơn chứng từ.
- Công tác phí nước ngoài: Được thực hiện tham chiếu theo quy định của Bộ Tài chính.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2024, ông Nhữ Đình Hòa – Tổng Giám đốc và Bà Nguyễn Thị Hằng – Chuyên viên Kiểm toán nội bộ thực hiện giao dịch cổ phiếu và tuân thủ đầy đủ quy định về giao dịch của người nội bộ theo quy định tại khoản 1 điều 33 Thông tư 96/2020 TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Chi tiết về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ này đã được BVSC nêu chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 số: 07/2025/BVSC-HĐQT ngày 24/01/2025 đã được BVSC công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn:

<https://www.bvsc.com.vn/danhmuc/quan-he-nha-dau-tu/quan-tri-cong-ty/>

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm, ngoại trừ việc thu phí giao dịch chứng khoán của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo quy định của Công ty, Công ty không ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch đối với những người này.

Đối với việc ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc; với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: trong năm 2024. Các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, do đó theo Điều 52.3 của Điều lệ Công ty hiện hành và Điều 167. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Luật doanh nghiệp 2020, các giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty. Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch này đều được Công ty thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

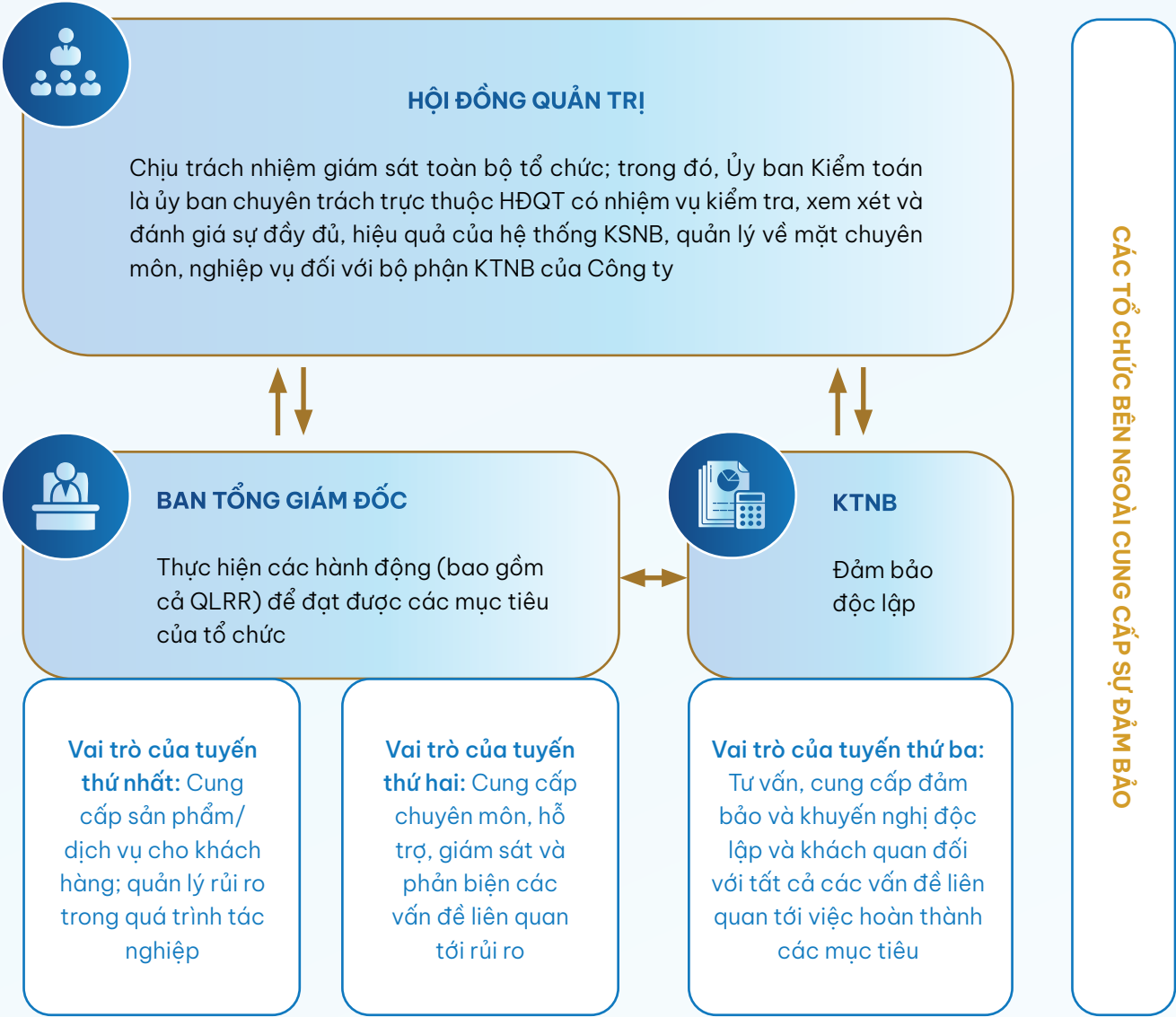
(Chi tiết các giao dịch này, vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính và xem tại Mục 2 và Tiểu mục 4.1, Mục 4 Phần VII Danh sách về người có liên quan của Công ty và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 số: 07/2025/BVSC-HĐQT ngày 24/01/2025 đã được BVSC công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://www.bvsc.com.vn/danhmuc/quan-he-nha-dau-tu/quan-tri-cong-ty/>)



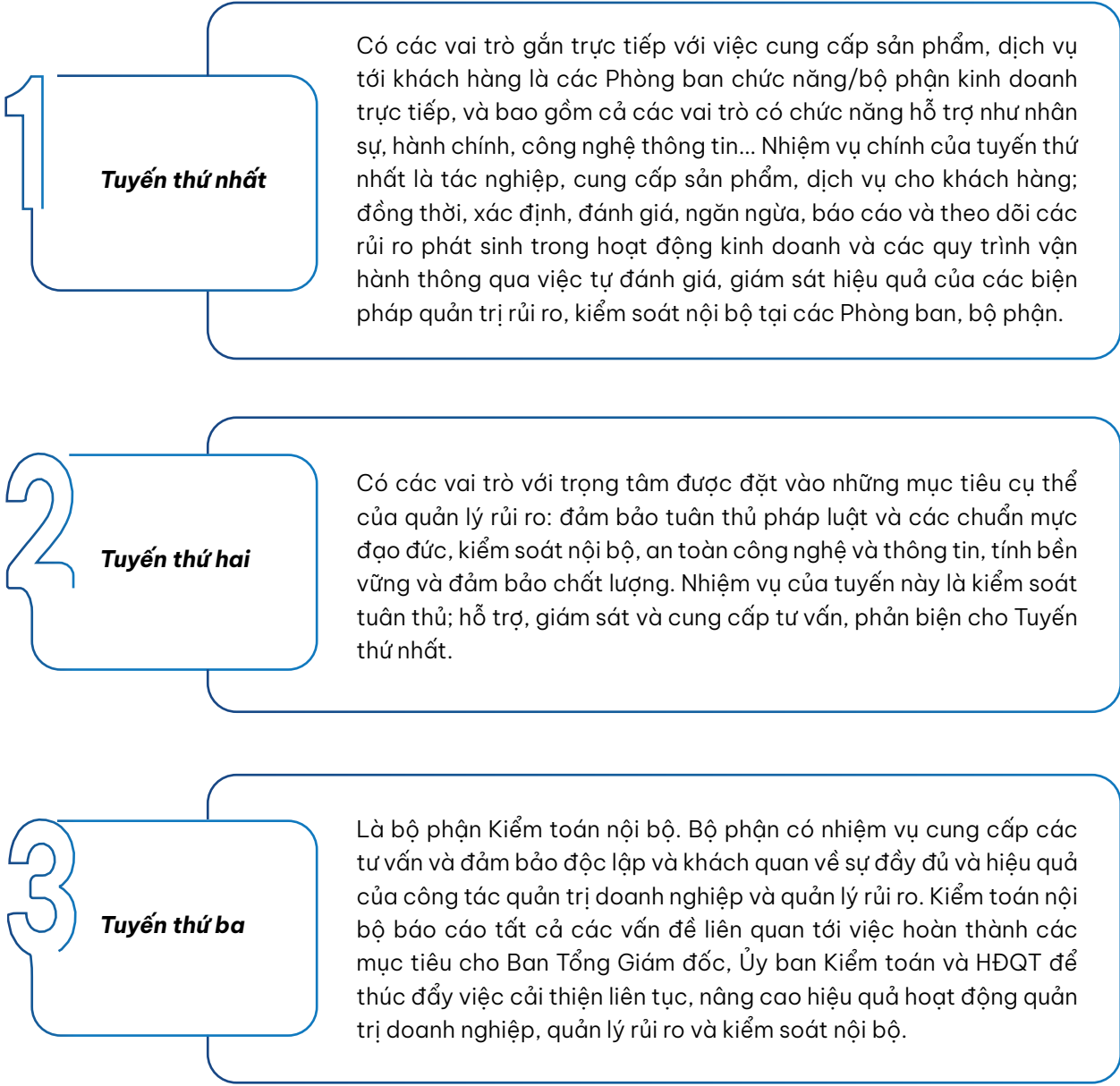
KIỂM TOÁN NỘI BỘ

MÔ HÌNH BA TUYẾN TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO

BVSC áp dụng Mô hình Ba tuyến trong quản trị và quản lý rủi ro, trong đó, HĐQT và các tuyến thứ nhất, tuyến thứ hai, tuyến thứ ba thực hiện các vai trò khác nhau, đảm bảo cho công tác quản trị rủi ro được chú trọng và thực hiện xuyên suốt trong toàn bộ Công ty. BVSC hướng tới việc quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý, không chỉ đơn thuần là giảm thiểu rủi ro, phòng vệ lại các rủi ro. Tất cả các Phòng ban làm việc cùng nhau, phối hợp công việc để đảm bảo tính tin cậy, chặt chẽ và minh bạch của thông tin cần thiết cho quá trình đưa ra quyết định trên cơ sở rủi ro.



↑ Chịu trách nhiệm, báo cáo ↓ Phân quyền, chỉ đạo, phân bổ nguồn lực, giám sát ↔ Trao đổi, phối hợp, hợp tác



*****Chức năng, nhiệm vụ**

Bộ phận KTNB thuộc tuyến thứ ba trong hệ thống quản trị rủi ro. Bộ phận Kiểm toán nội bộ cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc BVSC đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, các quy trình, quy định nội bộ tại BVSC.

X

KIỂM TOÁN NỘI BỘ (Tiếp theo)

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Tóm lược 4 bước của quy trình kiểm toán nội bộ tại BVSC

Lập kế hoạch kiểm toán

Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB lập và gửi kế hoạch kiểm toán năm cho Ủy ban Kiểm toán có ý kiến xem xét trước khi trình HĐQT phê duyệt ban hành. Kế hoạch kiểm toán gồm các nội dung: Khái quát về kết quả thực hiện công tác kiểm toán nội bộ năm gần nhất, mục tiêu định hướng trong năm của bộ phận, đánh giá rủi ro, kế hoạch kiểm toán, thời gian kiểm toán, các công việc khác dự kiến trong năm, kiến nghị và đề xuất khác (nếu có).

Thực hiện kiểm toán

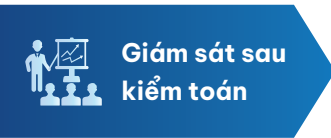
Bộ phận KTNB lập chương trình kế hoạch chi tiết cuộc kiểm toán và thông báo tới đối tượng được kiểm toán về thời gian thực hiện, căn cứ thực hiện, phạm vi thực hiện, phương pháp thực hiện, nhân sự tham gia, các yêu cầu cung cấp hồ sơ... Trên cơ sở đó, bộ phận KTNB triển khai thực hiện kiểm toán bao gồm các công việc: chọn mẫu kiểm toán; soát xét chứng từ và xác định các phát hiện trong quá trình kiểm toán; kết thúc cuộc kiểm toán (thảo luận và thống nhất các nội dung phát hiện với Phòng ban được kiểm toán).

Lập báo cáo kiểm toán nội bộ

Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo kiểm toán từng cuộc kiểm toán: Báo cáo trình bày đầy đủ nội dung và kết quả kiểm toán theo mục tiêu, yêu cầu đã đề ra cho từng cuộc kiểm toán; đề xuất các khuyến nghị, các biện pháp xử lý các sai sót, các giải pháp cần thiết để hoàn thiện hệ thống KSNB, cải tiến quy trình nghiệp vụ... từ đó nâng cao tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Bộ phận KTNB thực hiện lập báo cáo KTNB hàng năm: Trước ngày 31/01 hàng năm, bộ phận KTNB gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm trước lên HĐQT và gửi đồng thời đến Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc.

Bộ phận KTNB thực hiện báo cáo khác theo yêu cầu từ Ủy ban Kiểm toán và HĐQT phát sinh trong năm.



Đây là bước cuối cùng của quy trình KTNB tại BVSC nhằm đảm bảo đối tượng được kiểm toán thực hiện các hành động khắc phục hoặc cải thiện theo những khuyến nghị tại báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng kiểm toán không đưa ra các biện pháp chỉnh sửa, hoàn thiện, bộ phận KTNB yêu cầu làm rõ và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2024

Trong năm 2024, bộ phận KTNB tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB Công ty thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ đối với một số hoạt động, nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự phối hợp giữa 02 bộ phận giúp tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi công việc giữa các cuộc KTNB và KSNB, tiết kiệm thời gian làm việc của các phòng nghiệp vụ trong Công ty; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giữa 02 bộ phận.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán và HĐQT, trong năm 2024, bộ phận KTNB BVSC đã hoàn thành các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Phạm vi của các cuộc kiểm toán tập trung vào rủi ro hoạt động đối với quy trình tác nghiệp của các phòng ban nghiệp vụ, đồng thời, mở rộng phạm vi kiểm toán tại một số quy trình, nghiệp vụ mới ban hành cũng như tại một số nghiệp vụ còn tiềm ẩn rủi ro.

Kết quả kiểm toán cho thấy: tổng quan chung, công tác tuân thủ pháp luật, quy trình, quy định nội bộ của Công ty được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện tốt. Các sai sót trong quá trình tác nghiệp đều được các phòng nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của bộ phận KTNB, giúp cải thiện và nâng cao hơn chất lượng công việc sau các kỳ tra soát.

KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2025

Ghi nhận từ kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2025; tham khảo báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý tại các cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, bộ phận KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC được đánh giá ở mức độ thấp và trung bình. Từ đánh giá này, bộ phận KTNB xây dựng kế hoạch KTNB năm 2025 là tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB triển khai các hoạt động kiểm toán định kỳ, tập trung vào các rủi ro hoạt động trong quá trình tác nghiệp của các phòng nghiệp vụ để đảm bảo nâng cao tính tuân thủ, hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro tại các quy trình, hoạt động kinh doanh của Công ty.

X

QUẢN TRỊ RỦI RO



Các rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro BVSC, đánh giá hoạt động QTRR trong năm 2024 và định hướng năm 2025.

Với các vai trò nằm trong tuyến thứ hai của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR là nơi quản lý những rủi ro tổng thể, rủi ro tích tụ, đồng thời cũng là nơi hệ thống lại những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty để nhận diện, đánh giá, đo lường rủi ro nhằm đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng và bộ phận KSNB nhằm nhận diện, đánh giá, tổng hợp ý kiến và đưa ra đề xuất giải pháp để Ban Tổng Giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tiến hành nhóm họp nhằm đánh giá lại các vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QTRR; từ đó, đưa ra những giải pháp, cũng như kế hoạch hành động liên quan đến QTRR của toàn Công ty.

Để quản trị rủi ro tại BVSC, BVSC đã xây dựng chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC đã xác định khẩu vị rủi ro của Công ty là chấp nhận rủi ro ở mức thấp và trung bình. Mức trung bình mà BVSC chấp nhận là do hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán. Các loại rủi ro BVSC nhận diện và chủ động quản trị gồm các rủi ro trọng yếu bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng.

Shopping cart icon

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Tại BVSC, rủi ro thị trường chủ yếu liên quan đến biến động về giá cổ phiếu và rủi ro lãi suất.

Banknote icon

Rủi ro biến động về giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động từ rủi ro hệ thống của thị trường như các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng như những yếu tố nội tại của doanh nghiệp. Khi thực hiện các quyết định đầu tư, bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt, Công ty chú trọng thực hiện phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế cũng như các yếu tố cơ bản và kỹ thuật của cổ phiếu được lựa chọn đầu tư.

Danh mục đầu tư sau giải ngân được BVSC theo dõi chặt chẽ và thường xuyên thông qua các công cụ đánh giá rủi ro như phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán giá trị tổn thất chịu rủi ro (VAR – Value at risk). Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường, theo những mức độ rủi ro thị trường khác nhau, những tác động tới danh mục đầu tư cổ phiếu cũng như kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá, lượng hóa một cách thường xuyên và chủ động.

Bank icon

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức độ thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình lãi suất trên thị trường, lãi suất cạnh tranh giữa các ngân hàng để có được các mức lãi suất có lợi, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt. Trong năm 2024, Công ty không gặp phải bất cứ sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch kinh doanh cũng như kết quả đầu tư.



X

QUẢN TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)



RỦI RO TÍN DỤNG

Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây thiệt hại/tổn thất trong các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ. Để phòng ngừa, BVSC đã nhận diện, đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro đối với các hoạt động tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Cụ thể:



Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi được HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt. BVSC luôn chủ động thường xuyên đánh giá, phân tích ngân hàng, tình hình thị trường, mục tiêu cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn trước khi thiết lập hợp đồng đầu tư tiền gửi.



Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu

Đối với cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do HĐQT phê duyệt. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau quá trình thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của tổ chức phát hành. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, trái phiếu doanh nghiệp cần được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và BVSC đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro tín dụng của tổ chức phát hành.



Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ

Công ty tiếp tục duy trì các biện pháp quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Ban hành Hạn mức rủi ro hàng năm, trong đó có các chỉ tiêu liên quan đến giao dịch ký quỹ: tổng dư nợ gốc cho vay giao dịch ký quỹ, dư nợ tối đa trên 01 khách hàng, tổng giá trị giải ngân/1 mã cổ phiếu và số lượng cho vay ký quỹ/tổng số chứng khoán niêm yết. Bộ phận QTRR giám sát chặt chẽ đảm bảo việc tuân thủ theo đúng hạn mức rủi ro đã ban hành.
- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát các tài khoản có dấu hiệu rủi ro tích tụ là các tài khoản có dư nợ ký quỹ lớn và tài sản bảo đảm tập trung vào một hoặc một vài mã chứng khoán.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của UBCKNN về giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của các Sở Giao dịch chứng khoán. Định kỳ rà soát Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ căn cứ trên các tiêu chí như thanh khoản của cổ phiếu, biến động giá cổ phiếu, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật diễn biến giá và thông tin cổ phiếu để sớm nhận diện và đưa ra biện pháp xử lý sớm đối với các mã có dấu hiệu giảm giá và mất thanh khoản; các mã bị hai Sở loại khỏi danh mục cho vay ký quỹ.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và thực hiện công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.



RỦI RO THANH KHOẢN

Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền và tài sản của nhà đầu tư với tiền và tài sản của Công ty để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ đối với khách hàng. Đối với dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày thông qua việc cân đối dòng tiền thu chi, duy trì kênh tương tác và phối hợp chặt chẽ trong công tác báo nguồn, đăng ký kế hoạch sử dụng nguồn cũng như gửi các cảnh báo thị trường để cân đối dòng tiền đạt hiệu quả nhất, giảm thiểu nguy cơ mất thanh khoản.

Đồng thời, Công ty luôn duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đảm bảo đáp ứng đủ cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về dòng tiền. Các đệm thanh khoản được củng cố thông qua việc đầu tư vào các tài sản tài chính có tính thanh khoản tốt và việc không ngừng tìm kiếm các nguồn tài trợ vốn từ bên thứ ba để gia tăng khả năng đối phó với các tình huống căng thẳng thanh khoản.

Trong năm 2024, BVSC luôn thực hiện đầy đủ chính xác các nghĩa vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, các Sở Giao dịch, các đối tác và khách hàng giao dịch chứng khoán. Nếu tiêu chí tỷ lệ An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của công ty chứng khoán thì tại BVSC, trong năm 2024, tỷ lệ này hàng tháng luôn ở trên mức 500%, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của UBCKNN.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 04 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.



Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo Công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty niêm yết, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong bốn công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ công tác tài chính kế toán, đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính – kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán, phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.



Rủi ro con người

Rủi ro này được BVSC kiểm soát tốt do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn – đào tạo – huấn luyện đến kiểm soát và đánh giá chất lượng công việc. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Đối với cán bộ làm việc tại BVSC, ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp luôn là một ưu tiên hàng đầu.

X

QUẢN TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro mà Công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện được mức độ trọng yếu của rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp cụ thể, chi tiết, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành theo đúng quy trình đề ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận KTNB phối hợp với bộ phận KSNB của Công ty định kỳ tổ chức các đợt rà soát, kiểm tra tuân thủ nhằm đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình so với thực tiễn công việc, từ đó có thể hoàn thiện, cải tiến quy trình, nâng cao hiệu quả trong quá trình tác nghiệp.

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Định kỳ Công ty thực hiện đánh giá các sự kiện đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra để phân tích, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn, từ đó, có phương án quản trị những rủi ro được nhận diện.

Đối với công tác vận hành hệ thống công nghệ thông tin, BVSC luôn chú trọng đầu tư hạ tầng công nghệ đảm bảo tính liên tục của hệ thống, tránh gián đoạn do sự cố kỹ thuật, tấn công mạng hoặc mất dữ liệu. BVSC xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống; hệ thống máy chủ và cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại Trung tâm dữ liệu CMC Tower đạt chuẩn TIER 3 của quốc tế. Đồng thời, việc ứng dụng các giải pháp sao lưu, điện toán đám mây và bảo mật mạng giúp doanh nghiệp bảo vệ tài sản số, hạn chế tổn thất tài chính và uy tín. BVSC xây dựng các quy trình cụ thể trong công tác vận hành và định kỳ hàng năm, Phòng KSNB thực hiện kiểm tra, rà soát tính tuân thủ, từ đó, giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống.

Trong bối cảnh các mối đe dọa như tấn công mạng, mã độc, lỗ hổng bảo mật và rò rỉ dữ liệu ngày càng gia tăng, rủi ro an ninh bảo mật ngày càng trở thành mối quan tâm hàng đầu của BVSC. Để giảm thiểu rủi ro về an ninh bảo mật, BVSC đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao bảo mật an toàn thông tin như: Triển khai các lớp tường lửa chuyên dụng bảo vệ các tầng Cơ sở dữ liệu, máy chủ, truy cập web của khách hàng; Triển khai giải pháp phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DDOS) cho toàn bộ dịch vụ trực tuyến; Hoàn tất triển khai trung tâm giám sát điều hành về an ninh mạng 24/7 để phản ứng tức thời trước các sự kiện về an toàn bảo mật trong hệ thống và lựa chọn Tập đoàn Viettel là đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), hỗ trợ xử lý sự cố về an toàn thông tin; Đào tạo nhận thức về an ninh thông tin, kiểm tra và đánh giá bảo mật, sao lưu và phục hồi dữ liệu, giám sát và phản ứng sự cố, tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định bảo mật. Việc kết hợp các giải pháp kỹ thuật tiên tiến với đào tạo nhân sự và chính sách bảo mật chặt chẽ sẽ giúp cho hệ thống CNTT luôn được vận hành thông suốt, không có sự cố về an ninh bảo mật hay sự cố gây gián đoạn hệ thống kéo dài. An ninh, an toàn của hệ thống được nâng cấp, giúp việc ngăn chặn các cuộc tấn công mạng, bảo vệ dữ liệu khách hàng và thông tin nội bộ được thực hiện hiệu quả hơn.



RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên. Các nhân sự của Phòng Pháp chế công ty đều là nhân sự có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, có kiến thức thực tiễn sâu rộng trong lĩnh vực pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, thương mại, dân sự... có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong Công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong Công ty, để mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về trách nhiệm tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

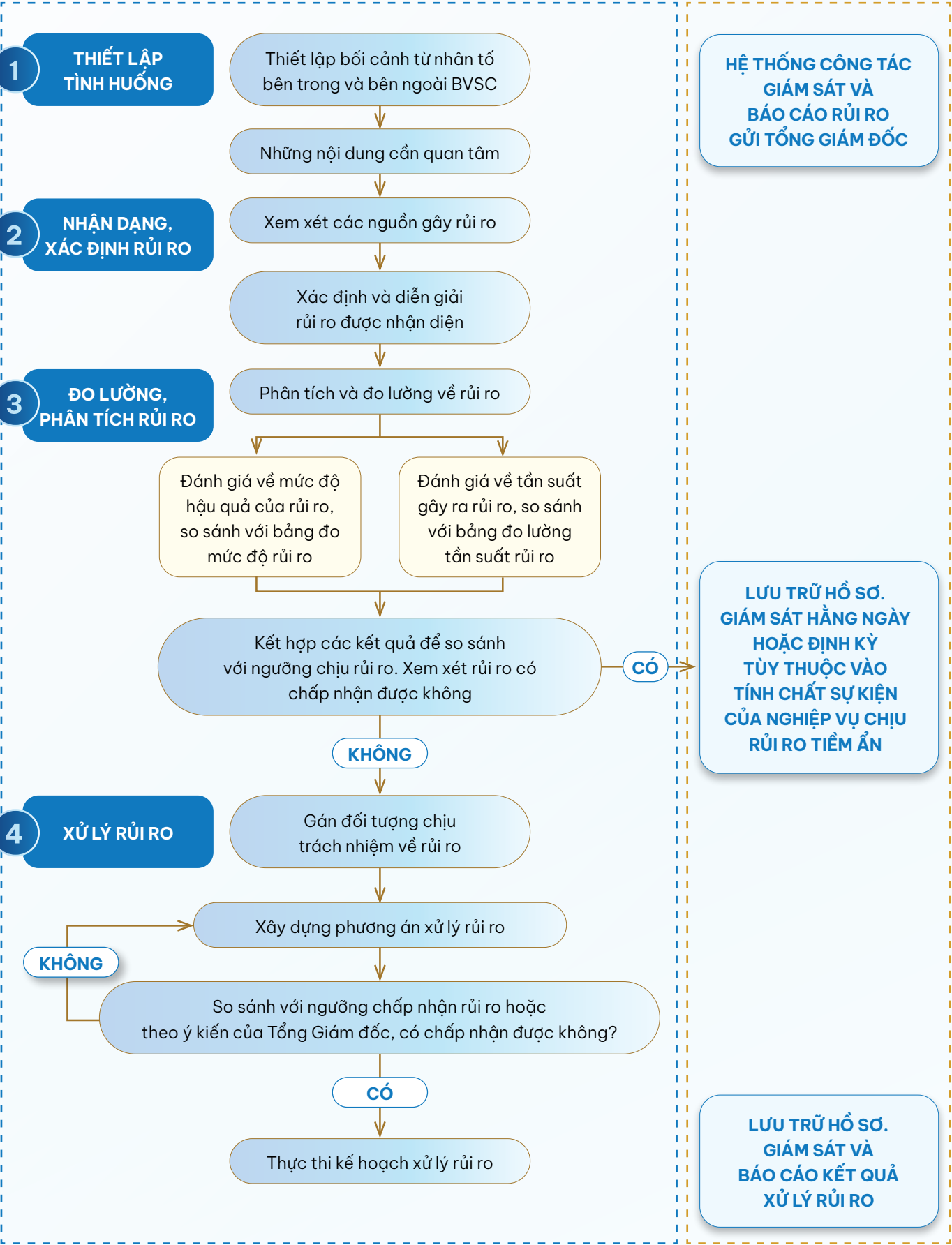
RỦI RO DANH TIẾNG

Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Các phản hồi từ khách hàng, cổ đông và đối tác luôn là nguồn thông tin quý báu để BVSC tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, thắt chặt hơn mối quan hệ với cổ đông, đối tác để giữ vững vị trí là một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, năng động và chuyên nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng luôn chú trọng xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

X

QUẢN TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



Tóm lược Quy trình quản trị rủi ro tại BVSC gồm những bước như sau:

- 1

Thiết lập tình huống

Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý nhà nước...
- 2

Nhận diện, xác định rủi ro

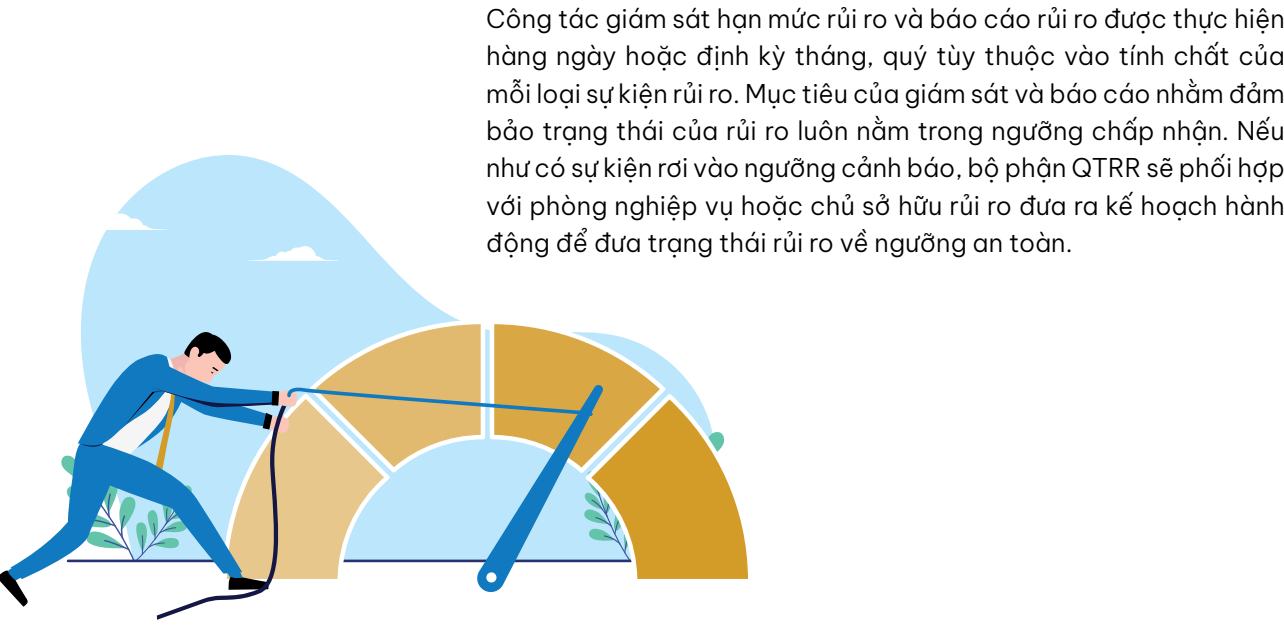
Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 03 nội dung chính: Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro và Đối tượng bị tác động bởi rủi ro.
- 3

Đo lường, phân tích rủi ro

Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ ảnh hưởng của rủi ro. Tần suất và mức độ ảnh hưởng của rủi ro là cơ sở để xác định cấp độ của rủi ro.
- 4

Xử lý rủi ro

Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc vào mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro.





QUẢN TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2024

Công tác QTRR tại BVSC trong năm 2024 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các Phòng ban chức năng của Công ty. Các hoạt động nổi bật được triển khai bao gồm:

Quản lý, theo dõi và giám sát rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty thường xuyên và liên tục

- Nhận thức rõ trách nhiệm quản trị rủi ro là của tất cả các cán bộ trong Công ty, việc quản trị rủi ro được các Phòng ban trong Công ty thực hiện ngay trong quá trình tác nghiệp hàng ngày. Đối với các rủi ro trọng yếu phát sinh, các Phòng nghiệp vụ báo cáo tới Ban Tổng Giám đốc và thông báo cho bộ phận QTRR để cùng phối hợp xử lý.
- Hàng tháng, bộ phận QTRR là đầu mối phối hợp với các phòng nghiệp vụ trong việc tiếp nhận, thu thập thông tin liên quan đến rủi ro và lập báo cáo rủi ro hàng tháng gửi tới Ban Tổng Giám đốc. Báo cáo thực hiện theo dõi và đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro được BVSC nhận diện và quản lý; đồng thời, cập nhật tiến độ thực hiện các biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp Hội đồng QLRR.
- Hàng tháng, bộ phận QTRR lập báo cáo chuyên biệt về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin đánh giá về tính chất tập trung của những khách hàng có số dư nợ cho vay ký quỹ cao và tài sản đảm bảo tập trung vào chỉ một hoặc một vài mã chứng khoán. Đây cũng là một cơ sở, dữ liệu đầu vào phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ của BVSC.

Tăng cường công tác an ninh bảo mật đối với hệ thống công nghệ thông tin của Công ty

- Tiến hành kiểm tra và đánh giá mức độ bảo mật trên toàn bộ hệ thống máy chủ và thiết bị máy tính cá nhân trong phạm vi toàn Công ty; Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến của Công ty.
- Đưa vào vận hành hệ thống giám sát và điều hành an toàn, an ninh mạng 24/7, đảm bảo an toàn thông tin cho hạ tầng CNTT của Công ty; đồng thời lựa chọn Tập đoàn Viettel là đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), hỗ trợ xử lý sự cố về an toàn thông tin.
- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ quyền truy cập mạng đối với tất cả thiết bị kết nối vào hệ thống mạng của Công ty; Tăng cường hệ thống tường lửa và các giải pháp phòng chống tấn công từ chối dịch vụ cho website và hệ thống giao dịch trực tuyến; Cập nhật và nâng cấp phần mềm diệt virus cho các máy chủ và máy tính cá nhân.



Định kỳ tổ chức các cuộc họp Hội đồng QLRR và Cân đối giữa Tài sản Nợ - Có (ALCO)

- Định kỳ các quý, Công ty tổ chức họp Hội đồng QLRR của BVSC gồm có Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Chi nhánh, các Lãnh đạo Phòng, Bộ phận QTRR và có sự tham gia tư vấn, phản biện đến từ Ủy ban QLRR & ALCO của BVSC. Các kỳ họp Hội đồng QLRR được thực hiện hàng quý và bao gồm các nội dung cụ thể như sau:
 - Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp liền trước.
 - Đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng tới hoạt động Công ty và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý tiếp theo.
 - Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý tiếp theo.
- Nhằm mục đích đánh giá và đưa ra giải pháp giúp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, cơ cấu tài sản - nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, BVSC đã định kỳ tổ chức họp về Cân đối giữa Tài sản Nợ - Có trong kỳ với sự chủ trì của Ủy ban QTRR & ALCO và sự tham gia đóng góp ý kiến của Lãnh đạo các phòng ban trong Công ty. Nội dung các kỳ họp ALCO như sau:
 - Đánh giá chung về thị trường chứng khoán và thị phần.
 - Đánh giá về chiến lược đầu tư của Công ty; Đánh giá tình hình tài chính Công ty thông qua đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, các biến động chính trên bảng cân đối kế toán, tình hình các khoản cho vay - phải thu, tình hình, nhu cầu sử dụng vốn và cơ cấu tài sản - nguồn vốn.
 - Thảo luận các giải pháp phân bổ cơ cấu tài sản cũng như tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn

Xây dựng văn hóa và đào tạo về QTRR

Triển khai các hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ về tầm quan trọng của an toàn thông tin trong hoạt động của Công ty, từ đó nâng cao hiểu biết, ý thức phòng ngừa và khả năng ứng phó của cán bộ nhân viên đối với các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến an ninh mạng.

Để phát huy văn hóa tuân thủ trong Công ty cũng như ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự kế cận, Công ty đã xây dựng chuyên đề về văn hóa tuân thủ, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC và thực hiện đào tạo cho toàn bộ học viên chương trình tuyển dụng Next Gen của Công ty.

Xây dựng ngân hàng câu hỏi về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ để đưa vào kỳ kiểm tra nghiệp vụ định kỳ hàng năm của BVSC. Các câu hỏi về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ được xây dựng trên cơ sở các tình huống đã từng xảy ra hoặc có thể phát sinh trong tương lai giúp cho cán bộ tại BVSC nắm chắc hơn quy trình, quy định, có thêm hiểu biết về các tình huống nghiệp vụ và nâng cao hơn kiến thức, ý thức trong công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ



QUẢN TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2024 (Tiếp theo)

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

Hàng năm, bộ phận QTRR và tất cả các phòng nghiệp vụ phối hợp thực hiện rà soát lại hồ sơ rủi ro để cập nhật danh mục rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro và đưa ra các giải pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Khi chủ động rà soát và đánh giá rủi ro, các Phòng ban có thể kịp thời phát hiện những vấn đề tiềm ẩn, từ đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa hoặc khắc phục phù hợp. Bộ phận QTRR đóng vai trò phản biện và tổng hợp thông tin từ các Phòng ban, xây dựng hồ sơ rủi ro của toàn Công ty. Quá trình nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro một cách chủ động giúp BVSC quản trị rủi ro một cách hiệu quả hơn và nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống rủi ro.

Rà soát và cập nhật Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro

BVSC thực hiện xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro hàng năm đảm bảo phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và điều kiện thị trường. Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro là cơ sở để bộ phận QTRR và các phòng nghiệp vụ quản lý, theo dõi và giám sát các rủi ro phát sinh, đảm bảo cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả.

Tăng cường giám sát đối với giao dịch của khách hàng

Thực hiện theo định hướng chung của Cơ quan quản lý Nhà nước về việc nâng cao vai trò giám sát của các công ty chứng khoán đối với giao dịch của khách hàng để tăng cường tính minh bạch của thị trường, BVSC đã nghiên cứu và xây dựng các hệ thống giám sát định kỳ để phòng ngừa và phát hiện sớm các giao dịch của khách hàng tiềm ẩn rủi ro đối với BVSC (rủi ro tài chính, rủi ro danh tiếng). Các giao dịch có dấu hiệu nghi vấn được Bộ phận QTRR phối hợp với các Phòng ban liên quan để làm rõ và có những cảnh báo kịp thời.

BVSC không xảy ra sự kiện rủi ro trọng yếu trong năm 2024

Năm 2024, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động, hoạt động quản trị rủi ro của BVSC vẫn được thực hiện một cách hiệu quả với kết quả cụ thể như sau:

- Hệ thống CNTT được vận hành thông suốt, không có sự cố về an ninh bảo mật hay sự cố gây gián đoạn hệ thống kéo dài. An ninh, an toàn của hệ thống được nâng cấp, giúp việc ngăn chặn các cuộc tấn công mạng, bảo vệ dữ liệu khách hàng và thông tin nội bộ được thực hiện hiệu quả hơn.
- Diễn biến thị trường của các mã chứng khoán được cho vay ký quỹ, tình trạng tài khoản khách hàng được theo dõi chặt chẽ, từ đó, công tác gọi bổ sung và xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện đầy đủ và kịp thời.
- Rủi ro thanh khoản của Công ty được giám sát chặt chẽ, đảm bảo không để xảy ra sự kiện rủi ro về thanh khoản. Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. Văn hóa quản trị rủi ro tiếp tục được duy trì và phát huy, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.
- Các sản phẩm và dịch vụ mới triển khai như giao dịch Non Pre-Funding cho khách hàng tổ chức nước ngoài, thay đổi CCCD trực tuyến, sản phẩm margin T+5 được triển khai thông suốt, hiệu quả, không phát sinh rủi ro trong quá trình vận hành, đem tới cho khách hàng dịch vụ với chất lượng cao.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2025

Năm 2025, dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ phải đối mặt với những thách thức như chiến tranh thương mại, bất ổn địa chính trị trên thế giới, diễn biến tỷ giá, lạm phát... Đồng thời, sự thay đổi của môi trường pháp lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán cũng sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVSC. Theo đó, công tác quản trị rủi ro cần tiếp tục được chú trọng thực hiện trên cơ sở một số định hướng như sau:



Tiếp tục triển khai và nâng cấp các giải pháp an toàn bảo mật đối với hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến nói riêng và hệ thống công nghệ thông tin nói chung tại BVSC, trong đó chú trọng cập nhật và hoàn thiện các quy trình công việc liên quan đến hệ thống CNTT; xây dựng các phương án ứng phó khi gặp sự cố an ninh mạng; tăng cường đào tạo về an toàn thông tin cho toàn bộ cán bộ Công ty.



Thực hiện rà soát, sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với các quy định mới của pháp luật về chứng khoán liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Triển khai đào tạo, phổ biến cho các Phòng ban về các quy định mới của pháp luật, các quy trình, sản phẩm, dịch vụ mới do Công ty ban hành để nâng cao tính tuân thủ, nhận thức về rủi ro pháp lý cũng như góp phần củng cố văn hóa quản trị rủi ro của Công ty.



Theo dõi và quản lý thường xuyên, liên tục các loại rủi ro để đưa ra nhận định, đánh giá về xu hướng rủi ro và kịp thời có những biện pháp quản trị rủi ro cũng như có những điều chỉnh trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh có thể phát sinh những cú sốc từ bên trong cũng như bên ngoài.



Tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ mới ngay từ khâu xây dựng, phát triển sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ được triển khai và vận hành trên nền tảng số, để đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Chuẩn hóa quy trình và tổ chức đào tạo nghiệp vụ khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới để giảm thiểu các rủi ro, sai sót phát sinh trong quá trình vận hành.



Cập nhật và mở rộng các chương trình đào tạo về quy trình, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho đối tượng nhân sự mới tuyển dụng tại các chương trình Next Gen để nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân sự mới tuyển dụng của BVSC, phát triển văn hóa tuân thủ và quản trị rủi ro trong Công ty.



Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2025. Thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị của Ủy ban QTRR & ALCO và Hội đồng Quản trị.

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2024 TẠI BVSC

- 1

Năm 2024, BVSC tiếp tục chủ động nâng cao tính minh bạch và nâng cao chất lượng quản trị công ty nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty và mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông. Do đó việc thực hiện các quy định về quản trị công ty luôn được BVSC chú trọng thực hiện nghiêm túc và đầy đủ, cụ thể như sau: Tuân thủ nghiêm túc quy định trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 (Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 280 và Điều 290 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP.
- 2

Trong năm có sự thay đổi về HĐQT theo đó 01 Thành viên độc lập HĐQT và 01 Thành viên không điều hành xin từ nhiệm, tuy nhiên BVSC đã kịp thời tìm kiếm các ứng viên có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính để đề xuất ĐHĐCĐ thường niên 2025 bầu bổ sung thay thế 02 Thành viên HĐQT xin từ nhiệm. Qua đó đảm bảo cơ cấu HĐQT luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành (cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Khoản 2, Điều 276 của Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP); có 01 Thành viên là thành viên độc lập HĐQT. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Các thành viên không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty.
- 3

Ban Kiểm soát gồm 01 Trưởng Ban Kiểm soát và 02 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh quản lý hay kiêm nhiệm các công việc khác tại BVSC.
- 4

Để hỗ trợ cho HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích, từ năm 2020 HĐQT thành lập 03 Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban QTCT, BN&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán.
- 5

BVSC thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng; cũng như tuân thủ tốt quy định về lập Báo cáo thường niên đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
- 6

Trong năm, Công ty thực hiện thanh toán cổ tức bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 08% mệnh giá cổ phần đảm bảo tuân thủ thời hạn và trình tự thanh toán cổ tức theo quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty niêm yết (cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024).



- 7

Các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật. Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; công khai các lợi ích liên quan; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 8

Việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các cổ đông nội bộ, hoặc với các bên liên quan đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Công ty.

Năm 2024, Công ty được vinh danh các giải thưởng về quản trị công ty từ các cơ quan quản lý và tổ chức uy tín. Tiêu biểu là Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2023 -2024 tại “Hội nghị doanh nghiệp thường niên 2024” do HNX tổ chức; Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị Công ty Việt Nam - VNCG50 tại Diễn đàn thường niên lần thứ 7 do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức...



THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Tiếp theo)

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN PHẢI TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO VIỆC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI BVSC

Là công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết, BVSC luôn kiên định nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả dựa trên bốn trụ cột là công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và minh bạch. Để hệ thống quản trị công ty từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, BVSC luôn tự đánh giá và đặt mục tiêu cải thiện các yếu tố quản trị công ty như sau:

- 1

Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 68/2024/TT-BTC, Thông tư 116/2020/TT-BTC, về quản trị công ty đại chúng, Quy chế công bố thông tin của Công ty và các chuẩn mực tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và Nguyên tắc 8 tăng cường hoạt động công bố thông tin của Công ty quy định tại Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam.
- 2

Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ trong khung quản trị nội bộ của Công ty với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.
- 3

Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty, cụ thể: Quy định về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu; Quy định yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.

*** ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP THEO QUY CHẾ CAMEL

Khi thực hiện phân tích góc độ quản trị, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố: Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán).

Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2024, BVSC đạt tổng điểm về quản trị là 91,7/100 điểm, tăng điểm so với năm 2023 với sự cải thiện đến từ yếu tố tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt.

(Tham khảo Phụ lục 1 – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL tại trang 206 của Báo cáo này).

*** ĐÁNH GIÁ THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN VÀ THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI VIỆT NAM DO UBCKNN PHỐI HỢP VỚI IFC BAN HÀNH THÁNG 08/2019

Tại BVSC, quản trị doanh nghiệp luôn được xác định là một trong những trụ cột then chốt đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài của Công ty. Đây cũng là yếu tố nền tảng tạo dựng niềm tin, đồng thời bảo vệ tối ưu quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan. Với tầm nhìn đó, BVSC không chỉ tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành mà còn không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là các thông lệ tốt trong khu vực như “Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN” và “Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp cùng Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) công bố vào tháng 8 năm 2019.

Từ năm 2016, với mục tiêu tiệm cận các chuẩn mực quản trị tiên tiến trong khu vực, BVSC đã chủ động thực hiện tự đánh giá hệ thống quản trị nội bộ theo các tiêu chí của Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN. Kết quả cho thấy, BVSC đạt được mức độ tuân thủ cao tại 5 nhóm tiêu chí trọng yếu, bao gồm: Quyền của cổ đông (đạt 19/21 tiêu chí cấp độ 1), Đối xử bình đẳng với cổ đông (15/15), Vai trò của các bên liên quan (11/13), Công bố thông tin minh bạch (31/32) và Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị (58/65). Đồng thời, khi đối chiếu với Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, hệ thống quản trị của BVSC cũng ghi nhận các kết quả tích cực, thể hiện qua việc hoàn thành toàn bộ 22/22 tiêu chí thuộc 6 nguyên tắc về trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, đạt 6/6 tiêu chí của Nguyên tắc 7 về môi trường kiểm soát, 4/4 tiêu chí của Nguyên tắc 8 về công bố thông tin minh bạch, 5/5 tiêu chí của Nguyên tắc 9 liên quan đến quyền của cổ đông và 2/2 tiêu chí của Nguyên tắc 10 về quan hệ với các bên liên quan.

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, từ năm 2020 BVSC đã triển khai thành lập ba Ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT theo hướng dẫn và khuyến nghị của Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, qua đó từng bước tiệm cận các tiêu chuẩn cao của Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN. Cụ thể các Ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban QTCT, BN&TL (tiêu chí E 2.8 và E 2.13 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean); Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E 2.18 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean); đồng thời thực hiện bầu 01 Thành viên độc lập là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E 2.20 và 2.22 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean)...

Bên cạnh việc nâng cao năng lực giám sát và điều hành, BVSC đặc biệt chú trọng đến việc bảo đảm quyền lợi và sự công bằng cho tất cả cổ đông, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. Từ năm 2021, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, bổ sung các quy định mới cho phép tổ chức Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến. Theo đó, cổ đông có thể tham gia biểu quyết thông qua các phương thức điện tử như bỏ phiếu trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết qua thư, fax hoặc email. Việc này được thực hiện phù hợp với khuyến nghị tại tiêu chí 9.2 của Nguyên tắc 9 trong Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, cũng như tiêu chí A.3.9 của Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN.



Chia sẻ GIÁ TRỊ LÀ TOẢ YÊU THƯƠNG

Chương V: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TIÊU CHUẨN GRI

Bảo Việt Securities hướng tới sự phát triển bền vững bằng việc chia sẻ lợi ích hài hòa giữa doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và cộng đồng, đồng thời đóng góp tích cực cho xã hội, bảo vệ môi trường và tạo ra giá trị lâu dài cho các bên liên quan.



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, KHÁCH HÀNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC,

Năm 2024 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển của BVSC, khi Công ty tròn 25 năm hình thành và phát triển. Đây là dịp ý nghĩa để chúng tôi nhìn lại chặng đường đã qua, những thành tựu đã đạt được trong mục tiêu phát triển bền vững đặt ra. Trong năm, môi trường kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro và biến động khó lường, các vấn đề nổi bật như an ninh mạng, tác động từ thiên tai, bão lũ do biến đổi khí hậu, cùng với những yêu cầu đặt ra ngày càng cao về tính minh bạch và quản trị rủi ro trong tiến trình nâng hạng thị trường... tiếp tục là những thách thức đối với BVSC khi thực thi chiến lược phát triển bền vững.

Năm 2024, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, với lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt 25% so với kế hoạch và tăng 29% so với cùng kỳ. Bên cạnh duy trì tăng trưởng hiệu quả kinh tế, BVSC đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng giá trị phục vụ, trong đó đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, ứng dụng AI vào phát triển sản phẩm - dịch vụ, đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ và bảo mật thông tin. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro mà còn thể hiện cam kết vững chắc trong việc bảo vệ quyền lợi khách hàng và thúc đẩy sự minh bạch của thị trường. Bên cạnh đó, các sáng kiến vận dụng trong nội bộ công ty như phát động tham gia Tết trồng cây cùng Tập đoàn Bảo Việt, phong trào 5S, tiết kiệm điện năng... tuy là các hành động nhỏ nhưng có sức lan tỏa sâu sắc trong nhận thức của mỗi cán bộ nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường.

Song song, các chương trình an sinh xã hội của BVSC tiếp tục được mở rộng về quy mô và đối tượng, tập trung vào các mô hình hỗ trợ bền vững bao gồm: tập trung xây dựng nhà ở theo chủ trương “Xóa nhà tạm, nhà dột nát” của Chính phủ, xây dựng trường học, cột điện năng lượng mặt trời, các công trình thiết yếu, hỗ trợ chi phí sinh hoạt dài hạn, giúp ổn định đời sống cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Các chương trình an sinh xã hội của BVSC tiếp tục được mở rộng về quy mô và đối tượng, tập trung vào các mô hình hỗ trợ bền vững bao gồm: tập trung xây dựng nhà ở theo chủ trương “Xóa nhà tạm, nhà dột nát” của Chính phủ, xây dựng trường học, cột điện năng lượng mặt trời, các công trình thiết yếu, hỗ trợ chi phí sinh hoạt dài hạn, giúp ổn định đời sống cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Trân trọng./.
Tổng Giám đốc - Nhữ Đình Hòa

Bằng sự tử tế trong hành động, kiên định trong mục tiêu và đổi mới trong tư duy & phương pháp, với những kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích lâu dài, duy trì mối quan hệ với các bên liên quan dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức kinh doanh là con đường phát triển bền vững BVSC sẽ tiếp tục theo đuổi trong hành trình phát triển tiếp theo của Công ty.



GẮN KẾT MỤC TIÊU TOÀN CẦU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGS) VÀ GRI STANDARDS TRONG QUẢN TRỊ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs), còn được gọi là Mục tiêu toàn cầu, là mục tiêu phổ quát được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên hiệp quốc (LHQ). 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) dựa trên sáu chủ đề bao gồm: nhân phẩm, con người, hành tinh, quan hệ đối tác, công lý và thịnh vượng.

-
- QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÌ CÁC MỤC TIÊU



Nguồn: <https://vietnam.un.org/vi/sdgs>

BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trên cơ sở đối chiếu các chỉ tiêu GRI Standards với các Mục tiêu Phát triển bền vững toàn cầu (SDGs), BVSC đã tiến hành xác định các vấn đề trọng yếu, đồng thời xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động dựa trên quá trình đánh giá, phân tích chiến lược phát triển chung của công ty. Từ đó, tiến hành lựa chọn các mục tiêu đưa vào định hướng hành động nhằm đảm bảo phát triển bền vững là một trong những chiến lược cốt lõi của doanh nghiệp, cụ thể:

KINH TẾ

SDGs

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
Hiệu quả hoạt động kinh tế	Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định gắn liền với lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.	- Công ty giữ vững ổn định tăng trưởng hiệu quả kinh tế tạo ra: - Tổng doanh thu và thu nhập khác 2024: 993,4 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2023 - Lợi nhuận thực hiện năm 2024: 206,4 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2023 Trong năm 2024, Công ty cũng tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm mang lại nhiều giá trị sử dụng cho khách hàng, đồng thời cũng chú trọng xây dựng các chính sách phúc lợi, chế độ lương dành cho người lao động tạo ra môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc. - Mức chi trả cổ tức ổn định (8-10%) tạo ra giá trị cho cổ đông. - Quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ quốc tế tốt nhất. - Đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cổ đông thông qua việc công bố thông tin đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

MÔI TRƯỜNG

SDGs

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
Năng lượng	Hoạt động công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường. - Sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm trong quá trình hoạt động thường ngày. - Phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm hiệu quả, chống lãng phí. - Thực hiện mua sắm, nâng cấp thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng hiệu quả, chống lãng phí.	- Tỷ lệ lượng giấy sử dụng trên doanh thu giảm gần 10% so với năm trước. - Không ghi nhận trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường. - Ban hành chính sách 5S giúp nâng cao ý thức của cán bộ trong việc giữ gìn vệ sinh khu vực văn phòng, bảo vệ môi trường,...
Phát thải	Kiểm soát tối đa lượng khí thải ra ngoài Môi trường.	- BVSC luôn trang bị, sử dụng những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. - Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp đúng lịch trình các thiết bị theo hướng dẫn của nhà cung cấp, để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng. - Luôn khuyến khích các CBNV sử dụng các phương tiện công cộng để di chuyển, nhằm giảm tải lượng khí CO₂ ra ngoài môi trường. - Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp theo)

XÃ HỘI

SDGs

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG GRI 413 Cộng đồng địa phương	- Tổ chức các chương trình từ thiện đến các địa bàn, các hộ gia đình nghèo, gặp khó khăn, hoặc các tỉnh gặp thiên tai, bão lũ... - Thực hiện quyên góp các nhu yếu phẩm cần thiết đến các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách trên toàn quốc.	Năm 2024, BVSC đã thực hiện nhiều chương trình dành cho cộng đồng gồm trao tặng quà, nhu yếu phẩm, xây dựng cơ sở vật chất cho trường học, hộ gia đình khó khăn, chương trình Thắp sáng vùng biên, đền ơn đáp nghĩa, chung tay kêu gọi ủng hộ đồng bào vùng thiên tai lũ lụt. Tổng ngân sách chi hơn 1 tỷ đồng.
VIỆC LÀM GRI 401 Việc làm	Mở rộng cơ hội việc làm cho người lao động, xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận trẻ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.	- Tỷ lệ tuyển dụng mới trong năm: 13,89%. - Thu nhập bình quân của người lao động: 33,9 triệu đồng/người/tháng. 100% cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành.

Chỉ số GRI	Mục tiêu hành động	Thành tựu đạt được
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Cải thiện môi trường làm việc tốt, an toàn; sức khỏe của người lao động được bảo vệ và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra liên quan đến sức khỏe.	100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. - Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động: - Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: 2,27 tỷ đồng. - Bảo hiểm các bệnh ung thư: 301 triệu đồng. - Bảo hiểm nhân thọ: 2,94 tỷ đồng. - Tổ chức triển khai bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động. - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. - Cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm mới các thiết bị công cụ dụng cụ nhằm cải thiện chất lượng môi trường làm việc.
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404 Giáo dục và đào tạo	Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn và kỹ năng tốt, có khả năng thích nghi với sự thay đổi.	- Tổng số giờ đào tạo: 14.688 giờ. - Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo: 261 lượt. - Tổng chi phí đào tạo: 1,4 tỷ đồng.
SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405 Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng	Xây dựng môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng, người lao động được tôn trọng, được phát huy tối đa năng lực của bản thân.	- Không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số trong tất cả các chính sách nhân sự của Công ty. - Lao động nữ chiếm 51% trên tổng số nhân sự. 49% lãnh đạo quản lý là nữ. - Dân tộc thiểu số: 05 người.



BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Tiếp theo)

HỒ SƠ TỔ CHỨC

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG

GRI 102

102-1

Tên tổ chức

Tên tổ chức báo cáo:
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

102-2

Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ

Mô tả hoạt động của tổ chức: Chi tiết xem tại Chương I – Giới thiệu chung.

102-3

Địa điểm của trụ sở chính

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Việt số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

102-4

Các địa điểm hoạt động

Tổng số quốc gia: 01.
Các nước có hoạt động đáng kể: Việt Nam.

102-5

Quyền sở hữu và hình thức pháp lý

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt có cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).
Giấy phép hoạt động kinh doanh số: 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999.

102-6

Các thị trường phục vụ

Vị trí địa lý nơi các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp: Công ty cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính cho tất cả các khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ trên toàn cầu.
Các ngành phục vụ: Kinh doanh chứng khoán.
Các loại hình khách hàng và người thụ hưởng: Khách hàng trực tiếp.



102-8

Thông tin về nhân viên và người lao động khác

	Lâu dài	Tạm thời
Nam giới	129	224
Nữ giới	163	203
Toàn bộ	292	427
Tên khu vực	Lâu dài	Tạm thời
Hà Nội	163	290
TP. Hồ Chí Minh	129	137
Toàn bộ	292	427

102-13

Quyền hội viên trong các hiệp hội

BVSC là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán; Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính và Hiệp hội kinh doanh trái phiếu.



QUẢN TRỊ

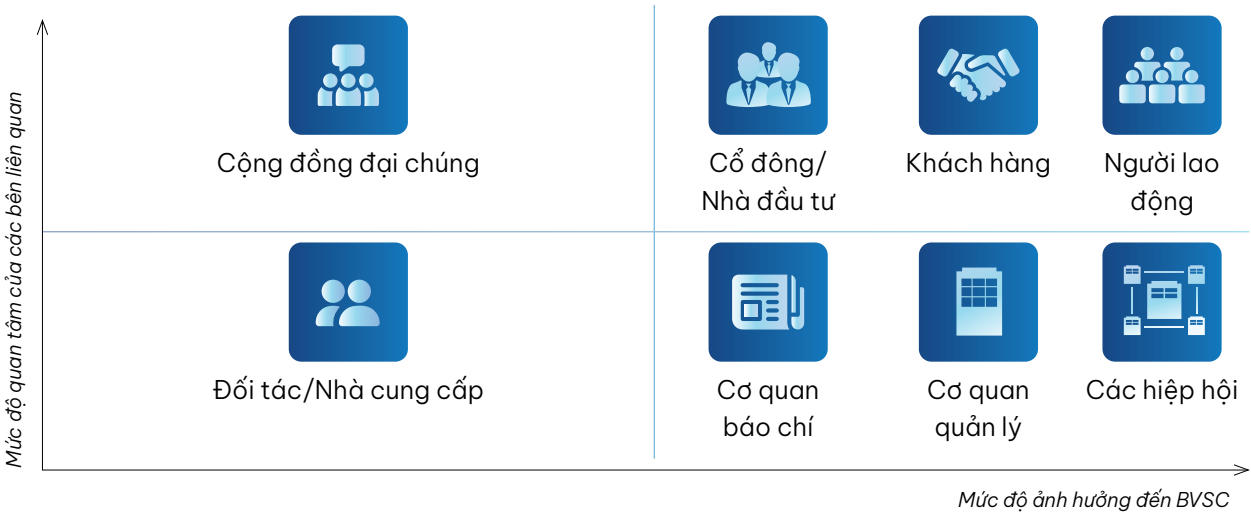
102-18

Cơ cấu quản trị

Chi tiết xem tại Chương IV – Quản trị Công ty.

102-40

Danh sách các nhóm liên quan và mức độ ảnh hưởng tới BVSC



102-41

Thỏa ước thương lượng tập thể

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể: 100%.

102-42

Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan

BVSC xác định các bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của BVSC đến họ hoặc những cá nhân/tổ chức có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của BVSC. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Công ty không chỉ lắng nghe mà còn xây dựng đối thoại hai chiều, qua đó các ý kiến đóng góp được coi trọng, định hình những quyết sách quan trọng, đặc biệt là các vấn đề về quản trị công ty, phát triển nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường. Chính qua những tương tác trọng yếu này, đã giúp BVSC không chỉ có được những sáng kiến tối ưu cho doanh nghiệp mà còn đảm bảo rằng mọi hành động đều hướng đến lợi ích chung, mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội.

102-43

Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan

Công ty nhận diện các bên liên quan và thực hiện phương pháp tiếp cận để biết các vấn đề được các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/gặp gỡ
 Cổ đông/Nhà đầu tư	- Đại hội cổ đông. - Bộ phận quan hệ cổ đông (email/hotline). - Bản tin nhà đầu tư. - Gặp gỡ trực tiếp/trực tuyến nhà đầu tư. - Sàn giao dịch và các xuất bản báo chí. - Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư. - Website, Fanpage, Zalo công ty
 Khách hàng	- Đội ngũ nhân viên môi giới/tư vấn. - Tiếp xúc trực tiếp/trực tuyến từ sàn giao dịch. - Hội nghị tri ân khách hàng. - Trung tâm chăm sóc khách hàng số. - Hội thảo phân tích và khuyến nghị đầu tư. - Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại, mạng xã hội).
 Cơ quan quản lý	- Thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý. - Thông qua hội nghị, Hội thảo, đào tạo do các cơ quan quản lý tổ chức. - Tiếp xúc trực tiếp/trực tuyến. - Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại).
 Các hiệp hội	- Sinh hoạt thường kỳ. - Thông qua các hội thảo, diễn đàn, sự kiện. - Thông qua các thảo luận, đóng góp ý kiến trong các chương trình sinh hoạt định kỳ.
 Cơ quan báo chí	- Tổ chức họp báo (trực tiếp/trực tuyến). - Các chương trình gặp mặt phóng viên báo chí thường niên. - Tiếp xúc trực tiếp qua phòng văn/giao lưu kết nối.
 Người lao động	- Đối thoại định kỳ/đối thoại theo yêu cầu tại nơi làm việc và Hội nghị người lao động định kỳ hàng năm. - Các hội nghị sơ kết/tổng kết. - Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp. - Thông qua vai trò của Công đoàn và Bộ phận nhân sự. - Chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp. - Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ. - Thông qua kênh truyền thông nội bộ Workplace, Email, Fanpage, Zalo.
 Cộng đồng	- Thông qua chính quyền địa phương/cơ quan sở tại. - Các ấn phẩm, sản phẩm mới ra mắt của Công ty. - Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội (Website, Fanpage, Zalo...)



QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

102-44 Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên

Nhóm/bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
 Cổ đông/Nhà đầu tư	- Hiệu quả hoạt động của công ty. - Minh bạch thông tin. - Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng. - Chính sách chi trả cổ tức.	- Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua. - Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư. - Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR. - Duy trì chính sách chi trả cổ tức đều đặn. - Đẩy mạnh đa dạng các kênh kết nối với các Nhà đầu tư tiềm năng.
 Cơ quan quản lý	- Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước. - Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam. - Tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Ban hành được đề ra bởi các cơ quan chức năng.	- Tuân thủ tốt các quy định pháp luật. - Đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước. - Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường. - Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch. - Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng hạn.
 Các hiệp hội	- Trở thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động của hiệp hội. - Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội.	- Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội Các Nhà đầu tư Tài chính Việt Nam. - Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính theo quy định của Hiệp hội.
 Khách hàng	- Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. - Địa điểm giao dịch thuận lợi. - Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật. - Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm. - Sản phẩm đa dạng đáp ứng nhu cầu nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.	- Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. - Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt. - Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch. - Đầu tư xây dựng nâng cấp toàn diện nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise và cho ra mắt App BVSC Invest thay thế ứng dụng cũ với nhiều tiện ích đi kèm, dịch vụ non-prefunding. - Triển khai các chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân xuyên suốt năm và hướng tới kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty, các chương trình CSKH trong hệ sinh thái Bảo Việt hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập Tập đoàn, nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng. - Thực hiện các chuỗi webinar tư vấn đầu tư trực tiếp tới khách hàng mang tên “Thứ 4 Pit-stop”. - Tăng cường CSKH trên nền tảng số thông qua vai trò của trung tâm CSKH. - Đầu tư nhiều nguồn lực đảm bảo an ninh thông tin, đảm bảo an toàn cho hệ thống và thông tin khách hàng.
 Cơ quan báo chí	- Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi. - Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường.	- Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí. - Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm. - Cung cấp các phân tích, đánh giá, xu hướng thị trường để giúp báo chí có những thông tin giá trị, khách quan. - Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng.



QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

102-44 Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên (Tiếp theo)

Nhóm/bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
 Người lao động	- Đảm bảo việc làm, ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự. - Chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt, an toàn vệ sinh lao động. - Cơ hội được đào tạo, phát triển bản thân. - Tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng, những đóng góp thành tích được ghi nhận. - Thu nhập ổn định và có tính cạnh tranh. - Môi trường làm việc công bằng và chuyên nghiệp.	- Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. - Triển khai chương trình tuyển dụng, đào tạo bài bản các học viên nhằm tạo nguồn cung nhân lực chủ động và kiểm soát được chất lượng nhân sự. - Kinh doanh hiệu quả đảm bảo chi trả thu nhập ổn định cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống vật chất của người lao động. - Xây dựng các chính sách lương thưởng cạnh tranh, phù hợp với xu hướng thị trường và đảm bảo công bằng, gắn với hiệu quả làm việc. - Chế độ phúc lợi được đảm bảo, trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước. - Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng vị trí nghiệp vụ. - Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để Công đoàn, Đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở. - Các chính sách liên quan đến người lao động hướng tới mục tiêu công bằng trong nội bộ và có tính cạnh tranh với bên ngoài. - Xây dựng môi trường làm việc chuẩn 5S.
 Cộng đồng đại chúng	- Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo. - Đầu tư cho giáo dục, thể hệ tương lai. - Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả. - Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. - Các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn cần được động viên và chia sẻ.	- Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo. - Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa. - Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. - Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường. - Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước.
 Đối tác/Nhà cung cấp	- Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng. - Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán.	- Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp. - Hợp đồng được Phòng pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết. - Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp. - Thường xuyên đánh giá lại khả năng của Đối tác trong việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu của Công ty, ưu tiên lựa chọn các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường.



THÔNG LỆ BÁO CÁO

102-45 Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
Tất cả các đơn vị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đều được đề cập trong Báo cáo tài chính của công ty và Báo cáo phát triển bền vững này.

102-46 Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề

Công ty xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề của Báo cáo sau khi được Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đào tạo về việc lập báo cáo theo chuẩn GRI phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ liên quan trong công ty.

Báo cáo Phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo:

- Bối cảnh phát triển bền vững:**
Năm 2024, phát triển bền vững trở thành ưu tiên hàng đầu khi các chính phủ và doanh nghiệp phải đáp ứng các quy định ESG ngày càng chặt chẽ. Xu hướng Net Zero và cắt giảm phát thải được đẩy mạnh, đặc biệt với cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU tác động lớn đến doanh nghiệp xuất khẩu. Tài chính xanh và quỹ đầu tư ESG bùng nổ, tạo áp lực cho doanh nghiệp phải minh bạch thông tin và tích hợp các tiêu chí bền vững vào chiến lược. Công nghệ số như AI, blockchain giúp tối ưu hóa quản trị ESG, nhưng chi phí đầu tư vẫn là thách thức. Tại Việt Nam, chính phủ siết chặt quy định về ESG, các ngân hàng ưu tiên tài trợ cho doanh nghiệp bền vững, và ngành năng lượng tái tạo phát triển mạnh. Phát triển bền vững không còn là lựa chọn mà là điều kiện bắt buộc để doanh nghiệp tồn tại và cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế toàn cầu.
Tại BVSC, bằng sự cam kết mạnh mẽ, bền bỉ và kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững trong nhiều năm qua, Công ty không ngừng nỗ lực duy trì tăng trưởng ổn định, vừa phát triển doanh nghiệp vừa đóng góp cho an sinh xã hội và đồng thời cùng chung tay với các đối tác, khách hàng, cộng đồng... kiến dựng một xã hội phát triển bền vững.
 - Tính trọng yếu:** Để xác định nội dung báo cáo, Công ty tuân thủ nguyên tắc về tính trọng yếu. Từ đó, Công ty lập ma trận để xác định các bên liên quan trọng yếu chịu tác động trực tiếp (tác động tích cực hoặc tiêu cực) từ các hoạt động của Công ty; và xác định các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm để trình bày trong báo cáo.
 - Tính đầy đủ:** Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng.
- Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo:
- Tính chính xác:** Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
 - Tính cân đối:** Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có).
 - Tính rõ ràng:** Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
 - Khả năng so sánh:** Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
 - Tính kịp thời:** Báo cáo được lập vào tháng 3/2025 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

102-48 Trình bày lại thông tin

Không có

102- 50 Kỳ báo cáo

Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 1/1/2024 đến 31/12/2024.

102- 51 Ngày của báo cáo gần nhất

Ngày báo cáo gần nhất: ngày 17/04/2024.
Ngày phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên.

102- 52 Chu kỳ báo cáo

Thường niên

102- 53 Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo

Họ và tên: **Bùi Thị Mai Hiền**
E-mail: hienbtm@bvsc.com.vn
Chức vụ: Thư ký công ty
Điện thoại: 0243 928 8080 - 600



102- 54 Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI

Báo cáo này đã được thực hiện theo Tiêu chuẩn GRI: Core Option (Lựa chọn báo cáo các vấn đề cốt lõi)

102-55 Mục lục GRI

Thông tin tham khảo

Báo cáo này công bố các thông tin liên quan đến GRI 102: Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016, GRI 103: Phương pháp Quản trị 2016, GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016, GRI 302: Năng lượng 2016, GRI 305: Phát thải 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016, GRI 413: Cộng đồng địa phương.

Phần đã loại trừ: Không có



THÔNG LỆ BÁO CÁO (Tiếp theo)

Công bố thông tin theo tiêu chuẩn Chung 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI 102	Chiến lược Trang số: 142	Hồ sơ tổ chức Trang số: 148	Sự tham gia của các bên liên quan Trang số: 151
	Quản trị Trang số: 150	Nhóm tiêu chuẩn từng chủ đề Trang số: 152	Thông lệ báo cáo Trang số: 156



KINH TẾ

KINH TẾ GRI 200	PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ GRI 103	Phương pháp Quản trị Trang số: 160	HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GRI 201	Hiệu quả hoạt động kinh tế Trang số: 162
---------------------------------------	--	--	--	--



MÔI TRƯỜNG

MÔI TRƯỜNG GRI 300	PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ GRI 103	Phương pháp Quản trị Trang số: 164	NĂNG LƯỢNG GRI 302	Năng lượng Trang số: 167
			PHÁT THẢI GRI 305	Phát thải Trang số: 168



XÃ HỘI

XÃ HỘI GRI 400	PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ GRI 103	Phương pháp Quản trị Trang số: 170	VIỆC LÀM GRI 401	Việc làm Trang số: 177
	PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ GRI 103	Phương pháp Quản trị Trang số: 180	AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP GRI 403	An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Trang số: 186
	PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ GRI 103	Phương pháp Quản trị Trang số: 187	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GRI 404	Giáo dục và Đào tạo Trang số: 191
	PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ GRI 103	Phương pháp Quản trị Trang số: 193	SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG GRI 405	Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng Trang số: 196
	PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ GRI 103	Phương pháp Quản trị Trang số: 198	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG GRI 413	Cộng đồng địa phương Trang số: 200



KINH TẾ



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

Nơi phát sinh tác động

BVSC xác định hiệu quả kinh tế thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản. Việc đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm chính là điều kiện để BVSC tiếp tục phát triển và triển khai các hoạt động của mình đối với các bên liên quan.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Công ty liên quan trực tiếp đến các tác động vì sự tăng trưởng lợi nhuận của công ty mang lại lợi ích và đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông/nhà đầu tư, gia tăng dịch vụ và lợi ích cho khách hàng, gia tăng chế độ lương và phúc lợi cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề.

103-2

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

BVSC quản trị các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế dựa trên các chỉ tiêu tài chính & phi tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính: Tổng tài sản, tỉ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...

Các chỉ tiêu phi tài chính: thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...

Đảm bảo công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Cam kết

Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

Chính sách hiệu quả kinh tế.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Kế hoạch hiệu quả kinh tế trong năm 2024:

Tổng doanh thu: 877 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 165 tỷ đồng

Trách nhiệm

Người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế của Công ty là Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Nguồn lực

Công ty có nguồn lực thực hiện phát triển kinh doanh trực tiếp là các bộ phận kinh doanh như: Khối Môi giới, Khối Tư vấn, Khối Đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn lực hỗ trợ kinh doanh để thực hiện các công việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho công ty là các phòng ban liên quan khác.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Công ty đẩy mạnh chuyển đổi số trên nhiều lĩnh vực, từ nâng cấp sản phẩm, dịch vụ khách hàng đến tối ưu hóa quy trình kinh doanh và

quản lý. Nổi bật là việc ra mắt ứng dụng “BVSC Invest” thay thế “BVSC Mobile”, với giao diện hiện đại, bảo mật đa tầng và nhiều tính năng cải tiến, nâng cao trải nghiệm người dùng. Công ty cũng triển khai cổng đặt lệnh cho khách hàng quốc tế, ứng dụng ibroker hỗ trợ môi giới trong việc chăm sóc khách hàng, cùng nhiều hệ thống quản lý nội bộ được số hóa. Bên cạnh đó, công ty đang từng bước tích hợp AI vào hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành.

Nhằm chủ động ứng phó với thực trạng các cuộc tấn công tin tặc đã xảy ra, trong năm 2024, công ty chú trọng nâng cao bảo mật hệ thống với các giải pháp như tường lửa chuyên dụng bảo vệ dữ liệu và máy chủ, hệ thống chống tấn công DDoS cho dịch vụ trực tuyến. Đặc biệt, công ty đã triển khai trung tâm giám sát an ninh mạng 24/7, phối hợp với Viettel để đảm bảo an toàn thông tin, phản ứng nhanh trước các sự cố bảo mật. Nhờ đó, hệ thống CNTT vận hành ổn định, dữ liệu khách hàng được bảo vệ chặt chẽ, hạn chế tối đa rủi ro từ các cuộc tấn công mạng.

(Chi tiết vui lòng xem tại Chương II. Mục 2 & 3 - Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

103-3

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Đánh giá hàng tháng/hàng quý đối với các chỉ tiêu đã đặt ra.

Các phòng/ban kinh doanh chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của mình và lập báo cáo để Ban Điều hành kiểm soát. Trong các cuộc họp giữa các phòng/ban kinh doanh với Ban Điều hành đều có sự tham gia của các bộ phận kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Thực hiện phương pháp quản trị đạt hiệu quả giúp công ty kiểm soát được các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

Không có điều chỉnh nào trong kỳ báo cáo.



KINH TẾ (Tiếp theo)

KINH TẾ

GRI 200

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

GRI 201

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (Tiếp theo)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ



Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra

993.406.383.360

VNĐ



Chi phí hoạt động vận hành

536.298.689.480

VNĐ



Lương và phúc lợi của nhân viên

313.664.160.294

VNĐ



Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn và cổ đông

192.686.996.166

VNĐ



Tổng số phải nộp cho chính phủ

210.382.129.482

VNĐ



Đầu tư cho cộng đồng

1.064.604.713

VNĐ



Giá trị kinh tế chưa phân phối: ‘Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra’ trừ đi ‘Giá trị kinh tế được phân bổ’

52.973.963.519

VNĐ

Mặc dù giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra năm 2024 chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ, tuy nhiên công ty luôn chú trọng đảm bảo tăng cường lợi ích phân bổ cho các bên liên quan, trong đó đặc biệt là người lao động, cộng đồng cũng như đảm bảo các khoản thanh toán cho nhà cung cấp và lợi ích của cổ đông thông qua thanh toán cổ tức bằng tiền đúng theo quy định cho nhà đầu tư.

Giải thích, bao gồm phân tích các khoản phải nộp cho chính phủ theo quốc gia (nếu có)

BVSC luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước. Năm 2024, BVSC vẫn duy trì mức nộp ngân sách nhà nước đạt hơn 210 tỷ đồng (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác).



201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có

Giá trị ước tính: 13.792.013.275 VNĐ

Bao gồm chi phí các loại bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm các bệnh ung thư.

Có quỹ riêng không? Không. Tuy nhiên, Công ty luôn tuân thủ việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật để đảm bảo các quyền lợi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và đặc biệt là quyền lợi hưu trí của người lao động. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty triển khai mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động (loại bảo hiểm không bắt buộc theo nghĩa vụ pháp lý) góp phần hỗ trợ người lao động tích lũy và đảm bảo an tâm tài chính khi nghỉ hưu. Cuối năm 2024, Công ty tổ chức triển khai để người lao động tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện với Quỹ Dragon Capital. Theo đó, người lao động có thể đăng ký tham gia đóng góp Quỹ hưu trí tự nguyện này để hưởng quyền lợi hưu trí khi nghỉ hưu.

Tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động và Công ty: Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động với tỷ lệ đóng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Người lao động đóng: 10,5%
- Người sử dụng lao động đóng: 21,5%

Việc triển khai và duy trì các chế độ phúc lợi bảo hiểm ưu việt trong những năm qua đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo Công ty dành cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn xảy ra cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu.



MÔI TRƯỜNG



NĂNG LƯỢNG - NƯỚC - ĐIỆN - VẬT LIỆU
PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp và đáng kể đến môi trường, tuy nhiên BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động của công ty, chú trọng thực hiện tiết kiệm điện, nước, giấy và các vật liệu văn phòng; khuyến khích cán bộ trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi làm việc cũng như có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

Nơi phát sinh tác động

Số năng lượng, nước, điện và vật liệu công ty sử dụng trong quá trình hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Việc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải sử dụng các năng lượng: điện, nước, giấy và có xả ra một lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường. Vì vậy đây là tác động trực tiếp từ doanh nghiệp.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Doanh nghiệp quản lý số năng lượng tiêu hao thông qua hóa đơn hàng tháng, trên hóa đơn có chỉ số năng lượng tiêu hao và số chi phí phải trả cho điện năng, nước, giấy tiêu thụ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thức việc doanh nghiệp quản trị để điều chỉnh và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Trách nhiệm

Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính - kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban Điều hành Công ty.

Nguồn lực

Bộ phận hành chính - kế hoạch

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Công ty phát động phong trào “Văn hóa 5S tại BVSC” trong nội bộ để tăng nhận thức giữ gìn vệ sinh nơi công sở. Phong trào 5S được triển khai sâu rộng tới các cán bộ nhằm mục tiêu tạo môi trường làm việc ngăn nắp, sạch sẽ, thông thoáng, đồng thời giảm thiểu các lãng phí thời gian tìm kiếm hồ sơ, tài liệu, lãng phí vật tư, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo sự thoải mái trong quá trình làm việc qua đó tăng năng suất lao động. Phong trào 5S không đơn thuần chỉ là tạo dựng môi trường làm việc ngăn nắp, thuận tiện, mà còn tập trung vào phát triển con người, giúp nâng cao tinh thần tự giác, trách nhiệm, tinh thần tập thể; khuyến khích sự hòa đồng, hỗ trợ lẫn nhau, để mọi người có trách nhiệm hơn với môi trường làm việc chung.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện đẩy mạnh phong trào “BVSC – Chung tay tiết kiệm” để từ những hành động nhỏ nhất, mỗi CBNV cùng nhau nâng cao ý thức tiết kiệm, giảm thiểu các chi phí không cần thiết cho Công ty.

⚡ Đối với Điện

BVSC tiến hành theo dõi và kiểm soát chặt chẽ việc tiêu thụ điện năng định kỳ hàng tháng. Nhiều biện pháp cụ thể đã được Công ty thường xuyên áp dụng để góp phần giảm tải việc sử dụng điện như:

- Tăng cường công tác truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của mỗi CBNV. Tắt đèn và các thiết bị dùng điện không cần thiết khi ra khỏi văn phòng hoặc khi không sử dụng.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, mua mới và nâng cấp các thiết bị có khả năng tiết kiệm điện cao trong quá trình sử dụng. Thường xuyên kiểm tra tình hình bố trí và sử dụng các trang thiết bị điện trong quá trình vận hành.
- Kiểm tra, lắp đặt hệ thống chiếu sáng chung một cách hợp lý, tận dụng ánh sáng và không khí mát tự nhiên. Tắt bớt các bóng đèn ở khu vực hành lang hoặc khu vực không có người sử dụng; đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...)
- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến/ý tưởng về tiết kiệm điện trong toàn thể cán bộ, nhân viên.
- Duy trì nhiệt độ của hệ thống điều hòa dao động từ 24°C-26°C đối với mùa hè và 20°C đối với mùa đông, cài đặt chế độ tự động tắt toàn bộ hệ thống điều hòa và chiếu sáng sau khi hết giờ làm việc hành chính.



MÔI TRƯỜNG (Tiếp theo)

MÔI TRƯỜNG

GRI 300

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

NĂNG LƯỢNG - NƯỚC - ĐIỆN - VẬT LIỆU (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Đối với Nước

- Tuyên truyền và tăng cường nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.
- Chủ động lắp đặt các bình uống nước chung tại phòng làm việc và phòng họp, khuyến khích các nhân viên sử dụng cốc cá nhân để uống nước giúp giảm thiểu chai nhựa.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước đối với cả nước vệ sinh; tái sử dụng nước sạch cho mục đích tưới cây, không sử dụng nước bồn cầu vào mục đích xả rác.

Đối với Giấy

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in, tái sử dụng các giấy 1 mặt cho các chương trình tái chế, kế hoạch nhỏ,...
- Sử dụng các phần mềm để lưu trữ văn bản, tiết kiệm lượng giấy in cũng như không gian để lưu trữ giấy.
- Triển khai ứng dụng mã QR để phân phối tài liệu trong các cuộc họp, góp phần giảm thiểu in ấn, tối ưu chi phí, nâng cao bảo mật và tăng tính linh hoạt trong tra cứu thông tin.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Bộ phận hành chính/kế hoạch của Công ty là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng. Việc đánh giá được diễn ra thường niên trong nội bộ doanh nghiệp và tổ chức các kỳ họp khi có những biến động lớn.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Việc thực hiện quản trị/đánh giá của bộ phận hành chính/kế hoạch vẫn được tiến hành dưới sự kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc công ty và thực hiện tốt, góp phần quản lý tốt việc tiêu thụ năng lượng của công ty.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Không có điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị.

NĂNG LƯỢNG

GRI 302

NĂNG LƯỢNG



102-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Điện Năng

Năm 2024, Tổng số điện năng mà Công ty sử dụng cho toàn Trụ sở, chi nhánh và 8 Phòng giao dịch là 503.144 kWh. Mặc dù tổng lượng điện tiêu thụ tăng so với cùng kỳ tuy nhiên mức tăng là do kể từ năm 2024 Công ty chuyển sang văn phòng trụ sở mới với chính sách giá thuê tách riêng không bao gồm chi phí sử dụng điện cho thiết bị chiếu sáng và điều hòa (những năm trước giá thuê văn phòng đã bao gồm điện cho thiết bị chiếu sáng và điều hòa, công ty chỉ phải chi trả tiền điện phát sinh khi làm thêm giờ hoặc một số hạng mục chung với tòa nhà). Ngoài ra tổng lượng tiêu thụ tăng còn do diện tích sử dụng tại văn phòng mới lớn hơn và các thiết bị sử dụng cho không gian sinh hoạt chung như: thang máy, biển hiệu quảng cáo ngoài trời, hệ thống bảo trì máy chủ... là các hạng mục phát sinh hoàn toàn mới so với những năm trước.

Trên thực tế, nếu loại trừ các yếu tố phát sinh nêu trên ảnh hưởng đến tổng số điện năng tiêu thụ chung toàn công ty mà chỉ xét chỉ tiêu tiêu hao trực tiếp điện năng bình quân/lao động thì mức tiêu hao vẫn giảm so với cùng kỳ do Công ty triển khai nhiều biện pháp kiểm soát chặt chẽ định kỳ hàng tháng.

Nước

Mặc dù công ty không trực tiếp chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong công ty.

Bộ phận hành chính thực hiện quy trình phối hợp với ban quản lý tòa nhà kiểm tra việc sử dụng nước thường xuyên để đảm bảo nước không bị rò rỉ, thông báo đến Kỹ thuật tòa nhà sửa chữa kịp thời đường ống và van nước. Đặc biệt, dán thông báo, truyền thông sử dụng tiết kiệm nước tại khu vực sử dụng nước chung.

Giấy

Các biện pháp tuyên truyền, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành đã trở nên rất có hiệu quả. Năm 2024, tổng lượng giấy tiêu thụ là 1.369gr giấy cho cả 2 miền, giảm so với năm 2023. Tỷ lệ lượng giấy đã tiêu thụ/doanh thu giảm gần 10% so với năm 2023. Các CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch đều đồng nhất tích cực chuyển đổi mô hình trao đổi công việc sang hình thức họp và trình chiếu trực tuyến giúp hạn chế tối đa lượng giấy và mực in; Sử dụng các phần mềm để lưu trữ văn bản, tiết kiệm lượng giấy in cũng như không gian để lưu trữ giấy. Ngoài ra, BVSC còn tích cực khuyến khích cán bộ tái sử dụng giấy 1 mặt cho những hoạt động tái chế, in ấn tài liệu không quan trọng, kế hoạch nhỏ,...

MÔI TRƯỜNG (Tiếp theo)

MÔI TRƯỜNG

GRI 300

PHÁT THẢI

GRI 305

NĂNG LƯỢNG - NƯỚC - ĐIỆN - VẬT LIỆU (Tiếp theo)

PHÁT THẢI

103-2

Phát thải

Khí nhà kính là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài (hồng ngoại) được phản xạ từ bề mặt Trái Đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho Trái Đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chủ yếu bao gồm: hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC... Theo đó, sự gia tăng tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch của con người đang làm cho nồng độ khí CO₂ của khí quyển tăng lên.

Phương pháp Quản trị: BVSC giảm thiểu tác động đối với môi trường thông qua truyền thông nâng cao nhận thức về việc giảm phát thải của nhân viên Công ty trên toàn hệ thống.

Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, BVSC không sản sinh nhiều lượng khí thải nhà kính cũng như gây ra các tác động đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện kiểm soát chặt chẽ lượng khí thải, chất thải, nước thải,... ra ngoài môi trường. Tăng cường quản lý, tuyên truyền các chính sách tiết kiệm đến cán bộ nhân viên.

Đối với phương tiện vận chuyển

- BVSC luôn trang bị những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, công ty luôn tiến hành thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Hàng năm, BVSC cũng thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng phương tiện trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ không đạt tiêu chuẩn.
- Công ty luôn khuyến khích, vận động các CBNV sử dụng phương tiện công cộng, giúp giảm thiểu lượng khí CO₂ ra ngoài môi trường.
- Duy trì, áp dụng các cuộc họp trực tuyến, trao đổi công việc trên nền tảng sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, nhằm giảm việc di chuyển, giảm phát thải ra môi trường.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng, máy phát điện

- Hệ thống điều hòa, chiếu sáng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và được thiết kế để tự động ngắt sau giờ làm việc, chỉ duy trì tại những khu vực cần thiết. Hệ thống điều hòa không khí được điều chỉnh theo điều kiện môi trường, nhiệt độ dao động từ 24°C - 26°C đối với mùa hè và 20°C đối với mùa đông, từ đó tối ưu hóa hiệu suất và tiết kiệm năng lượng.
- Công ty thực hiện định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để tối ưu hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng. Công ty chỉ sử dụng máy phát điện trong trường hợp phát sinh sự cố hoặc cần thiết.



Dựa theo công thức thống kê từ Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol) – công cụ kiểm đếm được sử dụng rộng rãi trên thế giới để định lượng, nắm bắt và quản lý phát thải Khí nhà kính do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp thế giới về phát triển bền vững (WBCSD), ghi nhận khối lượng khí CO₂ BVSC thải ra ngoài môi trường trong năm 2024 xấp xỉ 464 tấn. Số liệu này tính trên tổng lượng xăng (lít) và điện (kWh) mà BVSC đã tiêu thụ trong năm.

Để giảm thiểu lượng khí CO₂ thải ra ngoài không khí trong quá trình hoạt động, trong từng tòa nhà, tùy điều kiện cho phép khi bố trí mặt bằng, Công ty đều bố trí xen kẽ các không gian xanh để tạo không khí trong lành. Ngoài ra, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động trồng cây, gây rừng được tổ chức hàng năm cùng Tập đoàn Bảo Việt giúp phủ xanh bề mặt trái đất.

Trong năm 2024, BVSC không vi phạm các quy định về môi trường. Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và tích cực triển khai các định hướng của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời khuyến khích các cán bộ nhân viên nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường.

Mặc dù không kinh doanh trong lĩnh vực trực tiếp tác động tới môi trường, tuy nhiên, BVSC hiểu rằng trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi công dân đều phải chung tay gìn giữ và bảo vệ môi trường như một sự chuyển giao các giá trị bền vững cho thế hệ tương lai. Trong phạm vi hoạt động của mình, BVSC nỗ lực lồng ghép các chương trình hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng như một cách tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tuy nhiên điều quan trọng hơn là thông qua đó nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên cho đất nước.



XÃ HỘI

XÃ HỘI

GRI 400

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

VIỆC LÀM

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng mang lại giá trị sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng của Công ty, tạo nên sự thành công và giữ vững uy tín để từ đó giúp công ty phát triển bền vững. Việc tăng trưởng và phát triển trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ giúp tăng quy mô việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.

Nơi phát sinh tác động

Xác định việc làm là một yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, BVSC luôn chú trọng trong việc xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo chế độ lương thưởng phúc lợi tốt, có lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng để từ đó tạo sự an tâm cho người lao động nhằm duy trì ổn định nhân sự, giữ chân lao động giỏi, cũng như thu hút đội ngũ lao động có chất lượng trên thị trường.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó.

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty, Công ty thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm bao gồm chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động nhằm xây dựng môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề trong báo cáo này.

103-2

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm, BVSC xây dựng kế hoạch về quy mô việc làm cũng như kế hoạch tuyển dụng lao động chi tiết; phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả về nguồn lực lao động cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như tối ưu hóa về nguồn nhân lực của Công ty.

BVSC xây dựng các chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh để có thể hỗ trợ cho việc thu hút nhân sự tốt, giữ chân người giỏi và ổn định nhân sự công ty.

Mục đích của Phương pháp Quản trị

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự, đảm bảo lực lượng nhân sự phù hợp và hiệu quả, hạn chế việc dư thừa lao động.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong việc thu hút nhân sự giỏi trên thị trường thông qua các gói chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp cho từng nhóm lao động.

Chính sách



Chính sách tuyển dụng

Căn cứ kế hoạch nhân sự năm, Công ty xây dựng các tiêu chí lựa chọn ứng viên cụ thể, rõ ràng gắn với mô tả công việc của vị trí đó. Việc đánh giá lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự công bằng, chính xác, phù hợp qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.



Chính sách lương thưởng

- Chính sách lương thưởng được BVSC xây dựng theo phương pháp 3P (Position - Vị trí; Person - Con người; Performance - Hiệu quả làm việc), luôn đảm bảo sự công bằng, minh bạch, đồng thời thu nhập của người lao động được ổn định và cạnh tranh trên thị trường.
- Chính sách thưởng được xây dựng cho các vị trí khác nhau nhưng đều được dựa trên đánh giá hiệu quả làm việc. Đối với các bộ phận kinh doanh, hiệu quả làm việc được xác định dựa theo bộ chỉ tiêu KPIs công ty giao cho từng đối tượng. Đối với các bộ phận hỗ trợ và quản lý, việc đánh giá hiệu quả làm việc của từng cá nhân được thực hiện theo phương pháp đánh giá mục tiêu.



Chính sách phúc lợi

- Chính sách phúc lợi được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của người lao động, đảm bảo tính bền vững và phù hợp với định hướng lâu dài của công ty, giúp người lao động cảm thấy hạnh phúc, thể hiện sự quan tâm của công ty tới người lao động.
- Chính sách phúc lợi được quy định rõ ràng theo nhóm lao động và cấp bậc, kết hợp với chính sách lương thưởng tạo nên các gói đãi ngộ cho người lao động, từ đó khuyến khích động viên và giữ chân người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Chính sách phúc lợi được thực hiện thông qua các hình thức như chi tiền mặt, các sản phẩm bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép, nghỉ ngày sinh nhật có hưởng lương, chế độ công tác, và các chế độ phúc lợi khác...

Cam kết

BVSC cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật lao động tại Việt Nam và gia tăng thêm các quyền lợi bổ sung khác cho người lao động.



XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

VIỆC LÀM (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Mục tiêu và chỉ tiêu

Tỷ lệ tuyển dụng mới ~ 15%, trong đó tỷ trọng tuyển dụng môi giới chiếm 85%.

100% cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành.

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận nhân sự	Trực tiếp thực hiện và/hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự.
Ban chấp hành công đoàn	Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động.



Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	- Chi phí tuyển dụng: 131 triệu đồng. - Chi phí chi trả lương thưởng và phụ cấp cho người lao động: 288 tỷ đồng. - Chi phí chi trả các chính sách phúc lợi cho người lao động: 25,4 tỷ đồng.
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng phúc lợi cho người lao động.
Nguồn lực về công nghệ	Phần mềm nhân sự được dùng để tập trung dữ liệu và hỗ trợ Bộ phận nhân sự triển khai quản lý thông tin nhân sự được hiệu quả, cung cấp các báo cáo quản trị nhân sự cho Ban Lãnh đạo Công ty một cách kịp thời và chính xác.
Nguồn lực khác	Uy tín và thương hiệu nhà tuyển dụng của Công ty trên thị trường.

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận Nhân sự là đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động tại Công ty.



XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

**GRI
400**

PHƯƠNG PHÁP
QUẢN TRỊ

**GRI
103**

VIỆC LÀM (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)



Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến



Đối với công tác tuyển dụng

Bám sát kế hoạch định biên nhân sự đã được phê duyệt trong năm, Công ty xây dựng bộ tiêu chí tuyển chọn ứng viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp với yêu cầu công việc của từng vị trí. Hoạt động tuyển dụng được triển khai linh hoạt, dựa trên nhu cầu thực tế phát sinh nhằm đảm bảo cung ứng nhân lực kịp thời cho các phòng ban. Quá trình đánh giá và lựa chọn ứng viên luôn đảm bảo tính công bằng, chính xác và khách quan thông qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.

Trong năm 2024, BVSC tiếp tục triển khai chương trình Next Gen – một chương trình tuyển dụng kết hợp đào tạo dành cho các bạn sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp để chủ động lựa chọn nhân sự phù hợp tuyển dụng chính thức làm việc tại Công ty, đồng thời xây dựng & phát triển đội ngũ kế cận có chất lượng tốt trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng để có thể thu hút được nhiều ứng viên có chất lượng hơn trong công tác tuyển dụng thông qua việc hợp tác với các trường Đại học trong việc tổ chức các hoạt động hội thảo, tổ chức các buổi tham quan doanh nghiệp, tham gia các buổi định hướng nghề nghiệp và hội chợ việc làm. Năm 2024 BVSC tiếp tục tham gia chương trình khảo sát “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” do Anphabe tổ chức, và đây là năm thứ 4 liên tiếp BVSC được vinh danh TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – khối doanh nghiệp vừa.



Đối với chính sách trả lương, thưởng

Công ty đảm bảo việc chi trả đầy đủ lương hàng tháng, lương tháng 13 và thưởng hiệu quả làm việc cho người lao động. Đối với khối kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo các chính sách thưởng kinh doanh đã ban hành. Các chính sách thưởng kinh doanh thường xuyên được rà soát điều chỉnh để phù hợp với xu hướng và đảm bảo cạnh tranh với thị trường. Đối với khối quản lý và hỗ trợ, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá HQLV của cán bộ theo phương pháp đánh giá mục tiêu.

Cũng trong năm 2024, BVSC đã ban hành Dãi lương thỏa thuận mới và thực hiện áp dụng để rà soát điều chỉnh lương thỏa thuận của cán bộ với mức tăng bình quân 16%.



Đối với chính sách phúc lợi

BVSC tiếp tục triển khai gói phúc lợi bảo hiểm toàn diện và chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong năm 2024. Bên cạnh việc tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước, người lao động còn được Công ty mua bổ sung 3 loại bảo hiểm gồm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ. Ngoài ra, cuối năm 2024, BVSC đã tổ chức triển khai sản phẩm hưu trí tự nguyện dành cho người lao động, giúp cán bộ có thêm kênh tích lũy tài chính dài hạn, góp phần đảm bảo sự an tâm về tài chính khi nghỉ hưu. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện có chất lượng dịch vụ tốt tại Hà Nội và TP.HCM, đồng thời mở rộng danh mục khám tầm soát một số bệnh ung thư nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Tổng chi phí dành cho gói bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe toàn diện tại BVSC trong năm 2024 là gần 14 tỷ đồng.

BVSC cũng đảm bảo chế độ nghỉ phép theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời duy trì chính sách nghỉ ngày sinh nhật My Birthday – My Choice, cho phép người lao động được nghỉ một ngày bất kỳ trong tháng sinh nhật của mình mà vẫn hưởng nguyên lương. Ngoài ra, BVSC tiếp tục chi trả các khoản phúc lợi bằng tiền vào những dịp đặc biệt, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động gắn kết nhân viên như teambuilding, CLB chạy bộ, yoga và chương trình Happy Friday hàng tháng, tạo dựng môi trường làm việc năng động và gắn kết.





XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

VIỆC LÀM (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

103-2 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Trong năm, bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về các chỉ số biến động nhân sự để kiểm tra và cảnh báo các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ và Ban chấp hành Công đoàn về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động và đánh giá những tác động của chính sách tới hiệu quả công việc để từ đó xem xét có những điều chỉnh kịp thời những điểm còn hạn chế, tháo gỡ những khúc mắc của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Với phương pháp quản trị này, Công ty có thể kiểm soát tốt yếu tố con người giúp ổn định nguồn lực nhân sự, thu hút được các ứng viên phù hợp trên thị trường, đảm bảo sự cạnh tranh, giữ chân được những nhân sự giỏi.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Công ty thường xuyên thực hiện rà soát lại các chính sách nhân sự đang áp dụng để kịp thời cập nhật, sửa đổi phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như xu hướng của thị trường, đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.



VIỆC LÀM

GRI 401

VIỆC LÀM

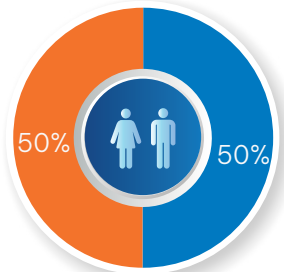
401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân sự tuyển mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.



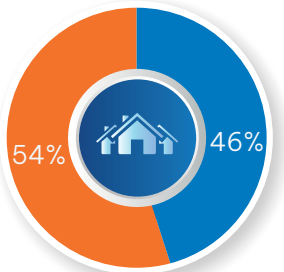
Tổng số nhân sự tuyển dụng mới trong năm: 100 người

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo giới tính



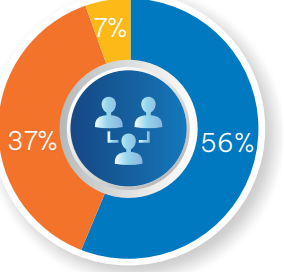
■ Nam giới
■ Nữ giới

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo khu vực



■ Hà Nội
■ Hồ Chí Minh

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo nhóm tuổi



■ <30
■ 30-50
■ >50

Năm 2024, BVSC ghi nhận tỷ lệ tuyển dụng ở mức 13,9%, trong đó tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ môi giới với tỷ trọng chiếm 89%. Việc tuyển dụng này là phù hợp với định hướng đẩy mạnh hoạt động môi giới của Công ty. Bên cạnh đó, cơ cấu nhân sự tuyển mới tiếp tục đảm bảo sự phân bổ hợp lý, có sự cân bằng về giới tính tạo sự hài hòa trong tổ chức và tập trung nhiều hơn ở độ tuổi dưới 30.



XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

VIỆC LÀM

GRI 401

VIỆC LÀM (Tiếp theo)

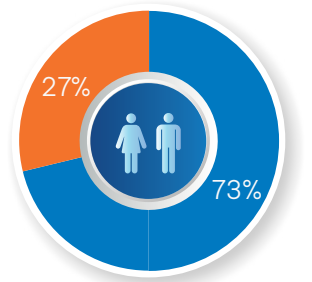
VIỆC LÀM (Tiếp theo)

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc (tiếp theo)

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực.

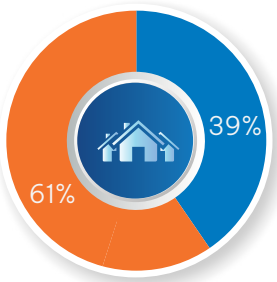
Tổng số nhân sự nghỉ việc trong năm: 71 người

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo giới tính



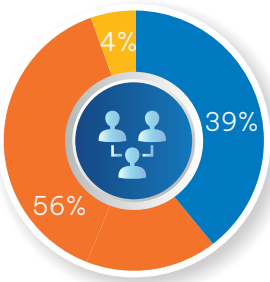
■ Nam giới
■ Nữ giới

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo khu vực



■ Hà Nội
■ Hồ Chí Minh

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo nhóm tuổi



■ <30
■ 30-50
■ >50

Năm 2024, tỷ lệ nghỉ việc của BVSC là 9,9% và cũng chủ yếu tập trung ở đội ngũ môi giới. Trong năm, Công ty thường xuyên thực hiện việc rà soát đánh giá định kỳ mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ môi giới thông qua bộ chỉ tiêu KPIs để chủ động tái cơ cấu nhân sự nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực của công ty.



401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

	Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh
Bảo hiểm nhân thọ	Có	Có
Chăm sóc sức khỏe	Có	Có
Bảo hiểm các bệnh ung thư	Có	Có
Nghỉ thai sản	Có	Có
Trợ cấp hưu trí	Có	Có
Quyền sở hữu cổ phiếu	Không	Không
Các phúc lợi khác	Có	Có
Giải thích các phần khác	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng.

401-3 Nghỉ thai sản

	Nam giới	Nữ giới
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	129	163
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	3	11
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	3	6
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng sau khi quay lại làm việc	3	6
Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản	100%	100%
Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản	100%	100%



XÃ HỘI (Tiếp theo)



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp là một trong những vấn đề quan trọng không chỉ để đảm bảo sức khỏe cho người lao động mà còn đóng góp tích cực vào nâng cao hiệu quả công việc, cải thiện chất lượng cuộc sống của người lao động, giúp người lao động an tâm công tác cũng như gia tăng giá trị thương hiệu nhà tuyển dụng trên thị trường.

Các chính sách liên quan đến vấn đề về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp được xây dựng và triển khai thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo Công ty dành cho người lao động, thể hiện những cam kết của doanh nghiệp trong việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh thu hút nhân sự trên thị trường lao động cũng như gia tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty.

Nơi phát sinh tác động

Là một công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, các nguy cơ về tai nạn lao động hoặc các bệnh nghề nghiệp liên quan đến môi trường làm việc là gần như không có phát sinh. Tuy nhiên, người lao động vẫn có thể sẽ gặp phải các tác động tiềm ẩn đến sức khỏe và tinh thần như căng thẳng tâm lý, stress công việc, các bệnh thường gặp của nhân viên văn phòng như đau lưng, mắt, cổ,... và các vấn đề sức khỏe tinh thần khác. Do đó, Công ty vẫn thường xuyên chú trọng đến việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, hạnh phúc và đưa ra những biện pháp hỗ trợ sức khỏe cả về thể chất và tinh thần cho người lao động.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình

Chính sách về an toàn và sức khỏe là một phần trong gói chính sách phúc lợi dành cho người lao động, tạo nên sự an tâm, quyền lợi thiết thực cho người lao động, qua đó tăng động lực làm việc và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề này tại Công ty

103-2

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động được Công ty xây dựng cụ thể, rõ ràng phân theo từng nhóm lao động và theo cấp bậc, giúp cho người lao động cảm thấy sự an tâm, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Mục đích của phương pháp quản trị

- Đảm bảo sự rõ ràng minh bạch để người lao động có thể an tâm về các quyền lợi mà người lao động được hưởng.
- Hạn chế tối đa những thông tin sai lệch về chính sách của Công ty.

Chính sách

- Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:** Công ty xây dựng hệ thống thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể, làm cơ sở để thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.
- Chính sách bảo hiểm bổ sung khác:** Bên cạnh việc tuân thủ đầy đủ các chính sách bảo hiểm bắt buộc, Công ty còn triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung khác thực hiện gia tăng quyền lợi cho người lao động. Công ty đã triển khai chương trình bảo hiểm sức khỏe cho người lao động trong hơn 15 năm qua. Bên cạnh đó, Công ty triển khai mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động để bổ sung quyền lợi bảo vệ sinh mạng và được hưởng giá trị tích lũy để an tâm tài chính khi nghỉ hưu. Một chương trình bảo hiểm bổ sung khác nữa được Công ty triển khai mua cho người lao động là chương trình bảo hiểm các bệnh ung thư K - care. Trong trường hợp không may mắc bệnh ung thư, người lao động sẽ được hỗ trợ khoản tài chính để trang trải cho các chi phí điều trị bệnh hiểm nghèo này. Các chương trình bảo hiểm này được Công ty duy trì triển khai hàng năm đã tạo nên gói phúc lợi về sức khỏe toàn diện cho người lao động giúp người lao động an tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ:** Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện và phòng khám quốc tế uy tín, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật. Ngoài các danh mục khám tiêu chuẩn, Công ty còn bổ sung thêm các hạng mục nâng cao tầm soát ung thư, giúp người lao động theo dõi tình trạng sức khỏe và có phương án điều trị kịp thời trong trường hợp không may mắc phải bệnh.
- Cơ sở vật chất và điều kiện làm việc:** Công ty cung cấp môi trường làm việc hiện đại với cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị tiên tiến, không gian làm việc khoa học. Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.



XÃ HỘI (Tiếp theo)



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)



103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

- Hoạt động gắn kết nhân viên:** Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn và Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động gắn kết đội ngũ nhân sự giúp tạo dựng môi trường làm việc thân thiện và đoàn kết.
- Phong trào thể thao, văn nghệ:** Nhằm nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe của người lao động, Công ty đã thành lập các câu lạc bộ thể thao, văn nghệ như CLB Chạy bộ, Yoga, Bóng đá, Pickleball... không chỉ giúp nhân viên rèn luyện thể chất mà còn tạo điều kiện giao lưu, kết nối giữa các phòng ban trong Công ty.
- Các văn bản ban hành chính thức bao gồm:**
 - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.
 - Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: Quy chế về chính sách bảo hiểm sức khỏe ban hành kèm theo Quyết định số: 43/2022/QĐ – BVSC ngày 16/06/2022 và các văn bản quy định khác liên quan.
 - Bảo hiểm nhân thọ: Quy chế về chính sách bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Quyết định số: 161/2015/QĐ – BVSC ngày 31/12/2015 và các văn bản quy định khác liên quan.
 - Bảo hiểm các bệnh ung thư: Quy định về chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư được Tổng Giám đốc ký phê duyệt tại Tờ trình ngày 17/08/2017.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ: Quy định tại Thỏa ước lao động tập thể của Công ty với Đại diện người lao động.

Cam kết

- Cán bộ được làm việc trong môi trường tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.
- Cán bộ được bảo vệ sức khỏe và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

Mục tiêu và chỉ tiêu

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động mà Công ty đã xây dựng.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm.

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Thực hiện phê duyệt các chính sách và ngân sách bảo hiểm dành cho người lao động.
Bộ phận nhân sự	- Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban Điều hành cho áp dụng triển khai. - Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động. - Triển khai các công việc phát sinh có liên quan đến bảo vệ người lao động.
Ban chấp hành công đoàn	Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Tổ chức, duy trì các hoạt động thể thao để nâng cao rèn luyện sức khỏe cho người lao động.

Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	- Chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 7,4 tỷ đồng (phần chi phí Công ty đóng cho người lao động). - Chi phí mua bảo hiểm bổ sung bao gồm bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ: 5,5 tỷ đồng. - Chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động: 878 triệu đồng. - Chi phí duy trì hoạt động của các CLB duy trì hoạt động thể thao thường xuyên của Công ty.
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ phụ trách về công tác nhân sự, đội ngũ cán bộ công đoàn, đoàn thanh niên...

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối tiếp nhận các thông tin, khiếu nại về nội dung của các chương trình bảo hiểm, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa người lao động và các đơn vị bảo hiểm khi giải quyết các vụ việc thanh toán bảo hiểm liên quan.



XÃ HỘI (Tiếp theo)



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Năm 2024, BVSC thực hiện tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động được thực hiện đầy đủ và kịp thời. Đồng thời, Công ty tiếp tục tái tục các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ dành cho người lao động theo các chính sách đã ban hành. Cuối năm 2024, Công ty tổ chức triển khai để người lao động tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện với Quỹ Dragon Capital.

Trong năm, BVSC tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ sở y tế uy tín gồm Phòng khám T-Matsuoka (Hà Nội) và Phòng khám Careplus (TP. HCM), nơi đáp ứng tốt các điều kiện khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế cũng như chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, danh mục khám sức khỏe theo quy định, Công ty còn bổ sung thêm các xét nghiệm tầm soát ung thư phổ biến, giúp người lao động chủ động theo dõi và bảo vệ sức khỏe.

Các văn phòng làm việc của BVSC đều nằm trong các tòa nhà văn phòng hạng A tại Hà Nội và Hồ Chí Minh với những điều kiện cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn lao động & phòng cháy chữa cháy. Trong năm 2024, BVSC đã hoàn tất việc xây dựng văn phòng trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, đặc biệt hoàn tất thi công và đưa vào sử dụng Không gian xanh Sky Garden tại tầng 5 của Tòa nhà với các góc thư giãn lý tưởng, cùng với khu vực pantry để cán bộ nghỉ ngơi ăn trưa. Ngoài ra, cũng trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất sửa chữa và nâng cấp Phòng Giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ giúp tạo ra một không gian làm việc mới tích cực cho người lao động.

Các hoạt động gắn kết nội bộ tiếp tục được chú trọng với nhiều chương trình phong phú như Happy Friday; sinh nhật tháng... Đặc biệt là chuỗi các hoạt động nội bộ hướng tới kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty, qua đó truyền tải những câu chuyện truyền cảm hứng về Sự dẫn thân, Sự cam kết, Tính kỷ luật, Tính linh hoạt và Khả năng chống chịu của các thể hệ nhân sự, từ đó lan tỏa mạnh mẽ những thông điệp tích cực và truyền động lực cho các thể hệ nhân sự tiếp nối tại BVSC. Việc làm tốt công tác truyền thông nội bộ có ý nghĩa sâu sắc và góp phần tạo nên sức mạnh tập thể, duy trì nguồn nhân lực ổn định, có tính cam kết cống hiến cao.

BVSC khuyến khích người lao động rèn luyện sức khỏe thông qua việc duy trì các câu lạc bộ thể thao sôi động. CLB Pickleball của BVSC mới chính thức được thành lập, cùng với các CLB Chạy bộ, CLB Bóng đá, CLB Yoga & CLB Âm nhạc mang đến nhiều hoạt động giúp người lao động nâng cao sức khỏe thể chất & tinh thần. Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức buổi Hội thảo về “Hội chứng bệnh văn phòng & cách tập luyện phòng ngừa” cho các cán bộ nhân viên của Công ty với chuyên gia đến từ Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.



103-3

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

- Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm.
- Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Thông qua kết quả khảo sát, Công ty nhận được những phản hồi tích cực từ phía người lao động về các chính sách bảo hiểm mà Công ty đang áp dụng cho người lao động. Ngoài ra, tham khảo báo cáo khảo sát về phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, BVSC đang áp dụng nhiều chính sách về bảo hiểm ưu việt và thiết thực cho người lao động. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Công ty sẽ nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm cho người thân của người lao động góp phần gia tăng phúc lợi cho người lao động.

HỘI THẢO

HỘI CHỨNG BỆNH VĂN PHÒNG & CÁCH TẬP LUYỆN PHÒNG NGỪA

🕒 16:00 ngày 10/10/2024 📍 Tầng 5, Sky Garden - 8 Lê Thái Tổ

DIỄN GIẢ +

THS. BSCKI
PHẠM THỊ NGỌC BÍCH



XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI
400

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP

GRI
403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (Tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

403-1

Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

Ban chấp hành công đoàn là đại diện của người lao động để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Ban chấp hành công đoàn tham gia vào việc phối hợp xây dựng các chính sách liên quan đến an toàn lao động, các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động, đưa ra những ý kiến đề xuất về điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, cũng như theo dõi giám sát việc thực hiện các chính sách đó. Ngoài ra, Ban chấp hành công đoàn cũng là đơn vị đầu mối, phối hợp với Đoàn thanh niên và Bộ phận truyền thông của Công ty để xuất và tổ chức triển khai các hoạt động thể thao, văn nghệ cũng như nhiều chương trình khác giúp nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khỏe cho người lao động.

Mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thành lập với các thành viên là cán bộ làm việc tại tất cả các phòng ban trong Công ty, được đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh tại doanh nghiệp theo đúng quy định. Việc thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh hỗ trợ hiệu quả Công ty trong công tác truyền thông, cũng như triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và chính sách bảo hiểm của Công ty.

Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động: 100%.

403-4

Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn

Ban chấp hành công đoàn với vai trò đại diện tập thể người lao động tham gia thỏa thuận với Công ty trong các chủ đề liên quan đến sức khỏe và an toàn bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; các quy chế, quy định về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư; hệ thống thang bảng lương của Công ty đối với người lao động để đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Ngoài ra, thông qua các cuộc đối thoại định kỳ và hoặc đối thoại theo yêu cầu, hội nghị người lao động, Ban chấp hành Công đoàn đề xuất bổ sung các chế độ, quyền lợi cho người lao động như chế độ nghỉ ngày sinh nhật, chế độ nghỉ dành cho lao động nữ...

Do các chủ đề về an toàn sức khỏe được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, do đó, khó có thể xác định tỷ lệ phần trăm.

PHƯƠNG PHÁP
QUẢN TRỊ

GRI
103

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Đào tạo là yếu tố quan trọng giúp người lao động bổ sung kiến thức mới, hoàn thiện các kỹ năng, thay đổi tư duy làm việc, thái độ đối với công việc, từ đó cải thiện hiệu quả làm việc của người lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty, mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Nơi phát sinh tác động

Hoạt động đào tạo được thực hiện tại toàn bộ các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty, nơi các cán bộ nhân viên cần được đào tạo và phát triển các kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc, thích nghi với sự thay đổi.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Công ty xây dựng các khung chương trình đào tạo, các chính sách đào tạo dành cho người lao động giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của bản thân.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề này.

103-1

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Các khung chương trình đào tạo được xây dựng cho từng nhóm lao động và theo cấp bậc nhân viên khác nhau. Công ty đưa ra các quy định cụ thể gắn việc đào tạo với lộ trình thăng tiến, các chính sách nâng lương, khen thưởng nhằm khuyến khích người lao động đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo vị trí công việc của mình.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Mục đích của phương pháp quản trị

- Nhằm đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với công việc và với sự thay đổi từ môi trường kinh doanh, quy định pháp luật.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đối với từng vị trí cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng nguồn lực dự phòng cho các kế hoạch triển khai và mở rộng kinh doanh của Công ty.



XÃ HỘI (Tiếp theo)



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)



103-1 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Chính sách

- Chương trình đào tạo định hướng:** Đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó cán bộ hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với công ty trong tương lai.
- Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ:** Khung chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng cho từng khối nghiệp vụ cụ thể:
 - Đối với khối môi giới:** Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề; Đào tạo nội bộ theo chương trình đào tạo được xây dựng dành riêng cho đội ngũ môi giới.
 - Đối với khối hỗ trợ và quản lý:** Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề (tùy thuộc vào các vị trí theo yêu cầu của Pháp luật); tài trợ chi phí cho cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM,... các khóa đào tạo nghiệp vụ khác theo yêu cầu của từng vị trí chuyên môn.
 - Bên cạnh chương trình đào tạo dành cho lao động chính thức:** Công ty còn triển khai Chương trình Next Gen thiết kế dành riêng để tuyển dụng và đào tạo các bạn sinh viên sắp ra trường cho vị trí môi giới (Broker) và các vị trí khác (Non-Broker) trong Công ty nhằm xây dựng thế hệ nhân sự mới có chất lượng tốt trong tương lai.
- Chương trình đào tạo kỹ năng:** Đào tạo các kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc và khả năng thích nghi với sự thay đổi trong công việc; kỹ năng quản lý & lãnh đạo dành cho cấp quản lý.

Cam kết

Đảm bảo thực hiện theo các chương trình đào tạo và các quy định có liên quan của Công ty đã ban hành.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên kinh doanh: 60 - 80 giờ/năm.

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên quản lý và hỗ trợ: 15 - 20 giờ/năm.

Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo.
Bộ phận nhân sự	- Chịu trách nhiệm thực hiện/phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch. - Là đầu mối thực hiện đề xuất các chương trình đào tạo phát sinh (nếu có). - Trực tiếp xây dựng/phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng & tổ chức các chương trình đào tạo.
Phòng ban nghiệp vụ	Phối hợp với Bộ phận nhân sự và/hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ.
Đội ngũ giảng viên nội bộ	Tiến hành triển khai và chịu trách nhiệm các hoạt động đào tạo nội bộ.

Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	Chi phí đào tạo năm 2024: 1,4 tỷ đồng.
Nguồn lực về con người	- Số lượng giảng viên nội bộ: 12 người. - Số lượng cán bộ phụ trách đào tạo: 07 người.
Nguồn lực công nghệ	- Đào tạo từ xa thông qua hệ thống trực tuyến kết nối giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. - Đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến Elearn. - Hệ thống phần mềm nhân sự để quản lý việc triển khai hoạt động đào tạo đối với từng nhân sự.

Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động liên quan đến vấn đề đào tạo.

Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Năm 2024, các chương trình đào tạo vẫn chủ yếu tập trung cho khối môi giới nhằm nâng cao chất lượng nhân sự, phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty. Bên cạnh việc triển khai đào tạo chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định, Công ty tổ chức triển khai các khóa đào tạo về quy trình, nghiệp vụ, hệ thống giao dịch, quy định về sản phẩm dịch vụ mới, các kỹ năng phân tích, tư vấn cho khách hàng... dành cho đội ngũ môi giới. Trong năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai chương trình Next Gen tại Hà Nội và TP. HCM với các nội dung chương trình được các giảng viên nội bộ cập nhật cho phù hợp với những thay đổi quy định, quy trình mới cũng như phù hợp với mục tiêu của chương trình.



XÃ HỘI (Tiếp theo)



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)



103-1 Phương pháp Quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Cũng trong năm 2024, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng như ứng dụng AI nâng cao hiệu suất làm việc trong tổ chức, nghệ thuật truyền lửa bằng âm thanh, bốn bước chuyển hóa kế hoạch thành hành động, Trí tuệ cảm xúc. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và các hội thảo liên quan đến nghiệp vụ của các phòng ban. Công ty tiếp tục khuyến khích cán bộ chủ động tham gia các hoạt động đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn CFA, CMT... thông qua việc hỗ trợ các chi phí phát sinh có liên quan.

Ngoài ra, trong năm qua, Công ty đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Viện Kế toán Quản trị Hoa Kỳ (IMA) và SAPP Academy trên các phương diện tuyển dụng, chuyên môn, phát triển thương hiệu, và đồng thời phát huy những thế mạnh của các bên nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng nhân sự ngành Tài chính.



103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

- Thông qua phần mềm quản lý nhân sự, Công ty có thể kiểm soát được các cán bộ chưa tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ tham gia, từ đó thúc đẩy cán bộ tham gia công tác đào tạo.
- Thông qua hệ thống Elearn để đánh giá tính chủ động tương tác và tự học của người lao động.
- Việc tham gia đào tạo đảm bảo theo quy định bắt buộc sẽ là một trong những yếu tố xem xét khi đánh giá nhân sự cho công tác bổ nhiệm cán bộ, đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm, từ đó nâng cao ý thức tham gia đào tạo của cán bộ.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Theo kết quả đánh giá việc chủ động tham gia các khóa đào tạo và kết quả kiểm tra cuối khóa, Công ty nhận thấy trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên đạt yêu cầu công việc và có sự cải thiện qua các năm. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của phương pháp quản trị này là tốt.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chương trình đào tạo, xây dựng thêm nhiều khung chương trình đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty.

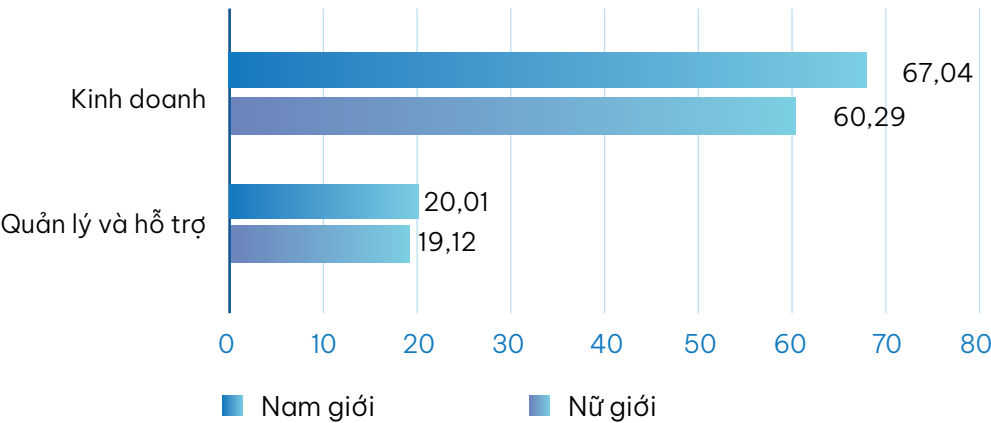


GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

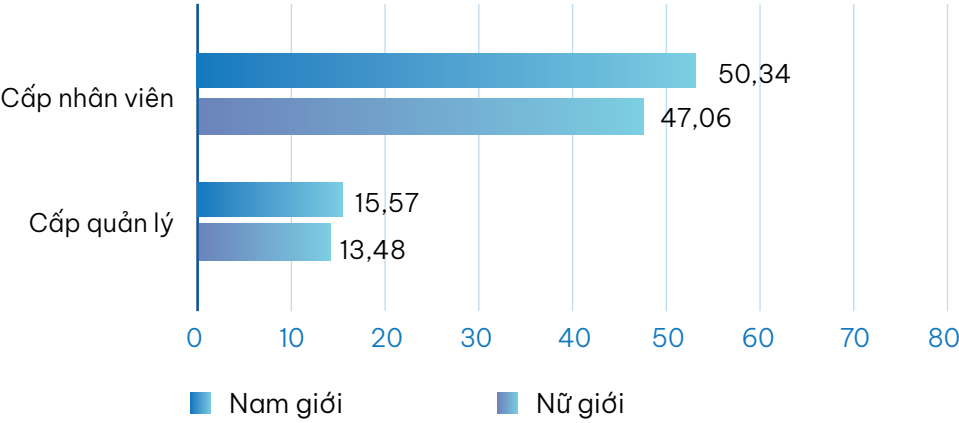


404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo chức năng của nhân viên



Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo cấp nhân viên



TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO NĂM 2024
14.688
Giờ

Tổng số giờ đào tạo năm 2024 là 14.688 giờ, trong đó có 11.708 giờ đào tạo nội bộ & on job training. Năm 2024, bên cạnh việc tập trung đào tạo đội ngũ môi giới, Công ty đã có sự mở rộng đào tạo đối với nhóm quản lý & hỗ trợ với nội dung đào tạo tập trung nhiều vào các khóa kỹ năng giúp nâng cao hiệu quả công việc, và nhóm quản lý với các chương trình đào tạo tập trung vào phát triển kỹ năng lãnh đạo, tư duy quản lý để kịp thời cập nhật theo xu hướng thay đổi hiện nay. Việc chú trọng đào tạo và xu hướng mở rộng đối với các nhóm lao động và các cấp bậc nhằm tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển hài hòa và bền vững của công ty trong thời gian tới.



XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

GRI 403

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Tiếp theo)

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Tiếp theo)

404-2

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Đối với khối môi giới

Đối với lao động mới tuyển, chưa có kinh nghiệm: Đào tạo thông qua Chương trình Next Gen cho nhiều vị trí trong Công ty (Broker & Non – Broker) gồm 24 chuyên đề chia làm 3 giai đoạn Đào tạo – Huấn luyện – Thực chiến, tuân thủ mô hình khung năng lực ASK (Kiến thức – Kỹ năng – Thái độ) kết hợp với hoạt động huấn luyện kèm cặp 1-1 qua công việc. Năm 2024, Công ty đã triển khai thành công khóa đào tạo của chương trình Next Gen tại HN và TP. HCM, tuyển dụng được 21 CBNV có chất lượng ký hợp đồng chính thức với Công ty.

Đối với lao động đang làm việc: Thực hiện các chuyên đề đào tạo về sản phẩm dịch vụ mới, các quy trình, quy định mới ban hành, hướng dẫn sử dụng hệ thống mới... Các chương trình chủ yếu được triển khai trên hệ thống elearning giúp học viên chủ động tham gia đào tạo, các hình thức thể hiện nội dung đào tạo cũng được đổi mới tạo sự cuốn hút và dễ dàng ghi nhớ cho học viên.

Đối với các Phòng ban nghiệp vụ khác

Công ty khuyến khích, tạo điều kiện cũng như hỗ trợ chi phí để cán bộ tham gia các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ nghề nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của mình như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM...

Đối với cấp quản lý

Công ty cử cán bộ tham gia các buổi hội thảo cập nhật quy định và/hoặc xu hướng mới trên thị trường, huấn luyện kỹ năng lãnh đạo, các chương trình đào tạo dành cho cấp quản lý.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức triển khai các khóa đào tạo kỹ năng giúp người lao động có thể thích nghi nhanh chóng hơn với sự thay đổi và yêu cầu công việc ngày càng cao để cạnh tranh như hiện nay.

404-3

Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp

PHÂN LOẠI NHÂN VIÊN	% NAM GIỚI	% NỮ GIỚI
Cấp nhân viên	100	100
Cấp quản lý	100	100

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1

Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định cụ thể trong các văn bản Pháp luật. BVSC là doanh nghiệp Việt Nam nên việc tuân theo các quy định pháp luật Việt Nam là điều tất yếu.

Việc tạo ra môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng sẽ giúp cho cán bộ nhân viên cảm nhận được sự tôn trọng, được phát huy năng lực của bản thân để đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty; đồng thời cũng giúp cho Công ty tìm kiếm và thu hút nhân sự đa dạng từ các nguồn khác nhau.

Phạm vi của chủ đề này bao gồm các chính sách, biện pháp để đảm bảo công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá hiệu quả làm việc, đãi ngộ đều dựa trên năng lực, kỹ năng của người lao động.

Nơi phát sinh tác động

Chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá hiệu quả làm việc, chính sách đãi ngộ sẽ tác động đến sự đa dạng và cơ hội bình đẳng tại BVSC.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng tại BVSC được thể hiện trong mọi hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, được xây dựng và hình thành thành văn hóa doanh nghiệp và trở thành điều tất yếu trong hoạt động kinh doanh.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này.



XÃ HỘI

GRI 400

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG (Tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

103-2

Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Trong tất cả các chính sách về nhân sự của Công ty đều được xây dựng không có sự khác biệt, hạn chế theo giới tính, theo dân tộc.

Chính sách

- Đối với chính sách tuyển dụng:** Công ty đảm bảo quá trình tuyển dụng được thực hiện minh bạch, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay dân tộc. Mọi ứng viên đều có cơ hội tiếp cận các vị trí phù hợp dựa trên năng lực và tiềm năng phát triển.
- Đối với chính sách đào tạo và phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ:** BVSC luôn chú trọng đầu tư vào công tác đào tạo, giúp cán bộ nhân viên không ngừng nâng cao chuyên môn và hoàn thiện kỹ năng, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm nhân sự được thực hiện minh bạch, công bằng, dựa trên năng lực và đóng góp thực tế, tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người.
- Đối với các chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động:** Chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động được xây dựng và áp dụng chung cho toàn bộ người lao động, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số. Không những thế, Công ty còn có những chính sách riêng đối với lao động nữ. Bên cạnh việc đảm bảo chế độ thai sản, chế độ nghỉ 30 phút/ngày trong thời gian kinh nguyệt, chế độ nghỉ 1 giờ trong giai đoạn nuôi con nhỏ,... lao động nữ còn được Công ty mua bổ sung quyền lợi thai sản trong bảo hiểm sức khỏe; được nghỉ mỗi ngày 10 phút trong 5 ngày liên tục của mỗi tháng, được tôn vinh trong những ngày lễ dành cho phụ nữ 8/3 & 20/10...
- Ngoài ra, Công ty còn xây dựng môi trường làm việc thoải mái, an toàn, nơi người lao động được tôn trọng, đối xử bình đẳng. Ban chấp hành Công đoàn luôn đồng hành, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

Cam kết

BVSC luôn cam kết tạo dựng một môi trường làm việc bình đẳng, nơi mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển dựa trên năng lực và đóng góp của mình.

Mục tiêu và chỉ tiêu

Cân bằng tỷ lệ giới tính trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty.



Trách nhiệm, Nguồn lực, Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết khiếu nại, Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động được Ban Lãnh đạo Công ty luôn coi trọng và trở thành văn hóa của doanh nghiệp. Mặc dù hiện nay, BVSC chưa ban hành chính sách riêng cụ thể về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng nhưng quan điểm về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chính sách liên quan đến người lao động trong Công ty.

103-3

Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Thông qua các báo cáo về tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu lao động của Công ty dựa trên các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Với các số liệu báo cáo về tình hình nhân sự tại Công ty, có thể thấy Công ty đã thực hiện tốt phương pháp quản trị về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Không có điều chỉnh nào liên quan đến phương pháp quản trị này.

XÃ HỘI

GRI 400

GRI 405

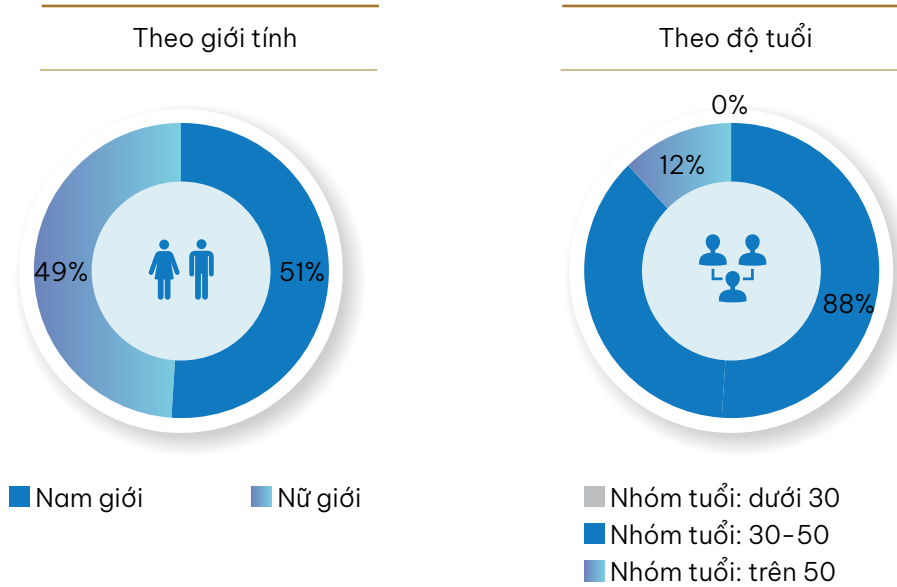
SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG (Tiếp theo)

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

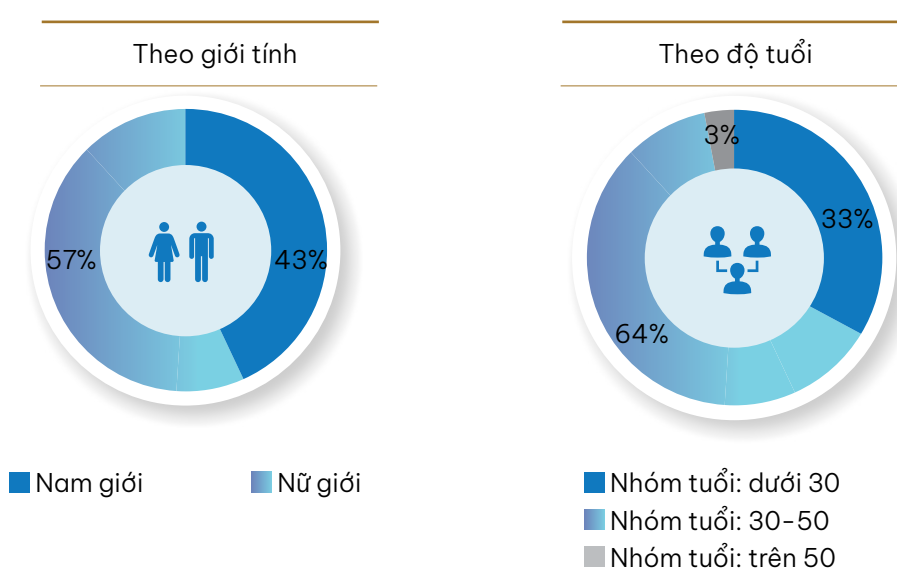
405-1

Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức:



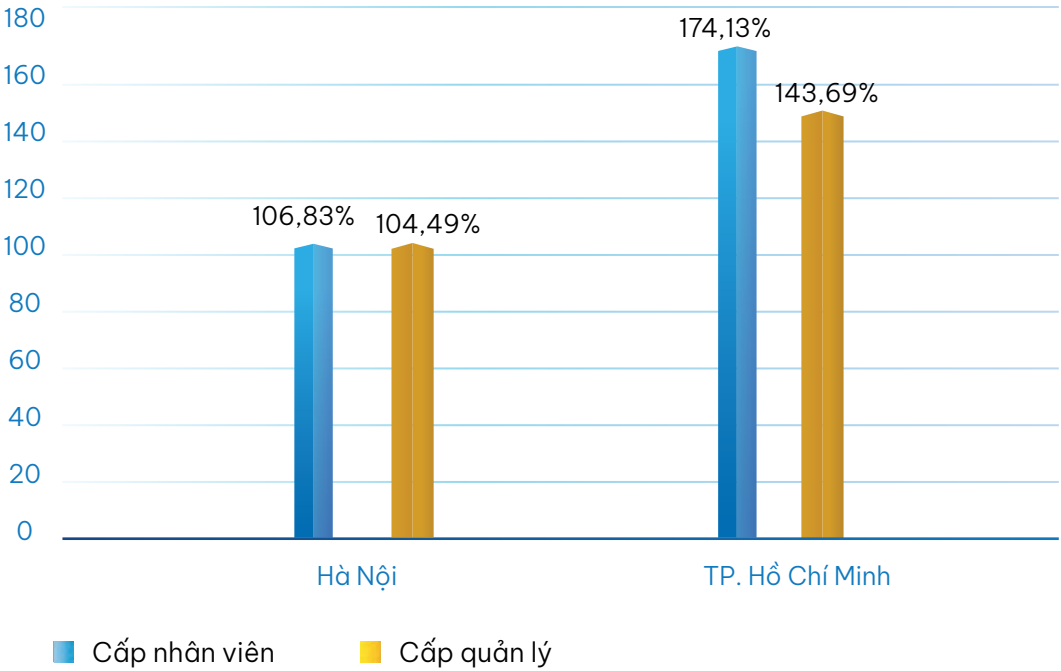
Tỷ lệ phần trăm nhân viên theo phân loại nhân viên:



Các chỉ số đa dạng khác nếu có liên quan, (chẳng hạn như nhóm thiểu số hoặc nhóm dễ bị tổn thương).
Số lượng cán bộ là dân tộc thiểu số: 05 người.

405-2

Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới



Cơ cấu nhân sự tại Công ty phản ánh sự bình đẳng giới khá rõ nét thông qua sự cân bằng giới tính trong cả đội ngũ quản lý và nhân viên. Chính sách lương thưởng của Công ty được ban hành áp dụng chung cho toàn bộ cán bộ nhân viên, không phân biệt giới tính. Theo số liệu báo cáo, tỷ lệ thu nhập của phụ nữ so với nam giới tại Hà Nội và Hồ Chí Minh đều cao hơn. Sự chênh lệch này chủ yếu đến từ thưởng hiệu quả làm việc của cán bộ nữ được xác định dựa trên kết quả doanh thu thực tế mang lại vượt trội hơn so với nam giới trong năm 2024 vừa qua.

Đội ngũ quản lý của BVSC chủ yếu nằm trong nhóm tuổi 30 – 50 tuổi đã giúp Công ty phát huy được tối đa kiến thức, kinh nghiệm của người lao động kết hợp với sự linh hoạt thích ứng với sự thay đổi liên tục của công nghệ và thị trường. Đội ngũ nhân viên có sự đa dạng hơn về độ tuổi. Trong nhiều năm qua, Công ty liên tục đẩy mạnh tuyển dụng đội ngũ nhân sự Gen Z nhằm bổ sung lực lượng nhân sự trẻ tạo dựng nguồn lực kế cận cho Công ty, đồng thời đảm bảo duy trì tỷ lệ cơ cấu nhân sự ổn định khi dần có sự dịch chuyển từ nhóm tuổi dưới 30 tuổi lên nhóm 30 – 50 tuổi sau thời gian gắn bó lâu dài tại Công ty. Bên cạnh đó, BVSC còn ghi nhận sự đa dạng về dân tộc với 05 cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Sự đa dạng và bình đẳng giới trong cơ cấu nhân sự giúp công ty phát huy được những lợi thế về kiến thức, kinh nghiệm, sự sáng tạo và cả những ưu điểm của từng thế hệ góp phần tạo nên bức tranh hài hòa trong doanh nghiệp và động lực phát triển bền vững.



XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Những năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác An sinh xã hội luôn được BVSC quan tâm, coi đó là mục tiêu, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, đồng thời là trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội.

Tại BVSC, các chương trình an sinh xã hội được thực hiện có trọng tâm gắn với những mục tiêu rõ ràng, bao gồm các hoạt động đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ, xóa đói giảm nghèo, khám chữa bệnh, tri ân các anh hùng liệt sỹ. Với vai trò là người đồng hành, BVSC luôn nỗ lực nâng cao trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội.

Nơi phát sinh tác động

Công tác An sinh xã hội được BVSC chia thành 3 nhóm đối tượng chính:

- Đầu tư vào thế hệ tương lai.
- Tri ân gia đình có công với cách mạng.
- Xóa đói giảm nghèo, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ y tế.

Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện các hoạt động thiện nguyện ý nghĩa.

Không có phạm vi giới hạn trong chủ đề này.

103-2 Phương pháp Quản trị và các hợp phần

Công ty quản lý việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội thông qua Công đoàn của Công ty, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực hiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết.

Việc thực hiện chương trình theo phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ.

103-3 Đánh giá về Phương pháp Quản trị

Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị

Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và tổng kết đánh giá sau mỗi chương trình. Ngoài ra công ty ghi nhận tính hiệu quả của các chương trình triển khai thông qua các phản hồi từ các tổ chức đoàn thể cấp trên và thông qua mạng xã hội.

Kết quả đánh giá Phương pháp Quản trị

Việc thực hiện rà soát sau tất cả những chương trình An sinh xã hội hàng năm cũng như ghi nhận những phản hồi từ bên ngoài của Công ty đang thực hiện tốt. Tuy nhiên, Công ty sẽ lên kế hoạch để thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp Quản trị và ban hành trong thời gian tới.

Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp Quản trị

Không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp điều chỉnh trong chủ đề này.





XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (Tiếp theo)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ

Mang hơi ấm đến vùng cao 2024 - năm thứ 13 đồng hành cùng cộng đồng

Chương trình Mang hơi ấm đến vùng cao năm 2024 tiếp tục được thực hiện theo định hướng tập trung vào việc tài trợ các công trình thiết yếu, xây dựng cơ sở vật chất hỗ trợ ổn định cuộc sống cho người dân bên cạnh các hoạt động truyền thống như trao quà, nhu yếu phẩm cho các em học sinh. Chương trình năm 2024 được tổ chức tại trường mầm non xã Xuân Nội, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, bao gồm việc trao tặng kinh phí xây dựng sân khấu và thiết bị trường học, tặng 53 suất quà cho các cháu tại trường mầm non xã Xuân Nội và trao tặng kinh phí hỗ trợ xây chuồng trại theo chủ trương di dời vật nuôi ra khỏi gầm sàn nhà ở cho 3 hộ gia đình & trao tặng kinh phí triển khai 20 cột điện năng lượng mặt trời trong chương trình “*Thắp sáng vùng biên*”.

Cũng trong khuôn khổ chương trình lần này, nhân kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam và 35 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân, BVSC đã có buổi thăm, làm việc và tổ chức chương trình giao lưu với đồn biên phòng cửa khẩu Trà Lĩnh. Tại buổi làm việc, BVSC đã thực hiện trao tặng kinh phí xây dựng công trình kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam cho đồn và hỗ trợ một quân nhân có hoàn cảnh khó khăn hiện đang công tác tại đồn biên phòng Trà Lĩnh.



Tổng kinh phí triển khai toàn bộ chương trình Mang hơi ấm đến vùng cao năm 2024 là hơn **300.000.000** đồng.



Chương trình “Sẻ chia tri thức, xây dựng tương lai” diễn ra tại trường Tiểu học Đông Yên 2, tỉnh Kiên Giang

Trường Tiểu học Đông Yên 2, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là điểm đến tiếp theo cho chương trình “Sẻ chia tri thức, xây dựng tương lai” của BVSC năm thứ 6. Công ty đã tài trợ kinh phí để xây dựng công trình nhà vệ sinh bị xuống cấp trầm trọng, không còn đáp ứng được điều kiện học tập và phát triển toàn diện của các em học sinh, với mong muốn cải thiện môi trường học tập giúp các em có một không gian sạch sẽ và an toàn mang đến niềm vui nho nhỏ mỗi khi đến trường.

Trong chương trình, BVSC cũng đã dành tặng 100 suất quà bao gồm tập vở, đồ dùng học tập và sữa cho các em học sinh. Niềm vui và sự hào hứng của các bạn nhỏ khi nhận quà chính là động lực để chúng tôi dành những điều tốt đẹp nhất để góp phần làm phát triển thêm môi trường giáo dục trên mọi tỉnh thành cả nước.





XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (Tiếp theo)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (Tiếp theo)

CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI (tiếp theo)

ĐẦU TƯ CHO XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÀ HỖ TRỢ Y TẾ

Chương Trình “Xóa nhà tạm, nhà dột nát”

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về chương trình “Xóa nhà tạm, nhà dột nát” trên phạm vi cả nước, Năm 2024, BVSC đã tài trợ kinh phí xây nhà tình nghĩa cho 2 hộ nghèo tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Song song, Công ty triển khai chương trình tham gia đóng góp kinh phí xây dựng 02 căn nhà Khăn Quàng đỏ cho học sinh nghèo vượt khó có khó khăn về nhà ở tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Tổng kinh phí hỗ trợ là khoảng 150.000.000 đồng. Các chương trình này đã góp phần vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo của Chính phủ, giúp người dân nâng cao chất lượng cuộc sống để yên tâm lao động, sản xuất và ổn định đời sống, tạo động lực cho phát triển nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, nâng cao chất lượng hạ tầng dân sinh, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.



BVSC đồng hành cùng “Chuyến xe mùa xuân” năm 2025

BVSC vinh dự đồng hành cùng chương trình “Chuyến xe mùa xuân” trong mùa Tết 2025, mang lại niềm vui, sự ấm áp và hy vọng cho những mảnh đời khó khăn. Chương trình đã hỗ trợ đưa hơn 2.000 sinh viên và người lao động nghèo về quê, về với gia đình trong dịp Tết Nguyên đán 2025. Đây là hoạt động ý nghĩa do Thành Đoàn, Hội Sinh viên Việt Nam TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Hỗ trợ Học sinh, Sinh viên Thành phố phối hợp tổ chức, mang đến thông điệp về tình yêu thương và sức mạnh cộng đồng.

BVSC tự hào là một phần của chương trình, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong chiến lược hoạt động trách nhiệm xã hội. BVSC luôn đồng hành cùng những hoạt động mang giá trị nhân văn, góp phần xây dựng cộng đồng vững mạnh. “Chuyến xe mùa xuân 2025” không chỉ là hành trình về quê, mà là thông điệp về sự sẻ chia, yêu thương và hy vọng, giúp Tết thêm phần trọn vẹn và ý nghĩa.

Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn

Qua các Phương tiện thông tin đại chúng, BVSC biết về hoàn cảnh khó khăn của cháu Lê Anh Đức – 25 tuổi trú tại thôn 4, xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An, trên đường đi làm shipper giao hàng, cháu gặp tai nạn nghiêm trọng ảnh hưởng trực tiếp tới thần kinh và liệt nửa người. Qua tìm hiểu, được biết hoàn cảnh gia đình cháu Lê Anh Đức hết sức khó khăn, chi phí phẫu thuật sọ não và chữa trị lại quá lớn, vượt xa mức chi trả của gia đình. BVSC đã thực hiện ủng hộ 20.000.000 đồng để giúp gia đình cháu trang trải chi phí phẫu thuật, vượt qua giai đoạn hiểm nghèo.

Năm 2024, BVSC tiếp tục đẩy mạnh các chương trình an sinh xã hội với định hướng dài hạn và thường xuyên hơn. Trong đó, Công ty thực hiện hỗ trợ chi phí sinh hoạt hàng tháng cho 03 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, với mức hỗ trợ từ 1.500.000 – 2.000.000 đồng/hộ/tháng. Chương trình không chỉ góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho các hộ gia đình mà còn thể hiện trách nhiệm của BVSC trong việc chung tay vì cộng đồng, thúc đẩy an sinh xã hội trên địa bàn.



XÃ HỘI (Tiếp theo)

XÃ HỘI

GRI 400

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (Tiếp theo)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (Tiếp theo)

CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI (tiếp theo)

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI VÀ MÔI TRƯỜNG

Ủng hộ đồng bào các tỉnh bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3

Siêu bão Yagi (bão số 3) là cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào biển Đông trong suốt 30 năm qua. Đây cũng là một trong những cơn bão mạnh nhất trên thế giới trong năm 2024, đổ bộ trực tiếp vào các tỉnh Bắc Bộ với cường độ rất mạnh, gây thiệt hại nghiêm trọng, nặng nề về người, tài sản, cây trồng, vật nuôi, các hạ tầng kinh tế - xã hội; ảnh hưởng rất lớn đến đời sống vật chất và tinh thần của người dân các tỉnh miền Bắc. Với tinh thần “Tương thân tương ái”, Công ty đã phát động kêu gọi toàn thể cán bộ, nhân viên cùng chung sức hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của cơn bão; chương trình đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ tất cả các thành viên trong công ty.



Tổng số tiền ủng hộ cho đồng bào bị ảnh hưởng bão lũ là **400.000.000** đồng.



TRI ÂN ANH HÙNG LIỆT SỸ, GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI ĐẤT NƯỚC

Thăm hỏi, trao quà tri ân các gia đình có công với Cách mạng tại BVSC

Nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/07/2024, Công ty đã tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến và hy sinh vì độc lập dân tộc. Ban Lãnh đạo Công ty đã trực tiếp đến thăm hỏi và tặng quà các gia đình cán bộ, nhân viên Công ty thuộc diện gia đình có công với Cách mạng.





PHỤ LỤC I:

ĐIỂM YẾU TỔ CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ THEO CAMEL

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2023	Điểm số 2024	Trọng số
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT.	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Giám đốc/Tổng Giám đốc.	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT.	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng Giám đốc.	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó Giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này.	Dưới 5%	60	80	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán.	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động.	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế.	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ.	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả.	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán.	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	100	5%

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2023	Điểm số 2024	Trọng số
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính.	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	100	6%
11	Số năm hoạt động.	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở).	Từ 2% đến dưới 5%	80	80	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin.	Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung.	Nhóm còn lại	50	50	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, tính khả thi cao hoặc có lỗi).	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất.	Từ 5% đến 10%	60	60	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất.	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của Công ty.	4 nghiệp vụ	100	100	5%
Tổng điểm số			90,9	91,7	



PHỤ LỤC II: ĐIỂM YẾU TỔ TÀI CHÍNH THEO CAMEL

STT	Chỉ tiêu Tài chính theo Camel	Tỷ lệ		Áp điểm		Trọng số
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	
1	C1 = VCSH/TTS	38,5%	44,0%	20	20	10%
2	C2 = VCSH/VPĐ	926,8%	990,1%	100	100	10%
3	C3 = TL vốn khả dụng	445,0%	624,0%	100	100	10%
4	A1 = Tỷ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	91,73%	93,21%	100	100	5%
5	A2 = Tỷ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	1,7%	2,4%	80	80	10%
6	A3 = Tỷ lệ các khoản phải thu/TTS	1,1%	1,3%	100	100	10%
7	E1 = LNST/Tổng doanh thu	21,1%	20,1%	100	100	10%
8	E2 = LNST/VCSH bình quân	8,8%	8,3%	70	70	10%
9	L1 = Tỷ lệ TSNH/Nợ NH	155,1%	162,9%	100	100	15%
10	L2 = Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	20,0%	18,7%	80	60	10%
				85	83	

ĐIỂM XẾP LOẠI

Điểm thành phần	Năm 2023	Năm 2024	Trọng số
Điểm cho yếu tố tài chính	85	83	70%
Điểm cho yếu tố quản trị	90,9	91,7	30%
Tổng điểm	86,77	85,61	

ĐIỂM THEO CÁC YẾU TỔ CỦA CAMEL

Điểm các yếu tố	Năm 2023	Năm 2024
C (Mức độ đủ vốn)	73,3	73,3
A (Chất lượng tài sản)	92,0	92,0
M (Quản trị)	90,9	91,7
E (Khả năng sinh lời)	85,0	85,0
L (Chất lượng thanh khoản)	92,0	84,0

Kết hợp cả 02 yếu tố tài chính và quản trị, Công ty được xếp loại A do tổng điểm xếp loại của Công ty đạt 85,61 điểm, đáp ứng tiêu chí tổng điểm từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65 điểm.

Ghi chú:

XẾP LOẠI A: Tổng điểm xếp loại của Công ty từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65.

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.475.372.532.349 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lại Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Quang Vũ	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 12816353/E-67864409

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 212 đến trang 281, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samon Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.080.994.655.407	5.691.052.871.904
110	I. Tài sản tài chính		5.074.653.021.947	5.685.004.391.109
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	167.854.336.536	2.052.691.669
111.1	1.1 Tiền		167.854.336.536	2.052.691.669
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	416.563.567.584	732.923.202.409
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	860.549.280.822	1.605.722.510.956
114	4. Các khoản cho vay	7.4	3.503.735.501.065	3.209.226.686.823
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	164.918.492.047	149.585.337.067
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(109.653.683.194)	(79.020.181.829)
117	7. Các khoản phải thu	8	57.967.118.793	37.205.282.824
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		22.650.925.000	2.571.494.400
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		35.316.193.793	34.633.788.424
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		35.316.193.793	34.633.788.424
118	8. Trả trước cho người bán	8	10.152.924.445	23.593.387.159
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	8.986.931.664	9.337.005.117
122	10. Các khoản phải thu khác	8	13.048.922.259	13.007.247.485
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(19.470.370.074)	(18.628.778.571)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	6.341.633.460	6.048.480.795
131	1. Tạm ứng		205.700.000	292.400.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		155.779.000	34.509.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.914.154.460	5.670.141.509
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		66.000.000	22.820.908
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	28.609.378
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		547.665.110.380	325.366.889.398
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		471.214.589.773	275.469.505.832
212	1. Các khoản đầu tư		474.155.973.773	278.410.889.832
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	302.597.007.664	102.040.989.518
212.4	1.2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	171.558.966.109	176.369.900.314
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)
220	II. Tài sản cố định		19.663.795.172	18.834.225.848
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.743.292.692	13.909.361.182
222	1.1. Nguyên giá		51.080.662.613	48.778.169.938
223a	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(39.337.369.921)	(34.868.808.756)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	7.920.502.480	4.924.864.666
228	2.1. Nguyên giá		27.185.516.090	22.526.241.090
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(19.265.013.610)	(17.601.376.424)
250	III. Tài sản dài hạn khác		56.786.725.435	31.063.157.718
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.176.565.237	2.555.962.800
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	33.399.650.083	7.516.914.387
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	21.210.510.115	20.990.280.531
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.628.659.765.787	6.016.419.761.302

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.153.287.233.438	3.699.502.989.209
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.118.981.333.079	3.670.425.711.302
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		2.908.548.369.811	3.358.260.821.143
312	1.1. Vay ngắn hạn	14	2.908.548.369.811	3.358.260.821.143
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	4.686.958.543	6.198.777.730
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	11.259.867.371	2.997.412.058
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		21.326.000.000	19.787.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	22.189.529.933	19.565.955.520
323	6. Phải trả người lao động		113.102.490.705	121.001.044.068
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.682.252.723	1.619.076.205
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	21.478.614.332	22.590.478.124
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	49.051.861
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19	2.827.318.436	59.480.267.862
330	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	44.000.000.000
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.879.931.225	14.875.826.731
340	II. Nợ phải trả dài hạn		34.305.900.359	29.077.277.907
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	34.305.900.359	29.077.277.907
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.475.372.532.349	2.316.916.772.093
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.475.372.532.349	2.316.916.772.093
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000
411.1a	1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	28	103.417.376.339	82.371.389.459
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20	59.379.106.210	59.379.106.210
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20	59.379.106.210	59.379.106.210
416	5. Quỹ đầu tư phát triển	20	111.398.413.642	64.107.298.271
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối		809.702.675.728	719.584.017.723
417.1	6.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		788.784.464.886	692.194.789.215
417.2	6.2. Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		20.918.210.842	27.389.228.508
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.628.659.765.787	6.016.419.761.302

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B01-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	3. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của CTCK (VND)	21.1	251.061.040.000	581.055.440.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	21.2	214.580.000	535.780.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	21.3	300.000.000	964.000.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	21.4	491.849.222.900	176.585.180.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	21.5	30.822.487.644.000	25.493.440.265.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)		27.240.925.454.000	20.597.246.345.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)		247.273.460.000	250.593.860.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)		2.951.023.610.000	4.245.857.430.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND)		111.507.010.000	96.724.200.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)		271.758.110.000	303.018.430.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	21.6	155.046.150.000	263.761.150.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)		36.783.150.000	141.147.710.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)		118.263.000.000	122.613.440.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		255.117.898.000	296.612.165.200
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		661.322.300.000	1.061.028.300.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng (VND)		938.847.666.218	1.089.386.805.836
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.7	530.836.444.058	340.173.685.859
028	b. Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	21.7	395.900.015.767	703.169.849.306
030	c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		12.111.206.393	46.043.270.671

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.8	926.765.480.460	1.046.582.237.539
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		906.421.210.233	1.037.162.759.290
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		20.344.270.227	9.419.478.249
032	7. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		2.034.576.639	35.148.112.639
033	8. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính (VND)	21.7	-	2.716.986.461
035	9. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		10.047.609.119	10.373.442.119

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTCK

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		185.911.798.747	140.549.398.660
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	52.622.524.659	30.423.208.943
01.2	1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	44.113.830.678	66.003.993.616
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.3	89.175.443.410	44.122.196.101
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22.3	52.740.536.523	68.220.441.026
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.3	410.734.387.121	330.266.727.544
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	22.3	8.838.018.000	11.057.027.000
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	22.4	318.591.880.347	307.765.343.020
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	22.4	-	2.479.950
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	22.4	-	400.000.000
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	22.4	6.856.900.965	7.196.120.899
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	22.4	3.473.613.635	1.802.550.000
11	10. Thu nhập hoạt động khác	22.4	3.408.700.771	3.233.748.107
20	Cộng doanh thu hoạt động		990.555.836.109	870.493.836.206
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(136.546.969.499)	(81.423.663.295)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	(85.929.246.886)	(58.368.273.667)
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	(50.617.722.613)	(23.055.389.628)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	23	(30.633.501.365)	(4.988.971.823)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(3.470.305.948)	(3.133.703.993)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(263.491.214.050)	(296.676.671.622)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(19.572.919.080)	(17.369.078.264)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(9.079.808.738)	(10.227.459.864)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác		(15.056.454.457)	(16.078.850.743)
40	Cộng chi phí hoạt động		(477.851.173.137)	(429.898.399.604)
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		3.686.342	-
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		2.207.894.912	64.989.249.921
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		2.211.581.254	64.989.249.921

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	(12.363)
52	2. Chi phí lãi vay	24	(134.926.880.166)	(123.350.587.766)
60	Cộng chi phí tài chính		(134.926.880.166)	(123.350.600.129)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	25	(138.944.723.607)	(144.149.170.291)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		241.044.640.453	238.084.916.103
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác	26	638.965.997	421.170.395
72	2. Chi phí khác	26	(754.016.714)	(606.452.680)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(115.050.717)	(185.282.285)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		240.929.589.736	237.899.633.818
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		247.433.481.671	194.951.029.830
92	2. (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện		(6.503.891.935)	42.948.603.988
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	27	(40.975.728.123)	(40.036.137.403)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(41.008.602.392)	(35.173.922.083)
100.2	2. Thu nhập/(Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.2	32.874.269	(4.862.215.320)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		199.953.861.613	197.863.496.415
Trong đó:				
Lợi nhuận thực hiện sau thuế			206.424.879.279	159.777.107.747
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	28	21.045.986.880	23.135.074.287
301	Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		21.045.986.880	23.135.074.287
400	Tổng thu nhập toàn diện		21.045.986.880	23.135.074.287
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	30.2	2.688	2.080

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền chi mua các tài sản tài chính		(140.971.876.367.728)	(120.260.663.946.436)
02	2. Tiền thu từ bán các tài sản tài chính		141.481.801.356.105	118.639.504.412.691
04	3. Cổ tức đã nhận		70.519.147.087	37.334.818.832
05	4. Tiền lãi đã thu		484.507.479.347	397.004.135.245
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(87.686.641.206)	(76.729.142.327)
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK		(70.977.455.615)	(65.751.054.613)
08	7. Tiền chi trả cho người lao động		(254.225.093.459)	(219.653.149.037)
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK		(208.927.117.778)	(199.482.723.279)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.431.346.608.066	13.395.267.514.580
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.289.601.468.557)	(13.257.499.189.610)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		584.880.446.262	(1.610.668.323.954)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác		(6.961.767.675)	(7.770.258.066)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác		-	250.900.000
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.961.767.675)	(7.519.358.066)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay gốc		10.412.120.000.000	16.820.908.753.611
33.2	1.1. Tiền vay khác		10.412.120.000.000	16.820.908.753.611
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.767.600.000.000)	(15.279.188.584.869)
34.3	2.1. Tiền chi trả gốc vay khác		(10.767.600.000.000)	(15.279.188.584.869)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(56.637.033.720)	(71.009.113.270)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(412.117.033.720)	1.470.711.055.472
50	IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		165.801.644.867	(147.476.626.548)
60	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	2.052.691.669	149.529.318.217
61	Tiền		2.052.691.669	149.529.318.217
70	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	167.854.336.536	2.052.691.669
71	Tiền		167.854.336.536	2.052.691.669

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		95.632.140.848.316	95.626.482.483.751
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(92.136.133.807.140)	(91.922.938.059.971)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		17.416.053.409.759	18.567.332.622.706
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(6.622.343.641)	(5.196.283.345)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.647.772.577.611	2.670.539.173.989
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.610.692.319.466)	(2.669.509.634.580)
	7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		123.251.264.421.722	121.532.704.929.125
	8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		(144.344.321.926.779)	(143.731.810.350.799)
20	(Giảm)/Tăng tiền thuần trong năm		(150.539.139.618)	67.604.880.876
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	21.7	1.089.386.805.836	1.021.781.924.960
32	• Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		340.173.685.859	455.008.406.883
34	• Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng		703.169.849.306	555.024.350.334
35	• Tiền gửi của Tổ chức phát hành		46.043.270.671	11.749.167.743

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	21.7	938.847.666.218	1.089.386.805.836
42	• Tiền gửi của đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		530.836.444.058	340.173.685.859
43	• Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		395.900.015.767	703.169.849.306
45	• Tiền gửi của Tổ chức phát hành		12.111.206.393	46.043.270.671

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2023	Ngày 01/01/2024 (trình bày lại)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31/12/2023 (trình bày lại)	Ngày 31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220	-	-	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
1.3 Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)	-	-	-	-	(496.682.500)	(496.682.500)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		59.379.106.210	59.379.106.210	-	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		59.379.106.210	59.379.106.210	-	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
4. Quỹ đầu tư phát triển		-	64.107.298.271	64.107.298.271	-	47.291.115.371	-	64.107.298.271	111.398.413.642
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	28	59.236.315.172	82.371.389.459	41.815.096.967	(18.680.022.680)	42.050.485.372	(21.004.498.492)	82.371.389.459	103.417.376.339
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	12.363	(12.363)	1.215.797	(1.215.797)	-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối		670.849.424.233	719.584.017.723	197.863.496.415	(149.128.902.925)	206.424.879.279	(116.306.221.274)	719.584.017.723	809.702.675.728
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		681.546.584.393	692.194.789.215	159.777.107.747	(149.128.902.925)	206.424.879.279	(109.835.203.608)	692.194.789.215	788.784.464.886
7.2 (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		(10.697.160.160)	27.389.228.508	38.086.388.668	-	-	(6.471.017.666)	27.389.228.508	20.918.210.842
TỔNG CỘNG		2.180.939.806.045	2.316.916.772.093	303.785.904.016	(167.808.937.968)	295.767.695.819	(137.311.935.563)	2.316.916.772.093	2.475.372.532.349

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2023	Ngày 01/01/2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31/12/2023	Ngày 31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	28	59.236.315.172	82.371.389.459	41.815.096.967	(18.680.022.680)	42.050.485.372	(21.004.498.492)	82.371.389.459	103.417.376.339
TỔNG CỘNG		59.236.315.172	82.371.389.459	41.815.096.967	(18.680.022.680)	42.050.485.372	(21.004.498.492)	82.371.389.459	103.417.376.339

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Bà Vũ Thị Thủy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Hội sở	Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1	94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công	Tầng 10, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
5. Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch Cao Thắng	Tầng 2, tòa nhà Đô Thành, số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu	Tầng G, Tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.475.372.532.349 VND, tổng tài sản là 5.628.659.765.787 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c,d,e đã nêu ở trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

(a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty;
- Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, trừ trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy. Trường hợp này, tài sản tài chính AFS sẽ tiếp tục được hạch toán theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá;
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UpCom”) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UpCom”) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 (“Thông tư 24”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
Tài sản khác	03 - 05 năm

4.13 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (01) đến năm (05) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.15 Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (“các hợp đồng mua lại”) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.16 Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.17 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

- Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (17% trong giai đoạn 12 tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 68 ngày 01 tháng 7 năm 2021) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.19.2 Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc và mất việc

- Bảo hiểm thất nghiệp: Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.
- Trợ cấp thôi việc: Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ – Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.
- Trợ cấp mất việc làm: Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu.

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.
- Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.27 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.30 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	167.854.336.536	2.052.691.669
Tiền mặt tại quỹ	76.867.494	62.415.438
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	167.777.469.042	1.990.276.231
TỔNG CỘNG	167.854.336.536	2.052.691.669

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Của Công ty		
Cổ phiếu	210.353.278	6.320.104.660.581
Trái phiếu	83.417.315	10.218.966.251.116
Chứng khoán khác	1.210.000	26.349.405.369
TỔNG CỘNG	294.980.593	16.565.420.317.066
2. Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	9.400.535.657	221.002.203.440.385
Trái phiếu	42.757.877	5.963.690.935.405
Chứng khoán khác	121.664.770	1.352.397.036.980
TỔNG CỘNG	9.564.958.304	228.318.291.412.770

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	238.099.845.216	257.888.984.770	195.203.695.970	225.213.953.530
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.688.655.127	2.456.516.211	1.534.743.168	1.182.451.715
Chứng chỉ quỹ	65.240.346.725	75.053.113.200	57.725.055.759	63.940.748.700
Trái phiếu niêm yết	-	-	50.983.100.000	50.983.100.000
Trái phiếu chưa niêm yết	81.164.953.403	81.164.953.403	391.602.948.464	391.602.948.464
TỔNG CỘNG	387.193.800.471	416.563.567.584	697.049.543.361	732.923.202.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/Giá trị thuần VND
NGẮN HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	16.576.432.682	81.439.670.000	81.439.670.000	16.576.432.682	65.607.010.000	65.607.010.000
Chứng chỉ quỹ	16.576.432.682	81.439.670.000	81.439.670.000	16.576.432.682	65.607.010.000	65.607.010.000
Ghi nhận theo giá gốc	83.478.822.047	83.478.822.047	32.728.401.392	83.978.327.067	83.978.327.067	30.923.483.472
Đầu tư tự doanh khác	13.123.117.619	13.123.117.619	-	13.623.117.619	13.623.117.619	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	70.355.704.428	70.355.704.428	32.728.401.392	70.355.209.448	70.355.209.448	30.923.483.472
TỔNG CỘNG	100.055.254.729	164.918.492.047	114.168.071.392	100.554.759.749	149.585.337.067	96.530.493.472

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/Giá trị thuần (*) VND
DÀI HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	93.000.000.000	157.408.483.109	157.408.483.109	108.285.757.806	162.219.417.314	162.219.417.314
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	15.285.757.806	21.883.151.450	21.883.151.450
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	157.408.483.109	157.408.483.109	93.000.000.000	140.336.265.864	140.336.265.864
Ghi nhận theo giá gốc	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000
TỔNG CỘNG	107.150.483.000	171.558.966.109	168.617.582.109	122.436.240.806	176.369.900.314	173.428.516.314

(*) Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	860.549.280.822	1.605.722.510.956
Dài hạn		
Trái phiếu tổ chức tín dụng (**)	302.597.007.664	102.040.989.518
TỔNG CỘNG	1.163.146.288.486	1.707.763.500.474

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn còn lại từ ba (03) tháng đến một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,9%/năm; và được dùng toàn bộ để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(**)Các trái phiếu tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn còn lại từ bảy (07) năm đến tám (08) năm và được hưởng lãi suất từ 5,78%/năm đến 5,88%/năm; và được dùng toàn bộ để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay margin (*)	2.949.435.728.483	2.708.111.871.986
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	554.299.772.582	501.114.814.837
TỔNG CỘNG	3.503.735.501.065	3.209.226.686.823

(*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 10.214.284.611.750 VND và 5.411.890.156.213 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
Tài sản tài chính FVTPL								
Cổ phiếu niêm yết	238.099.845.216	32.439.014.894	(12.649.875.340)	257.888.984.770	195.203.695.970	35.718.708.817	(5.708.451.257)	225.213.953.530
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.688.655.127	6.000.000	(238.138.916)	2.456.516.211	1.534.743.168	12.104.000	(364.395.453)	1.182.451.715
Chứng chỉ quỹ	65.240.346.725	9.812.766.475	-	75.053.113.200	57.725.055.759	6.691.339.891	(475.646.950)	63.940.748.700
Trái phiếu	81.164.953.403	-	-	81.164.953.403	442.586.048.464	-	-	442.586.048.464
TỔNG CỘNG	387.193.800.471	42.257.781.369	(12.888.014.256)	416.563.567.584	697.049.543.361	42.422.152.708	(6.548.493.660)	732.923.202.409

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
Tài sản tài chính AFS								
Ngắn hạn	100.055.254.729	64.863.237.318	-	164.918.492.047	100.554.759.749	49.030.577.318	-	149.585.337.067
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Chứng chỉ quỹ	16.576.432.682	64.863.237.318	-	81.439.670.000	16.576.432.682	49.030.577.318	-	65.607.010.000
Ghi nhận theo giá gốc								
Đầu tư tự doanh khác	13.123.117.619	-	-	13.123.117.619	13.623.117.619	-	-	13.623.117.619
Cổ phiếu chưa niêm yết	70.355.704.428	-	-	70.355.704.428	70.355.209.448	-	-	70.355.209.448
Dài hạn	107.150.483.000	64.408.483.109	-	171.558.966.109	122.436.240.806	53.933.659.508	-	176.369.900.314
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	15.285.757.806	6.597.393.644	-	21.883.151.450
Chứng chỉ quỹ	93.000.000.000	64.408.483.109	-	157.408.483.109	93.000.000.000	47.336.265.864	-	140.336.265.864
Ghi nhận theo giá gốc								
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.483.000	-	-	14.150.483.000	14.150.483.000	-	-	14.150.483.000
TỔNG CỘNG	207.205.737.729	129.271.720.427	-	336.477.458.156	222.991.000.555	102.964.236.826	-	325.955.237.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	109.653.683.194	79.020.181.829
Các khoản cho vay	27.835.262.539	25.965.338.234
- Cho vay margin	27.835.262.539	25.965.338.234
Các tài sản tài chính FVTPL	31.068.000.000	-
- Trái phiếu	31.068.000.000	-
Các tài sản tài chính AFS	50.750.420.655	53.054.843.595
- Cổ phiếu chưa niêm yết	37.627.303.036	39.431.725.976
- Đầu tư tự doanh khác	13.123.117.619	13.623.117.619
Dài hạn	2.941.384.000	2.941.384.000
Các tài sản tài chính AFS	2.941.384.000	2.941.384.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	2.941.384.000	2.941.384.000
TỔNG CỘNG	112.595.067.194	81.961.565.829

7.7 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước (VND)	Mức (trích lập)/hoàn nhập năm nay (VND)
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán (VND)	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND)		
I	HTM	2.106	1.163.146.288.486	1.163.146.288.486	-	-
1	Hợp đồng tiền gửi	6	860.549.280.822	860.549.280.822	-	-
2	Trái phiếu tổ chức tín dụng	2.100	302.597.007.664	302.597.007.664	-	-
II	Tài sản tài chính cho vay		3.503.735.501.065	3.475.900.238.526	(27.835.262.539)	(25.965.338.234)
1	Phải thu khách hàng về giao dịch margin		2.949.435.728.483	2.921.600.465.944	(27.835.262.539)	(25.965.338.234)
2	Các khoản cho vay ứng trước		554.299.772.582	554.299.772.582	-	-
III	FVTPL	193.068	31.068.000.000	-	(31.068.000.000)	-
1	Trái phiếu	193.068	31.068.000.000	-	(31.068.000.000)	-
IV	AFS	9.094.003	97.629.305.047	43.937.500.392	(53.691.804.655)	(55.996.227.595)
1	Ngắn hạn	7.055.985	83.478.822.047	32.728.401.392	(50.750.420.655)	(53.054.843.595)
	Đầu tư tự doanh khác		13.123.117.619	-	(13.123.117.619)	(13.623.117.619)
	Cổ phiếu	7.055.985	70.355.704.428	32.728.401.392	(37.627.303.036)	(39.431.725.976)
	- Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	975.000	24.000.000.000	18.059.925.000	(5.940.075.000)	(8.601.825.000)
	- Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBland	4.800.000	28.800.000.000	8.016.000.000	(20.784.000.000)	(20.784.000.000)
	- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô 3-2	240.000	4.680.000.000	-	(4.680.000.000)	(4.680.000.000)
	- Khác	1.040.985	12.875.704.428	6.652.476.392	(6.223.228.036)	(5.365.900.976)
2	Dài hạn	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)
	Cổ phiếu	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)
	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu (GPINVEST)	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)
	TỔNG CỘNG		4.795.579.094.598	4.682.984.027.404	(112.595.067.194)	(81.961.565.829)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	22.650.925.000	2.571.494.400
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	35.316.193.793	34.633.788.424
<i>Cổ tức, lãi trái phiếu doanh nghiệp</i>	<i>7.347.831.800</i>	<i>8.754.627.065</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi</i>	<i>49.431.974</i>	<i>171.065.745</i>
<i>Dự thu lãi margin</i>	<i>27.918.930.019</i>	<i>25.708.095.614</i>
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8.986.931.664	9.337.005.117
Phải thu khác	13.048.922.259	13.007.247.485
	80.002.972.716	59.549.535.426
Trả trước cho người bán	10.152.924.445	23.593.387.159
<i>Công ty TNHH Nam Nhất</i>	<i>2.800.000.000</i>	<i>2.800.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây Dựng PHCONS</i>	<i>1.699.357.801</i>	<i>11.273.790.249</i>
<i>Khác</i>	<i>5.653.566.644</i>	<i>9.519.596.910</i>
	10.152.924.445	23.593.387.159
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán (*)	(19.470.370.074)	(18.628.778.571)
TỔNG CỘNG	70.685.527.087	64.514.144.014

(*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2024	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	20.784.907.522	18.628.778.571	891.591.503	50.000.000	19.470.370.074
Các khoản phải thu	17.984.907.522	15.828.778.571	891.591.503	50.000.000	16.670.370.074
Khách hàng H_CN1013	1.685.000.000	1.685.000.000	-	-	1.685.000.000
Khách hàng H_CN1022	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Khách hàng H_CN1012	1.780.000.000	1.780.000.000	-	-	1.780.000.000
Khác	10.519.907.522	8.363.778.571	891.591.503	50.000.000	9.205.370.074
Trả trước cho người bán	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
Công ty TNHH Nam Nhất	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
TỔNG CỘNG	20.784.907.522	18.628.778.571	891.591.503	50.000.000	19.470.370.074

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Tạm ứng	205.700.000	292.400.000
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	155.779.000	34.509.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.914.154.460	5.670.141.509
<i>- Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên</i>	<i>938.181.978</i>	<i>810.354.169</i>
<i>- Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm</i>	<i>4.010.191.511</i>	<i>951.283.804</i>
- Khác	965.780.971	3.908.503.536
Khác	66.000.000	51.430.286
TỔNG CỘNG	6.341.633.460	6.048.480.795

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	40.312.940.774	8.121.639.444	286.819.160	56.770.560	48.778.169.938
Mua trong năm	1.349.799.840	-	639.334.075	313.358.760	2.302.492.675
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	41.662.740.614	8.121.639.444	926.153.235	370.129.320	51.080.662.613
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	31.088.923.684	3.540.697.316	182.417.196	56.770.560	34.868.808.756
Khấu hao trong năm	3.302.038.862	982.907.496	140.937.654	42.677.153	4.468.561.165
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	34.390.962.546	4.523.604.812	323.354.850	99.447.713	39.337.369.921
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	9.224.017.090	4.580.942.128	104.401.964	-	13.909.361.182
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.271.778.068	3.598.034.632	602.798.385	270.681.607	11.743.292.692

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 26.095.701.956 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 24.439.833.552 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	19.558.452.834	2.967.788.256	22.526.241.090
Tăng trong năm	4.659.275.000	-	4.659.275.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	24.217.727.834	2.967.788.256	27.185.516.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	14.633.588.168	2.967.788.256	17.601.376.424
Hao mòn trong năm	1.663.637.186	-	1.663.637.186
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	16.297.225.354	2.967.788.256	19.265.013.610
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	4.924.864.666	-	4.924.864.666
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.920.502.480	-	7.920.502.480

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.815.551.090 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 13.449.551.090 VND).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí vật dụng văn phòng	5.433.195.463	3.876.038.816
Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng	26.627.291.320	860.954.116
Chi phí công nghệ thông tin và bản quyền phần mềm	1.281.634.582	2.635.104.295
Khác	57.528.718	144.817.160
TỔNG CỘNG	33.399.650.083	7.516.914.387

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	20.865.708.899
Tiền lãi đã nhận trong năm	(865.708.899)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	990.280.531
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	20.990.280.531
Tiền lãi đã nhận trong năm	(990.280.531)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	1.210.510.115
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	21.210.510.115

14. VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngân hàng (*)	Dưới 6,6	2.537.900.000.000	10.412.120.000.000	10.767.600.000.000	2.182.420.000.000
Vay trong nước:					
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		1.087.900.000.000	767.700.000.000	1.557.600.000.000	298.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải		300.000.000.000	1.764.000.000.000	1.769.000.000.000	295.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh		-	600.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		200.000.000.000	584.000.000.000	400.000.000.000	384.000.000.000
- Các ngân hàng khác		950.000.000.000	6.549.220.000.000	6.741.000.000.000	758.220.000.000
Vay nước ngoài:					
- Ngân hàng Hua Nan		-	147.200.000.000	-	147.200.000.000
Vay các đối tượng khác	Dưới 7,1	820.360.821.143	3.606.576.741.063	3.700.809.192.395	726.128.369.811
TỔNG CỘNG		3.358.260.821.143	14.018.696.741.063	14.468.409.192.395	2.908.548.369.811

(*) Các khoản vay ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, bao gồm vay thấu chi và vay có tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi, trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	4.054.479.137	5.535.176.103
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	632.479.406	663.601.627
TỔNG CỘNG	4.686.958.543	6.198.777.730

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan	754.650.473	2.287.112.674
Phải trả chi phí sửa chữa văn phòng	8.377.519.658	-
Phải trả chi phí mua quà tết	-	319.772.740
Phải trả khác	2.127.697.240	390.526.644
TỔNG CỘNG	11.259.867.371	2.997.412.058

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”)	11.458.985.240	158.705.991.522	(160.377.618.212)	9.787.358.550
	- Cửa nhân viên Công ty	2.599.863.862	48.090.418.474	(48.195.243.737)	2.495.038.599
	- Cửa nhà đầu tư cá nhân	8.859.121.378	110.615.573.048	(112.182.374.475)	7.292.319.951
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 27.1)	6.326.272.325	41.008.602.392	(35.626.421.868)	11.708.452.849
3	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	287.472.009	233.646.846	(469.100.434)	52.018.421
4	Các loại thuế khác	1.493.225.946	10.433.888.722	(11.285.414.555)	641.700.113
	TỔNG CỘNG	19.565.955.520	210.382.129.482	(207.758.555.069)	22.189.529.933

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả chi phí hoạt động môi giới	948.156.038	1.336.734.007
Phải trả phí dịch vụ mua ngoài	970.505.527	458.166.447
Phải trả tiền lãi vay ngân hàng	3.838.128.876	4.312.605.481
Phải trả tiền lãi cho tổ chức và cá nhân khác	15.721.823.891	16.482.972.189
TỔNG CỘNG	21.478.614.332	22.590.478.124

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả hợp đồng quản lý tiền gửi	-	38.816.886.306
Phải trả khác	2.827.318.436	20.663.381.556
TỔNG CỘNG	2.827.318.436	59.480.267.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 (trình bày lại)	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	64.107.298.271	82.371.389.459	719.584.017.723	2.316.916.772.093
Cổ tức trả cho chủ sở hữu (*)	-	-	-	-	-	-	-	(57.760.116.000)	(57.760.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	-	(9.458.223.074)	(9.458.223.074)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	47.291.115.371	-	(47.291.115.371)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	-	199.953.861.613	199.953.861.613
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	-	21.045.986.880	-	21.045.986.880
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	4.674.250.837	4.674.250.837
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	111.398.413.642	103.417.376.339	809.702.675.728	2.475.372.532.349

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23 tháng 4 năm 2024 về phương án sử dụng lợi nhuận năm 2023, Công ty trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 47.291.115.371 VND và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị số tiền 9.458.223.074 VND, ngoài ra Công ty sẽ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 là 8% (800 VND/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 722.001.450.000 VND, tương đương với số tiền 57.760.116.000 VND, việc chi trả cổ tức đã được thực hiện trong tháng 10 năm 2024.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	-	59.236.315.172	670.849.424.233	2.180.939.806.045
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(72.200.145.000)	(72.200.145.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	(12.821.459.654)	(12.821.459.654)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	64.107.298.271	-	(64.107.298.271)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	-	197.863.496.415	197.863.496.415
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	-	23.135.074.287	-	23.135.074.287
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	64.107.298.271	82.371.389.459	719.584.017.723	2.316.916.772.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Số lượng cổ phần (*) Đơn vị	Giá trị (*) VND	Tỷ lệ sở hữu %
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
TỔNG CỘNG	72.200.145	722.001.450.000	100,0%

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	33.792	33.792
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	72.200.145	72.200.145

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

21.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	228.209.040.000	580.327.440.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	152.000.000	152.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	22.700.000.000	576.000.000
TỔNG CỘNG	251.061.040.000	581.055.440.000

21.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	214.580.000	535.780.000
TỔNG CỘNG	214.580.000	535.780.000

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

21.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	300.000.000	964.000.000
TỔNG CỘNG	300.000.000	964.000.000

21.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	75.551.830.000	84.585.180.000
Chứng chỉ quỹ	103.229.392.900	92.000.000.000
Trái phiếu	313.068.000.000	-
TỔNG CỘNG	491.849.222.900	176.585.180.000

21.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	27.240.925.454.000	20.597.246.345.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	247.273.460.000	250.593.860.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.951.023.610.000	4.245.857.430.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	111.507.010.000	96.724.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	271.758.110.000	303.018.430.000
TỔNG CỘNG	30.822.487.644.000	25.493.440.265.000

21.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	36.783.150.000	141.147.710.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	118.263.000.000	122.613.440.000
TỔNG CỘNG	155.046.150.000	263.761.150.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

21.7 Tiền gửi và phải thu của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	530.836.444.058	340.173.685.859
- Của Nhà đầu tư trong nước	521.520.620.275	330.834.741.798
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	9.315.823.783	9.338.944.061
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng	395.900.015.767	703.169.849.306
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	12.111.206.393	46.043.270.671
Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	-	2.716.986.461
TỔNG CỘNG	938.847.666.218	1.092.103.792.297

21.8 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	906.421.210.233	1.037.162.759.290
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	20.344.270.227	9.419.478.249
TỔNG CỘNG	926.765.480.460	1.046.582.237.539

21.9 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	1.505.540.935	1.598.026.360
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	997.986.672	1.060.480.609
TỔNG CỘNG	2.503.527.607	2.658.506.969

21.10 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nghiệp vụ margin	2.977.354.658.502	2.733.819.967.600
Phải trả gốc margin (Thuyết minh 7.4)	2.949.435.728.483	2.708.111.871.986
- Của Nhà đầu tư trong nước	2.949.435.728.483	2.708.111.871.986
Phải trả lãi margin	27.918.930.019	25.708.095.614
- Của Nhà đầu tư trong nước	27.918.930.019	25.708.095.614
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng tiền trước bán chứng khoán (Thuyết minh 7.4)	554.299.772.582	501.114.814.837
- Của Nhà đầu tư trong nước	554.299.772.582	501.114.814.837
TỔNG CỘNG	3.531.654.431.084	3.234.934.782.437

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

22.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN				
1	Cổ phiếu niêm yết	1.480.784.654.569	1.443.717.629.892	37.067.024.677	16.121.455.693
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	92.387.329.426	89.013.816.028	3.373.513.398	60.640.800
3	Chứng chỉ quỹ	14.213.660.000	13.193.343.063	1.020.316.937	273.835.646
4	Trái phiếu niêm yết	830.071.800.000	829.907.370.000	164.430.000	990.200.000
5	Trái phiếu chưa niêm yết	565.747.471.209	557.875.996.352	7.871.474.857	10.263.608.218
6	Chứng chỉ tiền gửi	9.134.393.007.594	9.131.267.242.804	3.125.764.790	2.713.468.586
	TỔNG CỘNG	12.117.597.922.798	12.064.975.398.139	52.622.524.659	30.423.208.943
II	LỖ BÁN				
1	Cổ phiếu niêm yết	1.487.334.015.504	1.552.829.349.552	(65.495.334.048)	(43.696.545.930)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	55.825.237.400	61.006.916.642	(5.181.679.242)	(582.404.366)
3	Chứng chỉ quỹ	-	-	-	(3.471.803.087)
4	Trái phiếu niêm yết	3.519.263.140.000	3.524.289.750.000	(5.026.610.000)	(4.428.300.000)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	271.250.902.710	281.416.915.906	(10.166.013.196)	(6.189.220.284)
6	Chứng chỉ tiền gửi	104.349.527.800	104.409.138.200	(59.610.400)	-
	TỔNG CỘNG	5.438.022.823.414	5.523.952.070.300	(85.929.246.886)	(58.368.273.667)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

22.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)
I LOẠI FVTPL								
1	Cổ phiếu niêm yết	238.099.845.216	257.888.984.770	19.789.139.554	30.010.257.560	(10.221.118.006)	30.425.758.485	(40.646.876.491)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.688.655.127	2.456.516.211	(232.138.916)	(352.291.453)	120.152.537	1.533.427.909	(1.413.275.372)
3	Chứng chỉ quỹ	65.240.346.725	75.053.113.200	9.812.766.475	6.215.692.941	3.597.073.534	12.154.644.284	(8.557.570.750)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	81.164.953.403	81.164.953.403	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		387.193.800.471	416.563.567.584	29.369.767.113	35.873.659.048	(6.503.891.935)	44.113.830.678	(50.617.722.613)
II LOẠI AFS								
Ngắn hạn		16.576.432.682	81.439.670.000	64.863.237.318	49.030.577.318	15.832.660.000	15.832.660.000	-
1	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	81.439.670.000	64.863.237.318	49.030.577.318	15.832.660.000	15.832.660.000	-
Dài hạn		93.000.000.000	157.408.483.109	64.408.483.109	53.933.659.508	10.474.823.601	26.217.825.372	(15.743.001.771)
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	6.597.393.644	(6.597.393.644)	-	(6.597.393.644)
2	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	157.408.483.109	64.408.483.109	47.336.265.864	17.072.217.245	26.217.825.372	(9.145.608.127)
TỔNG CỘNG		109.576.432.682	238.848.153.109	129.271.720.427	102.964.236.826	26.307.483.601	42.050.485.372	(15.743.001.771)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	89.175.443.410	44.122.196.101
- Cổ phiếu	61.473.819.337	30.388.093.582
- Lãi từ trái phiếu FVTPL	25.371.778.398	13.734.102.519
- Lãi từ giấy tờ có giá	2.329.845.675	-
Từ tài sản tài chính HTM	52.740.536.523	68.220.441.026
- Trái phiếu	7.575.196.246	2.040.989.518
- Hợp đồng tiền gửi	45.165.340.277	66.179.451.508
Từ các khoản cho vay	410.734.387.121	330.266.727.544
- Cho vay margin	344.384.603.723	264.399.329.846
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	66.349.783.398	65.867.397.698
Từ tài sản tài chính AFS	8.838.018.000	11.057.027.000
- Cổ phiếu	8.838.018.000	11.057.027.000
TỔNG CỘNG	561.488.385.054	453.666.391.671

22.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	318.591.880.347	307.765.343.020
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	2.479.950
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	400.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	3.473.613.635	1.802.550.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	6.856.900.965	7.196.120.899
Thu nhập hoạt động khác	3.408.700.771	3.233.748.107
- Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.086.010.472	793.709.873
- Doanh thu khác	2.322.690.299	2.440.038.234
TỔNG CỘNG	332.331.095.718	320.400.241.976

23. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 7.7)	1.869.924.305	2.064.063.495
Chi phí dự phòng tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 7.7)	28.763.577.060	2.924.908.328
TỔNG CỘNG	30.633.501.365	4.988.971.823

24. CHI PHÍ LÃI VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	87.212.164.601	79.806.034.159
Chi phí lãi vay khác	47.714.715.565	43.544.553.607
TỔNG CỘNG	134.926.880.166	123.350.587.766

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý	71.944.555.791	99.864.439.116
- Lương và các khoản phúc lợi	69.560.700.631	97.510.235.186
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2.383.855.160	2.354.203.930
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	2.347.245.600	2.251.065.273
Chi phí vật tư văn phòng	312.973.578	987.183.523
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.577.850.798	1.070.615.588
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.030.796.746	5.939.320.735
Chi phí thuê, phí và lệ phí	10.166.877.846	6.454.924.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.166.939.796	18.197.140.619
Chi phí khác	9.397.483.452	9.384.481.025
TỔNG CỘNG	138.944.723.607	144.149.170.291

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	638.965.997	421.170.395
- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	392.718.182
- Thu nhập khác	638.965.997	28.452.213
Chi phí khác	(754.016.714)	(606.452.680)
- Chi phí khác	(754.016.714)	(606.452.680)
Kết quả hoạt động khác	(115.050.717)	(185.282.285)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2023: 20%).

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước (điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	240.929.589.736	237.899.633.818
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	32.064.935.657	3.211.004.812
Lỗi chưa thực hiện trong năm	6.503.891.935	-
Các khoản dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	2.695.952.563	2.230.966.604
Chi phí dự phòng tài sản tài chính được hoàn nhập trong năm	-	18.637.527.390
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(70.311.837.337)	(41.445.120.582)
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	-	(42.948.603.988)
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(500.000.000)	(1.715.797.639)
Chi phí dự phòng tài sản tài chính ghi nhận trong năm	(6.339.520.596)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	205.043.011.958	175.869.610.415
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.008.602.392	35.173.922.083
Thuế TNDN hiện hành ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	6.326.272.325	8.918.909.443
Thuế TNDN đã trả trong năm	(35.626.421.868)	(37.766.559.201)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	11.708.452.849	6.326.272.325

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	8.451.556.272	8.484.430.541	(32.874.269)	4.862.215.320
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	25.854.344.087	20.592.847.366	5.261.496.721	5.783.768.572
TỔNG CỘNG	34.305.900.359	29.077.277.907	5.228.622.452	10.645.983.892
			Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả			20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế			171.529.501.796	145.386.389.534
Trong đó:				
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL			42.257.781.369	42.422.152.708
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS			129.271.720.427	102.964.236.826
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			34.305.900.359	29.077.277.907

28. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	Số cuối năm VND
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	102.964.236.826	26.307.483.601	-	129.271.720.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(20.592.847.367)	(5.261.496.721)	-	(25.854.344.088)
TỔNG CỘNG	82.371.389.459	21.045.986.880	-	103.417.376.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	26.323.901.796	23.135.074.287
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	26.323.901.796	23.135.074.287
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(5.277.914.916)	-
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	(5.277.914.916)	-
TỔNG CỘNG	21.045.986.880	23.135.074.287

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);

có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;

có quyền đồng kiểm soát Công ty;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).
- | Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Tập đoàn Bảo Việt | Công ty mẹ |
| Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT) | Công ty cùng Tập đoàn |
| Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt | Công ty cùng Tập đoàn |
| Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt | Bên liên quan có thành viên Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty |
| Quỹ ETF BVFVN DIAMOND | Bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể |
| Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt | Bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể |
30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)
- 30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)
- Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:
- | Đơn vị tính: VND | | | |
|----------------------------------|--|-------------------|-------------------|
| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
| Tập đoàn Bảo Việt | Phí giao dịch chứng khoán | 49.096.991 | 39.936.356 |
| | Phí lưu ký | 232.768.041 | 201.582.270 |
| | Phí cung cấp báo cáo | - | 70.000.000 |
| | Phí tư vấn | 300.000.000 | 100.000.000 |
| | Phí công nghệ thông tin | (53.916.834) | (120.946.779) |
| | Thuê văn phòng | (10.171.046.400) | (6.161.904.000) |
| | Cổ tức đã trả | (34.624.954.400) | (43.281.193.000) |
| | Phí chi trả cổ tức, quản lý số cổ đông | 121.000.000 | 88.000.000 |
| Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ | Phí lưu ký | 157.663.082 | 95.237.824 |
| | Phí giao dịch chứng khoán | 76.361.443 | 475.966.901 |
| | Thuê văn phòng 11 Nguyễn Công Trứ | (3.314.480.000) | (3.414.240.000) |
| | Thuê văn phòng 94 Bà Triệu | (452.727.266) | (452.727.266) |
| Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt | Phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên | (2.940.252.575) | (3.050.893.980) |
| | Phí giao dịch chứng khoán | 208.688.843 | 510.465.615 |
| | Phí lưu ký | 117.216.645 | 3.777.531 |
| | Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên | (2.279.645.500) | (1.959.400.000) |
| Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt | Phí Bảo hiểm ung thư | (292.232.325) | (271.753.675) |
| | Phí giao dịch chứng khoán | 1.410.967.777 | 304.472.070 |
| | Phí lưu ký | 466.123 | 300.600 |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt | Phí tư vấn | 400.000.000 | 400.000.000 |
| | Thuê văn phòng 233 Đồng Khởi | (6.385.617.818) | (6.377.868.288) |
| | Phí quản lý tòa nhà | (2.191.544.539) | (1.924.250.696) |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt | Chi phí khác | (2.039.098.293) | (1.676.990.537) |
| | Vay ngắn hạn | (340.000.000.000) | (510.000.000.000) |
| Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt | Trái phiếu | - | 50.325.953.400 |
| | Cổ tức | 6.800.000.000 | 8.000.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Các giao dịch	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Tập đoàn Bảo Việt	Phí tư vấn chuyển nhượng TNPQ	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
	Dịch vụ Công nghệ thông tin	(30.236.695)	70.674.321	(53.916.834)	(13.479.208)
	Đặt cọc thuê văn phòng tại số 8 Lê Thái Tổ	1.320.907.170	-	(423.885.000)	897.022.170
	Phải trả tiền thuê văn phòng tại số 8 Lê Thái Tổ	(1.156.050.000)	11.327.096.400	(10.171.046.400)	-
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Tiền ứng tư vấn	(90.000.000)	-	-	(90.000.000)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(650.000.000)	2.174.995.027	(2.279.645.500)	(754.650.473)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Tiền đặt cọc thuê văn phòng tại 233 Đồng Khởi	483.171.840	13.692.437		496.864.277
	Chi phí quản lý tòa nhà tại số 8 Lê Thái Tổ và 94 Bà Triệu	(481.062.674)	2.672.607.213	(2.191.544.539)	-
	Chi phí khác	(72.513.000)	356.471.736	(283.958.736)	-
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức	8.000.000.000	6.800.000.000	(8.000.000.000)	6.800.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Vay ngắn hạn	(170.000.000.000)	510.000.000.000	(340.000.000.000)	-
	Tiền gửi thanh toán	614.614.725	20.524.505.833.455	(20.518.883.910.274)	6.236.537.906
	Trái phiếu	50.325.953.400	-	(50.325.953.400)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát; Tiền lương của Hội đồng quản trị chuyên trách, Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, tiền lương của Hội đồng quản trị chuyên trách	1.339.262.502	1.829.753.426
Lương của Ban Tổng Giám đốc Công ty	1.999.940.511	2.022.334.623
	3.339.203.013	3.852.088.049

30.2 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế – VND	199.953.861.613	197.863.496.415
Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế – VND	(6.471.017.666)	38.086.388.668
Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế – VND	206.424.879.279	159.777.107.747
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) – VND	(12.385.492.757)	(9.458.223.074)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	194.039.386.522	150.190.481.282
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.200.145
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	2.688	2.080

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban Quản trị được ước tính bằng 6% lợi nhuận sau thuế trong năm theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

30.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	21.226.855.782	11.941.449.248
Trên 1 – 5 năm	55.331.778.425	11.613.258.008
Trên 5 năm	13.609.187.460	-
Tổng cộng	90.167.821.667	23.554.707.256

30.4 Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư tài sản tài chính VND	Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm nay					
1. Doanh thu bộ phận	736.183.168.433	247.490.353.270	3.473.613.635	5.620.282.025	992.767.417.363
2. Chi phí bộ phận	419.860.937.601	168.780.852.507	9.079.808.738	15.056.454.457	612.778.053.303
3. Chi phí phân bổ	103.033.968.554	34.638.000.935	486.156.453	786.597.665	138.944.723.607
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	213.288.262.278	44.071.499.828	(6.092.351.556)	(10.222.770.097)	241.044.640.453
Năm trước					
1. Doanh thu bộ phận	645.228.191.463	219.826.866.686	2.205.029.950	68.222.998.028	935.483.086.127
2. Chi phí bộ phận	439.460.413.510	87.482.275.616	10.227.459.864	16.078.850.743	553.248.999.733
3. Chi phí phân bổ	99.423.613.134	33.873.258.545	339.774.436	10.512.524.176	144.149.170.291
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	106.344.164.819	98.471.332.525	(8.362.204.350)	41.631.623.109	238.084.916.103

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo rủi ro thường xuyên và liên tục đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp Hội đồng QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015. Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2025, thay thế cho phụ lục trước đó được ban hành vào ngày 17 tháng 3 năm 2017,

Danh mục các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục. Danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường niêm yết giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu, chứng chỉ quỹ. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 24,97%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh (tiếp theo)

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND)
31 tháng 12 năm 2024		
Kịch bản 1	+10%	5.874.359.750
Kịch bản 2	-10%	(17.123.174.567)
31 tháng 12 năm 2023		
Kịch bản 1	+10%	2.540.203.414
Kịch bản 2	-10%	(10.841.160.387)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng được thực hiện tuân thủ theo Quy định của Tập đoàn Bảo Việt và hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy Công ty không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng Quản trị Công ty. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp, sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không tắt toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2024							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	1.163.146.288.486	-	-	-	-	-	1.163.146.288.486
Trái phiếu	302.597.007.664	-	-	-	-	-	302.597.007.664
Hợp đồng tiền gửi	860.549.280.822	-	-	-	-	-	860.549.280.822
Tài sản tài chính khác	3.533.356.409.658	-	-	-	788.284.863	3.090.296.999	3.537.234.991.520
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	21.210.510.115	-	-	-	-	-	21.210.510.115
Phải thu cổ tức	7.347.831.800	-	-	-	-	-	7.347.831.800
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.502.155.475.371	-	-	-	781.335.691	3.090.296.999	3.506.027.108.061
Khác	2.642.592.372	-	-	-	6.949.172	-	2.649.541.544
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.854.336.536	-	-	-	-	-	167.854.336.536
TỔNG CỘNG	4.864.357.034.680	-	-	-	788.284.863	3.090.296.999	4.868.235.616.542

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại Ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2023							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	1.707.763.500.474	-	-	-	-	-	1.707.763.500.474
Trái phiếu	102.040.989.518	-	-	-	-	-	102.040.989.518
Hợp đồng tiền gửi	1.605.722.510.956	-	-	-	-	-	1.605.722.510.956
		-	-	-			-
Tài sản tài chính khác	3.153.647.788.064	-	-	-	74.625.006.166	(25.965.338.234)	3.202.307.455.996
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.990.280.531	-	-	-	-	-	20.990.280.531
Phải thu cổ tức	8.335.777.750	-	-	-	-	-	8.335.777.750
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.237.317.315.374	-	-	-	-	(25.965.338.234)	3.211.351.977.140
Khác	(112.995.585.591)	-	-	-	74.625.006.166	-	(38.370.579.425)
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.052.691.669	-	-	-	-	-	2.052.691.669
TỔNG CỘNG	4.863.463.980.207	-	-	-	74.625.006.166	(25.965.338.234)	4.912.123.648.139

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính có cùng kỳ hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2024								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	495.815	954.495	-	-	-	-	1.450.310
Trái phiếu	-	-	81.165	-	-	-	-	81.165
Hợp đồng tiền gửi	-	-	873.330	-	-	-	-	873.330
Cổ phiếu	-	495.815	-	-	-	-	-	495.815
Tài sản tài chính khác	3.090	94.373	3.514.460	-	-	-	-	3.611.923
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	21.211	-	-	-	-	-	21.211
Phải thu cổ tức	-	-	7.348	-	-	-	-	7.348
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.090	-	3.502.937	-	-	-	-	3.506.027
Khác		73.162	4.175	-	-	-	-	77.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	167.854	-	-	-	-	167.854
TỔNG CỘNG	3.090	590.188	4.636.809	-	-	-	-	5.230.087
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	2.908.548	-	-	-	-	2.908.548
Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	1.919	-	-	-	-	1.919
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	4.687	-	-	-	-	4.687
Khác	-	-	12.499	-	-	-	-	12.499
TỔNG CỘNG	-	-	2.927.653	-	-	-	-	2.927.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2023								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	473.796	2.088.669	-	-	-	-	2.562.465
Trái phiếu	-	-	442.624	-	-	-	-	442.624
Hợp đồng tiền gửi	-	-	1.646.045	-	-	-	-	1.646.045
Cổ phiếu	-	473.796	-	-	-	-	-	473.796
Tài sản tài chính khác	(25.965)	95.615	3.132.657	-	-	-	-	3.202.307
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.990	-	-	-	-	-	20.990
Phải thu cổ tức	-	-	8.336	-	-	-	-	8.336
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(25.965)	-	3.237.317	-	-	-	-	3.211.352
Khác		74.625	(112.996)	-	-	-	-	(38.371)
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	2.053	-	-	-	-	2.053
TỔNG CỘNG	(25.965)	569.411	5.223.379	-	-	-	-	5.766.825
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	3.358.261	-	-	-	-	3.358.261
Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	1.795	-	-	-	-	1.795
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	6.199	-	-	-	-	6.199
Khác	-	-	22.108	-	-	-	-	22.108
TỔNG CỘNG	-	-	3.388.362	-	-	-	-	3.388.362

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2024, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Thực hiện Kết luận kiểm toán số 58/TK-KTNN ngày 10 tháng 01 năm 2025, Công ty trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Chi tiết như sau:

Trích từ Báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.688.297.541.268	2.755.330.636	5.691.052.871.904
110	I. Tài sản tài chính		5.684.924.131.113	80.259.996	5.685.004.391.109
122	10. Các khoản phải thu khác	[1]	12.926.987.489	80.259.996	13.007.247.485
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		3.373.410.155	2.675.070.640	6.048.480.795
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	[2]	2.995.070.869	2.675.070.640	5.670.141.509
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.698.887.715.085	615.274.124	3.699.502.989.209
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.669.810.437.178	615.274.124	3.670.425.711.302
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[3]	18.950.681.396	615.274.124	19.565.955.520
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.314.776.715.581	2.140.056.512	2.316.916.772.093
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.314.776.715.581	2.140.056.512	2.316.916.772.093
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối	[4]	717.443.961.211	2.140.056.512	719.584.017.723
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.013.664.430.666	2.755.330.636	6.016.419.761.302

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (Tiếp theo)

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây:

[1] Các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng do:	VND
Phải thu tiền thuế TNCN của nhân viên Công ty	80.259.996
	80.259.996
[2] Chi phí trả trước ngắn hạn tăng do:	VND
Chi phí năm 2023 chưa xuất dùng được chuyển sang năm 2024	2.675.070.640
	2.675.070.640
[3] Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng do:	VND
Tăng thuế TNCN phải nộp	80.259.996
Tăng thuế TNDN phải nộp	535.014.128
	615.274.124
[4] Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng do:	VND
Tăng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối, do các điều chỉnh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.140.056.512
	2.140.056.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (Tiếp theo)

Trích từ Bảng kết quả hoạt động

Đơn vị tính: VND					
Mã số	CHỈ TIÊU	Diễn giải	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu trình bày lại)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(3.158.378.993)	24.675.000	(3.133.703.993)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(298.255.357.736)	1.578.686.114	(296.676.671.622)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(17.451.328.264)	82.250.000	(17.369.078.264)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(10.349.920.976)	122.461.112	(10.227.459.864)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác		(16.210.168.604)	131.317.861	(16.078.850.743)
40	Cộng chi phí hoạt động	[1]	(431.837.789.691)	1.939.390.087	(429.898.399.604)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	[1]	(144.884.850.844)	735.680.553	(144.149.170.291)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		235.224.563.178	2.675.070.640	237.899.633.818
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	[2]	(34.638.907.955)	(535.014.128)	(35.173.922.083)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		195.723.439.903	2.140.056.512	197.863.496.415
	Trong đó:				
	Lợi nhuận thực hiện sau thuế		157.637.051.235	2.140.056.512	159.777.107.747
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		2.052	28	2.080

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (Tiếp theo)

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây:

[1] Chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do:	VND
Chi phí năm 2023 chưa xuất dùng được chuyển sang năm 2024	2.675.070.640
	2.675.070.640
[2] Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng do:	VND
Tăng thuế TNDN phải nộp	535.014.128
	535.014.128

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025


Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng


Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.475.372.532.349 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lại Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Quang Vũ	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số tham chiếu: 12816353/E-67864409-ATTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 286 đến trang 313. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của các kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các văn bản pháp quy áp dụng và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samon Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Số Công văn:..... /2025/BVSC-TCKT
V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2024

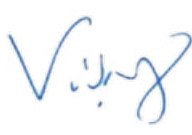
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Kế Toán Trưởng


Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ


Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc



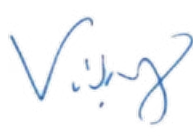
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	136.911.767.569
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	64.003.278.088
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	142.785.554.813
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		343.700.600.470
5	Vốn khả dụng	7	2.328.733.641.427
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		678%

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Kế Toán Trưởng


Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ


Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Hội sở	Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công	Tầng 10, Tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
5. Phòng giao dịch 11 Nguyễn Công Trứ	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch Cao Thắng	Tầng 2, tòa nhà Đô Thành, số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu	Tầng G, Tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.475.372.532.349 VND, tổng tài sản là 5.628.659.765.787 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

1. CÔNG TY (Tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c,d,e đã nêu ở trên.

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2.2 Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91 như sau:

Tỷ lệ vốn khả dụng =
$$\frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 91, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản giảm trừ (Thuyết minh 3.2.1);
- Các khoản tăng thêm (Thuyết minh 3.2.2); và
- Vốn khác (nếu có).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng khối lượng tài sản * giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường));
- Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày (được xác định bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường));
- Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- Các tài sản dài hạn;
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị của tài sản bảo đảm khi tính khoản điều chỉnh giảm của phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 91.

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ (tiếp theo)

Phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng của các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, dài hạn không bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 91, trừ chứng khoán được phát hành bởi công ty con, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty mẹ của Công ty hoặc các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh khoản theo quy định của Thông tư 91;
- Các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

3.2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính; và
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 91.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định đối với các tài sản được quy định tại khoản 2, Điều 9, Thông tư 91, bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

Giá trị rủi ro thị trường của chứng khoán chưa phân phối hết từ các hợp đồng bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành, hợp đồng tương lai được xác định theo các công thức cụ thể được trình bày trong Thuyết minh số 3.3.2.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư 91.

3.3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của trái phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

c. Cổ phiếu (tiếp theo)

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; mệnh giá và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá từ các báo giá; giá của kỳ báo cáo gần nhất; giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất hoặc giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán/Quỹ ETF

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ (“NAV”)/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

e. Hợp đồng tương lai

Giá trị rủi ro thị trường đối với hợp đồng tương lai được xác định theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Max {((giá trị thanh toán cuối ngày – Giá trị chứng khoán mua vào) x Hệ số rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai – Giá trị ký quỹ), 0}

Trong đó:

- Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.
- Giá trị chứng khoán mua vào là giá trị chứng khoán cơ sở mà tổ chức kinh doanh chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai;
- Giá trị ký quỹ là phần giá trị tài sản mà tổ chức kinh doanh chứng khoán ký quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường.

3.3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn; các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán.
- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư 91.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo điểm k khoản 1 Điều 10 Thông tư 91	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
2.	Cho vay chứng khoán	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng – Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)),0}
3.	Vay chứng khoán	Max{(Giá trị tài sản đảm bảo – Giá trị thị trường của hợp đồng),0}
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua – Giá trị thị trường của hợp đồng x (1– Hệ số rủi ro thị trường)),0}
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{(Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 – Hệ số rủi ro thị trường) – Giá trị hợp đồng tính theo giá bán),0}
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max{(Số dư nợ – Giá trị tài sản đảm bảo),0}

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên) hoặc theo quy định cụ thể (đối với chứng khoán phái sinh).

c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

d. Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác, tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư 91 được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán × 100%

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

d. Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày được xác định như sau:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán		Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro thanh toán
Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng	chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%	Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán
	chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100%	

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

3.4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.5 Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liên kế tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác, phần chênh lệch giảm về đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”), chi phí lãi vay và phần chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành đã ghi nhận vào chi phí trong năm.

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng (VND)	0	167.854.336.536	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	0	-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3	-	-
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				
6.1	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
6.2	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
6.3	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
6.4	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	352.693.961.067	52.904.094.160
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
7.1	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
7.2	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
7.3	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
7.4	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (Tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV. Trái phiếu doanh nghiệp (tiếp theo)				
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết				
8.1	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	18.000.000.000	2.700.000.000
8.2	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
8.3	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
8.4	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
8.5	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	13.068.000.000	3.267.000.000
8.6	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
8.7	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
8.8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (Tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
V. Cổ phiếu				
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	307.218.124.570	30.721.812.457
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	24.490.461.100	3.673.569.165
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	26.030.758.600	5.206.151.720
12.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	53.825.695.184	26.912.847.592
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	109.222.793.109	10.922.279.311
15.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
16.	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17.	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18.	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19.	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40	1.509.752.910	603.901.164
20.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	140.000	112.000
VIII. Chứng khoán phái sinh				
21.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22.	Hợp đồng tương lai trái phiếu hình phủ	3	-	-

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (Tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IX. Chứng khoán khác			
23. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
24. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
25. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
26. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
27. Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần	100	-	-
28. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
29. Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
Cách tính: Giá trị rủi ro = Max{((P0 x Q0 x k - P1 x Q1) x R - MD), 0}			
30. Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	10	-	-
31. Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm	10	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)		136.911.767.569	

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	16.681.189.475
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	47.305.632.613
Rủi ro với các khoản tạm ứng (Thuyết minh 5.3)	16.456.000
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 5.4)	-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	64.003.278.088

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (Tiếp theo)

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro VND
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1. Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*)		-	-	-	-	15.919.239.041	761.950.434	16.681.189.475
2. Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
3. Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
4. Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
5. Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								16.681.189.475

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh. Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

(*) Chi tiết:

	Giá trị sổ sách VND	Giá trị tài sản đảm bảo VND	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VND	Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác %	Giá trị rủi ro thanh toán VND
Tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	265.320.650.685	-	265.320.650.685	6,00	15.919.239.041
Dự thu cổ tức	7.347.831.800	-	7.347.831.800	8,00	587.826.544
Phải thu khác	2.176.548.621	-	2.176.548.621	8,00	174.123.890
	274.845.031.106	-	274.845.031.106		16.681.189.475

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (Tiếp theo)

5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	47.305.632.613	47.305.632.613
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN			47.305.632.613	

5.3 Rủi ro với các khoản tạm ứng

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ 0%-5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8	205.700.000	16.456.000
2.	Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100	-	-
TỔNG RỦI RO TẠM ỨNG			16.456.000	

6. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Giá trị VND
I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 31 tháng 12 năm 2024	793.452.521.747
II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	222.310.302.495
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	571.142.219.252
IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	142.785.554.813
V. 20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})	142.785.554.813

6.1 Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	Giá trị VND
Chi phí khấu hao	6.132.198.351
Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	1.869.924.305
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	31.068.000.000
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn khác	(2.304.422.940)
Chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	50.617.722.613
Chi phí lãi vay	134.926.880.166
Tổng cộng	222.310.302.495

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(496.682.500)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	103.417.376.339		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	59.379.106.210		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	59.379.106.210		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	111.398.413.642		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	809.702.675.728		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	132.065.437.268		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		6.378.975.744	510.487.700
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng		2.601.569.481.573	

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (Tiếp theo)

		Vốn khả dụng		
STT	Nội dung	Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
B Tài sản ngắn hạn				
I	Tài sản tài chính			
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
2.	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		1.498.844.100	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
3.	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4.	Các khoản cho vay			
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
5.	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
7.	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
8.	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9.	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
10.	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
11.	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
12.	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
13.	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		10.152.924.445	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

THUYẾT MINH CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (Tiếp theo)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
II	Tài sản ngắn hạn khác			
	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
1.	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		155.779.000	
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.914.154.460	
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		66.000.000	
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7.	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			17.787.702.005
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1.	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2.	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		129.625.360.000	
II	Tài sản cố định		19.663.795.172	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.176.565.237	
2.	Chi phí trả trước dài hạn		33.399.650.083	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		21.210.510.115	
5.	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 91/2020/TT-BTC		-	
1C	Tổng			206.075.880.607

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (Tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		48.972.257.534	
1D	Tổng			48.972.257.534
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			2.328.733.641.427

Ghi chú:

- Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2025


Bà Nguyễn Hồng Thủy
Kế Toán Trưởng


Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ


Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

📍 Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

☎ (84-24) 3.928.8080

📠 (84-24) 3.928.9888

🌐 www.bvsc.com.vn